

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 213 – Chúa nhật 05.01.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị	Vatican 2
NHÂN LOẠI MỚI	TGM. Jos Ngô Quang Kiệt
NGÔI SAO GIÁNG SINH	Lm. Giuse Nguyễn Công Đoàn, SJ
Ở GA 1,21 GIO-AN TÂY GIẢ KHÔNG PHẢI LÀ Ê-LI-A, NHƯNG Ở MT 17,13 GIO-AN LÀ Ê-LI-A, MẤU THUẦN HAY BỔ SUNG LẤN NHAU?	Lm. Giuse Lê Minh Thông, OP.
ĐI TÌM SỰ THẬT VÀ NIỀM VUI	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
Ý NIỆM « SỐNG LẠI » TRONG TƯ TƯỞNG THÁNH AMBRÔSIÔ	Gs. Trần Văn Toàn
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: VỀ SỰ TIỀN ĐỊNH CỦA THIÊN CHÚA VÀ VỀ TỘI LỖI CỦA CON NGƯỜI - VẤN ĐỀ 20A VÀ 20B	Lm. Đan Vinh, HHTM
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ TƯ: DẦN DẦN BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CUỘC SỐNG	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
Coi trọng điều gì nhất?	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
NGƯỜI NGHÈO MÃI KHÓC	Lm. Anmai, CSsR.
50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - CHIA SẼ 38 - 39 - KẾT THÚC	Lm. TTT. Võ Tá Khánh
DỪNG MUỐI VỪA PHẢI	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

Chương IV

Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị ^{85*}

73. Đời sống cộng đoàn ngày nay. Thời đại chúng ta đã được đánh dấu bằng những biến đổi sâu rộng ngay trong cơ cấu và các tổ chức của các dân tộc. Những biến đổi này chính là kết quả của tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội. Những thay đổi này ảnh hưởng nhiều đến đời sống của cộng đoàn chính trị, nhất là trong những vấn đề liên quan tới quyền lợi và bổn phận của mọi người trong việc hành xử quyền tự do công dân và theo đuổi công ích, cũng như trong vấn đề điều hòa những mối tương quan giữa các công dân với nhau cũng như với chính quyền.

Nhờ ý thức mãnh liệt hơn về phẩm giá con người, ngày nay tại nhiều nước trên thế giới, người ta cố gắng thiết lập một thể chế chính trị pháp lý để bảo vệ hữu hiệu hơn quyền lợi của cá nhân trong đời sống công cộng, chẳng hạn quyền được tự do hội họp, tự do lập hội, tự do phát biểu ý kiến và tự do tuyên xưng tín ngưỡng cách riêng tư hoặc công khai: vì việc đảm bảo những quyền lợi của con người là điều kiện thiết yếu để người công dân, với tư cách cá nhân hay đoàn thể, có thể tham gia cách tích cực vào đời sống và vào guồng máy quốc gia.

Song song với tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội, nhiều người còn khao khát mãnh liệt muốn đảm nhận một phần lớn trách nhiệm trong việc tổ chức cộng đoàn chính trị. Nhiều người đã ý thức được mối quan tâm mỗi ngày một lớn là phải bảo vệ quyền lợi của các dân tộc thiểu số trong một quốc gia, nhưng không vì thế mà làm cho các thành phần thiểu số ấy xao lãng bổn phận của họ đối với cộng đoàn chính trị. Hơn nữa, càng ngày người ta càng tôn trọng những người có tư tưởng hay tôn giáo khác với mình. Đồng thời một sự cộng tác rộng rãi hơn cũng được thiết lập để mọi công dân có thể thực sự được hưởng những quyền lợi của con người chứ không riêng gì một số người được ưu đãi.

Trái lại, người ta lên án bất cứ thể chế chính trị nào, như hiện có ở một vài nước, nếu nó ngăn chặn tự do công dân hoặc tôn giáo, nếu nó làm gia tăng con số nạn nhân của tham lam và của tội ác chính trị, nếu nó làm cho việc cai trị đi lệch đường, thay vì mưu cầu công ích lại phục vụ cho một tập đoàn hay chính những người cầm quyền.

Để xây dựng một đời sống chính trị thực sự nhân đạo, ^{86*} không gì tốt hơn là gây nơi thâm tâm mỗi người ý thức về công bằng, lòng nhân ái, và tinh thần phục vụ công ích. Cũng không gì tốt đẹp hơn là củng cố nơi mọi người những xác tín căn bản về bản chất thích thực của cộng đoàn chính trị cũng như về mục đích, về việc thi hành đúng và về những giới hạn của công quyền.

74. Bản chất và mục đích của cộng đoàn chính trị. Cá nhân, gia đình và tập thể, tức là mọi thành phần của cộng đoàn công dân, đều ý thức rằng tự sức mình không một thành phần nào có thể xây dựng được một đời sống thực sự nhân bản, và đều nhận thấy cần phải có một cộng đoàn rộng lớn hơn, trong đó tất cả mọi người hăng ngày hợp lực để mưu cầu công ích mỗi lúc một tốt đẹp hơn ¹. Do đó họ thành lập nên cộng đoàn chính trị dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì thế cộng đoàn chính trị chỉ hiện hữu là vì công ích. Chính công ích là lý do tồn tại, ý nghĩa và là căn bản pháp lý cho cộng đoàn chính trị. Công ích nói đây bao gồm tất cả những điều kiện của đời sống xã hội; nhờ những điều kiện này, cá nhân, gia đình và đoàn thể có thể triển nở cách trọn vẹn và dễ dàng hơn ².

Tuy nhiên, trong một cộng đoàn chính trị gồm nhiều người thuộc đủ mọi thành phần, do đó họ có thể có nhiều quan điểm khác nhau một cách chính đáng. Vì mỗi cá nhân đều bên vực quan điểm riêng của mình, nên để tránh cho cộng đoàn chính trị khỏi tan rã, thì cần phải có một quyền bính để hướng dẫn nỗ lực của mọi công dân nhằm tới công ích. Không phải hướng dẫn cách máy móc hay độc đoán, nhưng tiên vàn như một sức mạnh tinh thần dựa trên tự do và ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm.

Đã hẳn cộng đoàn chính trị và công quyền xây nền tảng trên bản tính con người, cho nên cũng nằm trong trật tự do Chúa an bài, nhưng việc định đoạt một thể chế chính trị hay cắt cử người cầm quyền vẫn là quyền tự do của mọi công dân ³.

Cũng thế, việc hành xử quyền bính chính trị trong chính cộng đoàn hoặc trong các cơ quan đại diện cho quốc gia luôn luôn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý để đem lại kết quả và mưu cầu công ích - công ích ở đây phải hiểu cách năng động - tùy theo trật tự pháp lý đã hoặc sẽ được thiết lập cách hợp pháp. Trong trường hợp đó mọi công dân buộc phải theo lương tâm mà tuân phục ^{4. 87*} Và do đó, những người lãnh đạo đương nhiên có trách nhiệm, có thể giá và có uy quyền.

Tuy nhiên, khi công quyền vượt quá quyền hạn của mình mà đàn áp công dân, thì lúc đó chính công dân cũng không nên từ chối những gì khách quan xét thấy phù hợp với đòi hỏi của công ích. Nhưng họ được phép bênh vực quyền lợi của riêng mình cũng như của đồng bào chống lại những lạm dụng của công quyền, tuy nhiên phải tôn trọng những giới hạn của luật tự nhiên cũng như luật Phúc Âm.

Những phương thức cụ thể mà mỗi cộng đoàn chính trị áp dụng để tổ chức cơ cấu và phân phối quyền hành có thể khác nhau tùy đặc tính và bước tiến lịch sử của mỗi dân tộc. Dầu sao những phương thức này phải luôn luôn nhằm đào tạo cho con người có văn hóa, yêu chuộng hòa bình và có lòng yêu thương đối với mọi người để giúp ích cho toàn thể gia đình nhân loại.

75. Sự cộng tác của mọi người trong đời sống cộng đoàn. Thiết lập những cơ cấu chính trị pháp lý là điều phù hợp với bản tính con người, vì nhờ đó tất cả mọi công dân, không phân biệt ai, có thể mỗi ngày một có cơ hội tham gia cách tự do và tích cực vào việc thiết lập nền tảng pháp lý của cộng đoàn chính trị, tham gia vào việc điều hành quốc gia và xác định mục tiêu và phạm vi của những cơ quan khác nhau cũng như tham gia vào việc lựa chọn người cầm quyền ⁵. Vậy mọi công dân cần phải nhớ tới quyền lợi và đồng thời là bổn phận của họ trong việc tự do sử dụng lá phiếu của mình để mưu cầu công ích. Giáo Hội ca ngợi và quý trọng việc làm của những người vì lợi ích quốc gia mà dấn thân phục vụ con người cùng nhận lãnh gánh nặng của trách nhiệm này.

Để việc cộng tác của các công dân có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ đem lại kết quả tốt đẹp trong đời sống chính trị thường ngày, cần phải có một nền pháp lý thiết định. Nền pháp lý này giúp phân phối hợp lý các nhiệm vụ và các cơ quan công quyền và đồng thời giúp bảo vệ một cách hữu hiệu quyền lợi công dân mà không lệ thuộc vào ai. Quyền lợi của cá nhân, gia đình và đoàn thể cũng như việc sử dụng những quyền đó phải được công nhận, tôn trọng và cổ võ ⁶. Nhưng đồng thời cũng phải chú trọng tới bổn phận công dân của họ. Nói đến bổn phận công dân, cần phải nhắc tới nghĩa vụ phải đóng góp cho quốc gia những dịch vụ về tài lực cũng như nhân lực mà công ích đòi hỏi. Chính quyền không nên ngăn cản những hiệp hội có tính cách gia đình, xã hội hay văn hóa, những đoàn thể hay tổ chức trung gian. Cũng không nên cấm chế những hoạt động hữu hiệu và chính đáng của các tổ chức ấy, nhưng tốt hơn nên sẵn sàng cổ võ và phải có đường lối trong việc cổ võ ^{88*}. Về phía người công dân, cá nhân hay đoàn thể không nên trao cho chính quyền một quyền hành quá lớn, cũng đừng đòi hỏi ở chính quyền những giúp đỡ cũng như những đặc ân quá đáng không phải lúc, vì như thế là làm giảm trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cả các đoàn thể xã hội.

Ngày nay hoàn cảnh mỗi ngày một phức tạp, buộc chính quyền nhiều lúc phải can thiệp vào các vấn đề xã hội, kinh tế và cả lãnh vực văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân cũng như các đoàn thể được tự do phát triển toàn diện con người cách hữu hiệu hơn. Dĩ nhiên tùy địa phương và tùy theo sự tiến hóa của mỗi dân tộc, mối tương quan giữa việc xã hội hóa ⁷ và sự tự trị cùng sự phát triển của con người có thể hiểu theo nhiều cách. Nhưng nếu vì công ích mà phải tạm thời hạn chế việc sử dụng các quyền công dân, thì khi hoàn cảnh đã thay đổi, cần phải tái lập tự do càng sớm càng hay. Song nếu chính quyền đi vào những hình thức chuyên chế hoặc độc tài phạm đến quyền lợi cá nhân hay các đoàn thể thì thật là vô nhân đạo.

Công dân phải nung nấu tinh thần ái quốc với lòng đại lượng và trung kiên chứ không hẹp hòi, nghĩa là làm sao để đồng thời vẫn quan tâm đến ích lợi của toàn thể gia đình nhân loại,

một gia đình được liên kết lại bằng nhiều ràng buộc giữa các nòi giống, chủng tộc và quốc gia.

Tất cả mọi Kitô hữu phải ý thức về sứ mệnh đặc biệt của mình trong cộng đoàn chính trị. Họ phải nêu gương sáng bằng cách phát biểu ý thức trách nhiệm nơi chính mình và tận tâm phục vụ công ích. Nhờ thế, qua hành động, họ cũng chứng minh cho thấy rằng làm sao dung hòa được quyền bính với tự do, sáng kiến cá nhân với sự liên đới và những đòi hỏi của toàn thể xã hội, dung hòa được sự hiệp nhất sinh ích với những dị biệt phong phú. Trong việc tổ chức trần thế, họ phải nhìn nhận những quan điểm chính đáng đối chọi nhau. Họ phải tôn trọng các công dân khác hay các đoàn thể khi những người này bênh vực quan điểm của mình cách thẳng thắn. Những đảng phái chính trị có bốn phận cổ võ những gì họ xét thấy cần cho công ích, chứ không bao giờ được đặt quyền lợi riêng trên công ích.

Muốn cho mọi công dân xứng đáng nắm giữ vai trò của họ trong đời sống của cộng đoàn chính trị, cần phải hết sức quan tâm đến việc giáo dục cả về công dân và về chính trị. Việc giáo dục này ngày nay rất cần thiết cho mọi người nhất là cho giới trẻ. Những ai có khả năng hoặc có thể có khả năng làm chính trị, một nghệ thuật khó khăn nhưng đồng thời rất cao cả⁸, cần phải được chuẩn bị trước và họ phải hăng hái hoạt động và không màng tới tư lợi hay lợi lộc vật chất. Họ phải đem đời sống thanh liêm và sự khôn ngoan chống lại bất công và áp bức, chống độc tài và ngoan cố của một cá nhân hay một đảng phái chính trị. Họ phải đem lòng chân thành và chính trực, hơn nữa tình thương và lòng dũng cảm phải có trong hoạt động chính trị để tận tâm phục vụ ích lợi của mọi người.

76. Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội. Điều rất quan trọng là cần nhận thức chính xác về mối tương quan giữa cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, nhất là trong một xã hội gồm nhiều thành phần. Cũng cần phải phân biệt minh bạch giữa những hành động của các tín hữu hoặc cá nhân hoặc đoàn thể với danh nghĩa công dân dưới sự hướng dẫn của lương tâm Kitô giáo và những hành động của các tín hữu khi họ nhân danh Giáo Hội và hợp nhất với các vị chủ chăn của họ.

Vì lý do chức vụ và thẩm quyền của mình, Giáo Hội không cách nào bị đồng hóa với một cộng đoàn chính trị, và cũng không hề cấu kết với bất cứ hệ thống chính trị nào vì Giáo Hội vừa là dấu chỉ vừa là đảm bảo cho tính cách siêu việt của con người.

Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, mỗi bên với lãnh vực riêng của mình, đều độc lập và tự trị. Tuy nhiên, dầu dưới danh hiệu khác nhau, cả hai cũng đồng phục vụ cho con người trong sứ mệnh cá nhân và xã hội. Tùy theo hoàn cảnh và địa phương, nếu cả hai càng duy trì được sự cộng tác lành mạnh, thì cả hai càng phục vụ lợi ích của con người một cách hữu hiệu hơn. Bởi vì con người không phải chỉ thu hẹp trong nhãn giới trần gian. Nhưng tuy sống trong lịch sử nhân loại, con người vẫn mang một sứ mệnh trường cửu. Được thiết lập trong tình yêu của Chúa Cứu Thế, Giáo Hội có sứ mệnh làm cho công bằng và bác ái lan tràn trong mỗi dân tộc và giữa các dân tộc. Khi rao giảng chân lý Phúc Âm và lấy giáo lý và chứng tá của cuộc sống các Kitô hữu soi sáng mọi lãnh vực của sinh hoạt con người, Giáo Hội cũng tôn trọng và cổ võ tự do chính trị cũng như trách nhiệm của các công dân.

Và được sai đi để loan báo Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế cho mọi người, các Tông Đồ và các Đấng kế vị cũng như những cộng tác viên của các ngài đều dựa vào quyền lực của Thiên Chúa để làm việc tông đồ; còn Thiên Chúa thường tỏ rõ sức mạnh của Phúc Âm trong chính sự yếu hèn của các chứng nhân. Vậy bất cứ ai hiến thân phục vụ lời Chúa đều phải dùng đến đường lối cũng như phương thế riêng của Phúc Âm. Những đường lối và phương thế này khác biệt ở nhiều điểm với đường lối và phương thế của trần gian.

Thực thế, các thực tại trần thế và những thực tại siêu phàm nơi con người đều liên kết mật thiết với nhau. Và chính Giáo Hội cũng xử dụng các thực tại trần thế tùy mức độ mà sứ mệnh riêng của mình đòi hỏi. Tuy nhiên, Giáo Hội không cậy nhờ vào những đặc ân của thế quyền^{89*}. Hơn thế nữa, Giáo Hội cũng sẽ từ chối việc xử dụng một số quyền lợi đã được hưởng một cách chính đáng khi thấy rằng việc xử dụng những quyền lợi đó làm cho người ta nghi ngờ về lòng thành thực muốn làm chứng nhân của mình, hoặc trước những hoàn cảnh mới đòi hỏi phải xử sự cách khác. Tuy nhiên, bất cứ ở đâu và bất cứ thời nào Giáo Hội

cũng phải được tự do rao giảng đức tin, truyền bá học thuyết xã hội của mình cũng như được dễ dàng chu toàn sứ mệnh của mình giữa loài người. Giáo Hội cũng phải được quyền nói lên nhận định luân lý của mình về cả những vấn đề liên quan đến lãnh vực chính trị khi quyền lợi căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi. Nhằm mục đích trên, Giáo Hội xử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Phúc Âm và lợi ích của mọi người tùy theo thời đại và hoàn cảnh khác nhau.

Trung thành theo sát Phúc Âm và thi hành sứ mệnh của mình trong thế giới, Giáo Hội phải cố võ và nâng cao bất cứ điều gì là chân, thiện, mỹ trong cộng đoàn nhân loại ⁹. Làm như thế tức là Giáo Hội xây dựng hòa bình cho con người để làm vinh danh Thiên Chúa ¹⁰.

Chú Thích:

85* 1) Đời sống chính trị hiện nay: đang thay đổi (số 73a). Sự ý thức về nhân phẩm khiến con người đi tìm một chế độ chính trị biết bảo đảm nhân quyền (b), bảo đảm việc tham gia của nhiều người vào chính trị và sự tôn trọng dân tộc thiểu số cũng như những kẻ phát biểu ý kiến khác với mình (c). Do đó con người lên án chế độ xâm phạm quyền tự do và chỉ tìm kiếm ích lợi riêng (d). Muốn thành công phải đổi mới tâm trạng (e).

2) Cộng đoàn chính trị: Nguyên khởi và mục đích là công ích (số 74a). Cần thiết phải có chính quyền (b). Cộng đoàn chính trị và chính quyền đều bởi Thiên Chúa Tạo Hóa mà có. Còn chế độ chính trị thì trái lại phải chọn lựa cách tự do (c). Khi chính quyền tìm kiếm công ích hợp với luân lý, thì lương tâm buộc phải vâng theo luật pháp (d). Chế độ chính trị, dưới bất cứ hình thức nào, tùy theo đặc tính của từng dân tộc, bao giờ cũng phải phục vụ con người và nhân loại (e).

3) Sự cộng tác vào đời sống chính trị: thích hợp với bản tính con người: hai phương tiện cụ thể là quyền bỏ phiếu và hoạt động chính trị (số 75a). Xã hội phải có trật tự pháp lý: công ích. Công dân không nên nhượng quyền quá đáng cho chính quyền, đảng khác cũng không nên đợi chờ chính quyền làm quá nhiều (b). Qui tắc về việc chính quyền can thiệp và chế tài quyền lợi (c). Lòng yêu quê hương (d). Vai trò của tín hữu trong cộng đoàn chính trị (e). Giáo dục chính trị (f).

4) Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội: Phân biệt hoạt động riêng của tín hữu và của Giáo Hội (số 76a). Giáo Hội không chủ trương một chế độ chính trị nào (b), nhưng cả hai có lãnh vực và thẩm quyền riêng và nên cộng tác với nhau (c). Giáo Hội không nhờ quyền thế phàm trần (d), và dù phải xử dụng của cải trong khi thi hành sứ mệnh riêng nhưng không tìm kiếm đặc ân; chỉ đòi hỏi tự do để rao giảng đức tin và bảo vệ nhân quyền cũng như sứ mệnh của mình (e), do đó góp phần cho hòa bình và vinh danh Thiên Chúa (f).

86* Muốn canh tân xã hội qua phạm vi chính trị, con người phải bắt đầu từ nội tâm: ở đây và trong số 75d-f, Công Đồng phác họa một chương trình căn bản về giáo dục công dân:

1) Những đức tính chính yếu: công bằng, lòng tử tế đối với đồng bào, ý muốn phục vụ công ích, lòng yêu quê hương, sự ý thức về ơn gọi của tín hữu trong cộng đoàn. Tín hữu phải làm gương hoạt động vì lương tâm, vâng lời với tinh thần tự do, có sáng kiến trong khi phải tôn trọng đồng bào, biết cộng tác với người khác cả với những ai không đồng ý với mình.

2) Phải hiểu rõ đặc tính cộng đoàn chính trị; mục đích của chính quyền cũng như cách thức hành động trong những giới hạn phải có.

3) Về hoạt động trong cộng đoàn, phải biết chấp nhận sự kiện có người không đồng ý với mình nghĩa là tôn trọng công dân và đảng phái có đường lối khác. Giáo dân có thể hoạt động trong những đảng phái chính trị nào mưu ích chung. Và khi có đủ khả năng để dẫn thân vào cuộc đấu tranh chính trị, phải chuẩn bị trước (cần phải học biết lịch sử, kinh tế, xã hội học, pháp lý, v.v...), phải từ bỏ tư lợi (kẻo dễ bị mua chuộc). Phải trong sạch và khôn ngoan chống lại mọi bất công và áp bức cũng như sự thống trị chuyên chế và ngoan cố, bất

cứ là của một cá nhân hay của một đảng phái. Chính trị gia phải phát triển nhân đức thành thật, thanh liêm, thương yêu và can đảm để phục vụ mọi người.

1 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 417.

2 Xem n.t., n.v.t.

3 Xem Rm 13, 1-5.

4 Xem Rm 13, 5.

87* Phải chăng người công giáo còn chưa ý thức đầy đủ về điều này? Vâng, tuân theo lệ luật quốc gia không phải vì sợ chính quyền, cũng không phải vì nhìn nhận rằng muốn hưởng tự do thì phải tôn trọng tự do kẻ khác. Nhưng vâng theo luật vì lương tâm: vì biết rằng chính quyền là do Thiên Chúa muốn có và vì nhiệm vụ phải phục vụ công ích. Dĩ nhiên các luật đó phải là luật công bằng và phục vụ cho công ích; dĩ nhiên có trường hợp các luật lệ không bó buộc một người nào đó vì những nguyên nhân "thác miến" hay vì "thể ý pháp"; dĩ nhiên có nhà thần học chủ trương rằng một số luật chỉ có tính cách hình luật thuần túy (một lập trường mà các nhà thần học càng ngày càng từ bỏ...), nhưng nếu chúng ta chỉ biết đề cao trường hợp luật trừ thay vì nhấn mạnh tính cách bó buộc của luật pháp, e rằng chúng ta sẽ góp phần quá nhỏ vào việc canh tân xã hội.

5 Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 24-12-1942: AAS 35 (1943), trg 9-24; - 24-12-1944: AAS 37 (1945), trg 11-17. - Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 263, 271, 277-278.

6 Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 200. - Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: n.v.t., trg 273-274.

88* Đức Piô XI (Quadragesimo anno, x. Dz 3738/2265-2266) tuyên bố nguyên tắc hỗ trợ dạy rằng, những cộng đoàn cấp trên không được giữ riêng cho mình tất cả những việc mà các cộng đoàn cấp dưới có thể thực hiện được. Nguyên tắc có giá trị cho quốc gia và các cộng đoàn trong quốc gia (trong Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô giáo Công Đồng nhắc lại rằng phải áp dụng nguyên tắc trong phạm vi giáo dục, số 3b), cho các quốc gia và xã hội quốc tế Pacem in terris, AAS 55 (1963), trg 294; và số 86c sau này), cũng như cho các hội đoàn giáo dân và Giáo Hội (Piô XII, diễn văn cho hội đồng các Đức Hồng Y ngày 20-2-1946: AAS 38 (1946), trg 145). Sở dĩ ta phải công nhận nguyên tắc trên là vì phẩm giá con người, cũng như vì bản thể của xã hội là nhằm phục vụ công ích, chứ không phải chỉ vì lý do thực tế để tránh xa những lạm dụng của các cộng đoàn trên.

Phải lưu ý: nguyên tắc không chỉ cấm các cộng đoàn cấp trên, nhất là quốc gia, làm thay công việc của các cộng đoàn cấp dưới một cách vô lý, mà còn nêu ra phương diện tích cực: trước hết là quốc gia phải cung cấp cho công ích mọi điều các cộng đoàn cấp dưới không đủ khả năng để làm (Populorum progressio, 33; 37; - Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 414), hơn nữa, quốc gia phải làm sao để giúp sức và phương tiện cho các cộng đoàn cấp dưới (Mater et Magistra, n.v.t., trg 438-439).

Câu tiếp theo của Công Đồng nhắc lại cho chúng ta rằng sở dĩ quốc gia nhiều khi không tôn trọng nguyên tắc hỗ trợ là vì thái độ thiếu trách nhiệm của công dân.

7 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 415-418.

8 Xem Piô XI, Huấn từ cho các vị lãnh đạo Hiệp Hội Đại Học Công Giáo: Discorsi di Pio XI: x.b. Bertetto, Torino, q.I (1960), trg 743.

89* Lịch sử gần đây của nước nhà có thể nhắc lại cho chúng ta rằng thái độ ngược lại, nghĩa là trông nhờ vào đặc ân của chính quyền, rất nguy hại cho chính sứ mệnh của Giáo Hội. Hơn thế nữa, tìm kiếm đặc ân cho mình có thể vi phạm công bằng phân phối. Và lại, dù có thể không phạm lỗi gì nhưng việc tìm kiếm đặc ân đó không thích hợp với sứ mệnh của Giáo Hội là phải phục vụ mọi người theo gương của Chúa Giêsu, Đấng đã không đến để được hầu hạ (Mc 10,45). Thái độ siêu thoát và quảng đại như thế càng khó tìm thấy ở những xã hội thắm nhuần tinh thần kính trọng các tôn giáo và các vị đại diện tôn giáo.

9 Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, số 13: AAS 57 (1965), trg 17.

10 Xem Lc 2, 14.

VỀ MỤC LỤC

NHÂN LOẠI MỚI

Lễ Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa

Ds 6, 22-27; Gal 4, 4-7; Lc 2, 16-21

Tám ngày sau khi sinh, Chúa Giêsu được dâng vào đền thờ, chịu phép cắt bì và được đặt tên theo luật Do thái. Đối với người Do thái, tên là người. Vì thế việc đặt tên có ý nghĩa quan trọng. Giêsu có nghĩa là Thiên-Chúa-cứu. Chúa Giêsu là Thiên Chúa. Con người không thể sinh ra Thiên Chúa. Nhưng Thiên Chúa tự nguyện làm con loài người. Nhờ đó Đức Mẹ trở thành Mẹ Thiên Chúa. Sinh ra Chúa Giêsu, Đức Mẹ sinh ra một nhân loại mới để cứu nhân loại cũ do bà Evà sinh ra, đã hư hỏng vì tội lỗi.

Đức Mẹ sinh ra nhân loại mới. Bà Evà sinh ra nhân loại cũ. Nhân loại cũ được sinh ra từ đất thấp. Thiên Chúa muốn nâng con người lên trời cao. Nhưng đất thấp lôi kéo con người chìm xuống. Vì thế con người đã từ địa vị con cái rơi xuống thân phận nô lệ. Trái lại, Đức Mẹ sinh ra một nhân loại mới. Nhân loại mới sinh xuống từ trời cao. Chúa Giêsu là Adam mới, từ trời hạ mình xuống để nâng con người lên. Giải thoát khỏi tình trạng nô lệ. Phục hồi địa vị làm con Thiên Chúa.

Đức Mẹ sinh ra Chúa Giêsu do lời chúc phúc. Bà Evà sinh con do lời chúc dữ. Sau khi hai ông bà nguyên tổ phạm tội, Thiên Chúa đã tuyên án cho bà Evà: “*Ta sẽ làm cho người phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; người sẽ phải cực nhọc lúc sinh con*” (St 3, 16). Trái lại, Đức Mẹ sinh ra Chúa Giêsu do lời chúc phúc như lời thiên sứ: “*Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng*”. Và bà thánh Êlizabeth nói: “*Em được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc*” (Lc 1, 42).

Đức Mẹ sinh con bởi phép Chúa Thánh Thần. Bà Evà sinh con do xác thịt. Như lời Thiên Chúa nói: “*Người sẽ thêm muốn chồng người*” (St 1, 16). Trái lại, Đức Mẹ sinh con bởi phép Chúa Thánh Thần. Như lời thiên thần truyền: “*Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà. .. vì thế Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa*” (Lc 1, 35). Nếu nhân loại cũ được sinh ra theo xác thịt thì nhân loại mới được sinh ra “*không phải do khí huyết, cũng chẳng do ước muốn của nhục thể, hoặc do ước muốn của người đàn ông, nhưng do bởi Thiên Chúa*” (Ga 1,13).

Đức Mẹ quảng đại sinh ra người con quên mình. Bà Evà ích kỷ sinh ra Ca-in là đứa con ham hố. Vì muốn chiếm vị trí trung tâm, nó đã đẩy em là Abel ra vùng ngoại vi. Loại trừ em. Giết chết em. Trái lại, Đức Mẹ quảng đại sinh ra một người con quên mình. Chúa Giêsu là người anh cả, từ bỏ vị trí trung tâm, đi ra vùng ngoại biên nghèo khổ. Người tự hiến mạng sống, để đưa chúng ta là đàn em trở lại vị trí trung tâm, trong cung lòng Thiên Chúa.

Đức Mẹ mở lòng đón nhận sinh ra một thế giới huynh đệ. Bà Evà đóng kín vào bản thân, sinh ra những đứa con chia rẽ bất hòa. Tháp Babel khiến cộng đồng nhân loại tan rã. Trái lại, Đức Mẹ mở lòng đón nhận, nên đã sinh ra Chúa Giêsu là nhân loại mới sống chan hòa tình

huynh đệ. Đón tiếp mục đồng là những người nghèo khổ. Đón tiếp ba vua là những người xa lạ. Để tất cả trở thành anh em một nhà.

Đức Mẹ vâng phục sinh người con hiếu thảo. Bà Evà phản loạn sinh ra những đứa con bất hiếu, chối bỏ Thiên Chúa là Cha. Trái lại, Đức Mẹ vâng phục nên đã sinh Chúa Giêsu là người con hiếu thảo. Nhờ luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Chúa Giêsu qui tụ người muôn nước sống hài hòa dưới mái nhà Cha chung trên trời. Và nhờ đó ta được hưởng hạnh phúc với Chúa như lời thư Galát: *“Vậy anh em không còn phải là nô lệ nữa, nhưng là con, mà đã là con thì cùng là người thừa kế, nhờ Thiên Chúa”*.

Ngày đầu năm ta mong ước những điều mới mẻ. Nhưng thế giới chỉ đổi mới khi có những con người mới. Điều quan trọng là bản thân ta đổi mới. Chính vì thế Giáo hội cầu bình an và đặt năm mới trong bàn tay Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa.

Như xưa Mẹ đã sinh ra Chúa Giêsu, khởi đầu nhân loại mới, nay xin Mẹ cũng sinh lại chúng ta. Để chúng ta trở nên con người mới. Vượt thoát những tầm thường ti tiện của đất thấp, để được sinh lại thanh thoát từ trời cao. Thoát khỏi lời chúc dữ để được sinh lại tràn đầy ân sủng do lời chúc phúc. Thoát khỏi ràng buộc của xác thịt nặng nề để được sinh lại trong Thần Khí tự do.

Con người mới theo khuôn mẫu Chúa Kitô sẽ biết quảng đại cho đi. Biết ra đi đến những miền ngoại biên, gặp gỡ những anh em bị loại trừ, đưa con người trở về vị trí trung tâm. Con người mới sẽ biết mở lòng đón nhận mọi anh em dù khác biệt. Xây dựng thế giới thành một gia đình thân thương, biến thế giới thành một mái nhà chung bình an hạnh phúc. Mọi người trở thành anh em con cùng một Cha trên trời.

Như thế nhân loại được đặt trong bàn tay Thiên Chúa. Và thế giới được chúc phúc như lời Chúa hứa trong sách Dân số: *“Chúc như thế là đặt con cái Israel dưới quyền bảo trợ của Ta, và Ta, Ta sẽ chúc lành cho chúng”*. Đó chính là nhân loại mới. Đó chính là trời mới đất mới. Đó chính là niềm bình an hạnh phúc ta mơ ước.

Lạy Chúa Giêsu Hải Đồng, Chúa sinh xuống trần để mở ra kỷ nguyên mới. Xin cho con biết sinh lại thành con người mới. Để góp phần xây dựng thế giới an bình hạnh phúc trong tình huynh đệ chân thành. Amen.

TGM. Jos Ngô Quang Kiệt

[VỀ MỤC LỤC](#)

NGÔI SAO GIÁNG SINH

(Mt 2)

Thời niên thiếu tôi chỉ biết cái tên nôm na của ngày “Lễ Ba Vua” chứ không biết cái tên Hán Việt “Lễ Hiển Linh” ngày nay. Trong sách Tin Mừng thì chuyện các thánh Anh Hải (các hài nhi bị giết) theo sau chuyện ngôi sao và “Ba Vua”. Hai chuyện này liên quan chặt chẽ với nhau trong chương 2 của sách Tin Mừng Matthêu.

Muốn hiểu các chuyện này ta phải trở lại với các sách Sáng Thế, Xuất Hành và Dân Số trong Cựu Ước.

Sách Sáng Thế (St 37.39-50) kể chuyện Giuse con ông Gia-cóp bị anh em ganh ghét, bán làm nô lệ bên Ai Cập, nhưng cuối cùng ông đã trở thành nhân vật số hai trong nước và giữ nhiệm vụ lập kho lương thực dự trữ cho một nạn đói kéo dài 7 năm. Cha ông và cả dòng họ được đón sang Ai Cập để tránh nạn đói.

Trong sách Xuất Hành (Xh 1-3), vua Ai-Cập sợ dân Hip-ri trở nên hùng mạnh và thành mối đe dọa cho an ninh quốc gia, ra lệnh giết các trẻ nam ngay khi sinh ra bằng cách quăng xuống sông Nin, con sông nuôi sống cả nước Ai Cập cho tới ngày nay. Một bà mẹ đã hành động khác người: bà bỏ đứa con trai vào một cái “thuyền thúng” nhỏ và thả giữa đám sậy bên bờ sông. Đứa bé được công chúa Ai Cập nhận làm con. Đó là Mô-sê người sẽ đưa dân Hipri ra khỏi Ai Cập theo lệnh của Chúa.

Trong sách Dân Số (Ds 22-24), trên đường vào Đất Hứa, dân Hip-ri xin mượn đường băng qua xứ Mô-ap. Vua Mô-ap là Ba-lác phát sợ, cho đoàn sứ giả đi mời ông Bi-lơ-am (Balaam) ở bờ Sông Cả (Eu-phơ-rat), là người có phép nguyện rửa và chúc lành một cách hiệu quả. Ông thỉnh ý Chúa và ban đêm Chúa bảo ông không được đi, không được nguyện rửa dân này.

Vua lại phái đoàn sứ giả thứ hai tới mời. Đêm ấy Chúa bảo Bi-lơ-am cứ đi nhưng chỉ làm những gì Chúa bảo làm.

Trên đường xảy ra chuyện con lừa cái ông đang cỡi không chịu đi, ông đánh nó, nó nói cho ông biết là có sứ thần của Chúa chặn trước mặt. (*Xin mời đọc chuyện Lừa Mẹ và Lừa Con*).

Bây giờ Bi-lơ-am mở miệng đều phải nói lời chúc phúc theo lệnh Thiên Chúa. Lần thứ bảy, ông nói: *“Tôi thấy, không phải cho lúc này; tôi thấy, không phải gần, một ngôi sao xuất phát từ Gia-cóp sẽ làm thủ lãnh, một phủ việt xuất phát từ It-ra-en”* (Ds 24, 17).

Lời sấm này đã được chú ý rất nhiều trong truyền thống Dân của Cựu Ước. Tướng của quân đội Rô-ma là Pompei khi chiếm lãnh đất Si-rô-Pa-let-tin cũng đã sử dụng lời sấm này để tuyên truyền cho việc ông trở thành Hoàng đế của đế quốc Rô-ma. Người lãnh đạo cuộc nổi dậy cuối cùng của dân Do Thái chống đế quốc Rô-ma (132-134) cũng được cải danh là Bar-Kochbah (con của vì sao) để chứng tỏ ông chính là vị cứu tinh được Bi-lơ-am loan báo.

1/ Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người.

Mt kể: *“Khi Đức Giêsu ra đời tại Belem, miền Giu-đê, thời vua Hê-rô-đê trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giêrusalem, và hỏi: “Đức Vua Dân Do Thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người xuất hiện bên Phương Đông.”*

Phản ứng của Hê-rô-đê không có gì khiến chúng ta phải ngạc nhiên, vì ông là người gốc Ê-dôm đã được Rô-ma đặt lên làm vua xứ Giu-đê. Lẽ ra người Do Thái ở Giêrusalem phải vui mừng, nhưng họ lại cũng chung tâm tình với Hê-rô-đê: *“Vua Hê-rô-đê bối rối, và cả thành Giêrusalem cùng [bối rối] với vua.”*

Vua triệu tập các thượng tế và kinh sư để *“hỏi cho biết Đấng Ki-tô phải sinh ra tại đâu”*. Họ tìm ra câu trả lời trong sách ngôn sứ Mi-kha: tại Be-lem, miền Giu-đã.

Chuyện đang công khai, Hê-rô-đê chuyển thành bí mật: **“bí mật với các nhà chiêm tinh, hỏi cặn kẽ về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện, rồi phái các vị ấy đi, căn dặn: xin đi dò hỏi tường tận... khi tìm thấy xin báo lại cho tôi, để tôi cũng đến bái lạy người”**. Tất cả những động từ trên đây cho thấy cáo già Hê-rô-đê [x. Lc 13,32 Chúa Giêsu gọi Hê-rô-đê con của ông là con cáo!] đang tìm cách biến các nhà chiêm tinh thành gián điệp phục vụ cho âm mưu đen tối của ông.

Nhưng ngôi sao không bỏ họ. Họ ra đi thì ngôi sao lại dẫn đường cho họ, đưa họ đến tận nơi Hài Nhi đang ở. *Thấy ngôi sao, họ mừng rỡ vô cùng.* Họ vào nhà, thấy hài nhi và mẹ. Họ sấp mình bái lạy. Họ dâng vàng, mộc dược, nhũ hương.

“Sau đó, họ được báo mộng là đừng trở lại gặp vua Hêrôđê nữa, nên đã đi đường khác mà về xứ mình.” Kết thúc này cũng giống kết thúc câu chuyện Bi-lơ-am: *“Sau đó ông Bi-lơ-am đứng dậy lên đường về xứ, còn vua Ba-lác cũng đường mình mà đi”* (Ds 24,25). Vua Mô-ap là Ba-lác muốn Bi-lơ-am phục vụ kế hoạch của mình, nhưng Thiên Chúa đã can thiệp (phán dạy trong đêm) để ông làm theo kế hoạch của Chúa. Bi-lơ-am và Ba-lác chia tay, mỗi người một hướng.

Cách thức Mt kể tiếp về ngôi sao lại xuất hiện khi họ ra khỏi Giêrusalem và *“dẫn đường cho họ đến tận nơi Hài Nhi ở mới dừng lại”* làm cho chúng ta nhận ra là bản văn đã chuyển “ngôi sao” sang một ý nghĩa biểu tượng: **ánh sáng đức tin**. *“Trông thấy ngôi sao họ mừng rỡ vô cùng. Họ vào nhà, thấy hài nhi với thân mẫu là Maria, liền sấp mình bái lạy”.* **Thấy ngôi sao, vào nhà, thấy thân mẫu và Hài Nhi, sấp mình bái lạy:** chuỗi động từ này đi liền nhau, đối lại với chuỗi động từ diễn tả thái độ và hành động của Hê-rô-đê. Tất cả là do ánh sáng đức tin.

Một chi tiết khác cũng đáng lưu ý: “**nhà**”. Trong sách Tin Mừng, Mt sẽ nhấn mạnh đến ngôi nhà. Cuối bài giảng trên núi, Chúa dùng hình ảnh ngôi nhà để nói về đời sống đức tin xây dựng trên Lời Chúa. Ngôi nhà đầu tiên Chúa sẽ vào khi đi giảng dạy là nhà thánh Phêrô (8,14).

Hai người mù gặp Chúa trên đường, xin Chúa chữa. Chúa cứ làm ngo để cho họ theo sau năn nỉ: *“Lạy Con Vua Đavít, xin thương xót chúng tôi!”* *“Khi Đức Giêsu về tới nhà, thì hai người mù ấy tiến lại gần. Người nói với họ: “Các anh có tin là tôi làm được điều ấy không?” Họ đáp: “Lạy ngài, chúng tôi tin. Bấy giờ Người sờ vào mắt họ và nói: “Các anh tin thế nào sẽ được như vậy”. Mắt họ liền mở ra”* (9,27-30). Khi tuyên bố thành lập Hội Thánh, Chúa Giêsu nói với thánh Phêrô: *“Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời đã mặc khải cho anh. Còn Thầy, Thầy bảo anh, anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên Tảng Đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực âm phủ sẽ không thắng nổi”* (16,13-18). Thiên Chúa hứa xây cho Đavít một *“nhà tồn tại mãi mãi”* (2 Sm 7,5-16). Đức Giêsu, vừa là *Con của Đavít*, vừa là *Con của Thiên Chúa*, là *Thiên Chúa ở cùng chúng ta* xây ngôi nhà của Người là Hội Thánh, mà quyền lực âm phủ sẽ không thắng nổi.

2/ Trốn sang Ai-Cập

“Ngay sau khi các nhà chiêm tinh ra về, thiên sứ của Chúa hiện ra báo mộng cho ông Giuse.” Thiên sứ bảo ông lên đường ngay trong đêm, *“đem hài nhi và mẹ trốn sang Ai Cập và ở lại đó”* cho tới khi có lệnh mới. Lý do là Hê-rô-đê sắp tìm giết hài nhi. Cáo già Hê-rô-đê “thính mũi” lắm nên hẳn cũng đoán ra được là các nhà chiêm tinh chẳng ngảy thơ tới mức trở lại làm gián điệp không công cho ông, nên ông đã có ngay phương án thứ hai khi *“hỏi cận kề về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện”*. Áp dụng sách của Tào Tháo “giết làm hơn tha làm”, ông sai lính đi giết hết các con trẻ ở Be-lem và toàn vùng lân cận, từ hai tuổi trở xuống”. Hêrôđê tưởng “mề lưỡi vét” của ông hiệu quả 100% nhưng ông không ngờ Thiên Chúa “ra tay” trước!

Đến đây ta không thể không liên tưởng đến thánh vịnh số 2: *“Sao chư dân lại ồn ào náo động...vua chúa trần gian cùng nổi dậy, vương hầu khanh tướng rập mưu đồ, chống lại Đức Chúa, chống lại Đấng Chúa đã xức dầu phong vương... Chúa ngự trời cao thấy thế bật cười, Người chế nhạo bọn chúng”*.

Mt đã sử dụng thật tài tình, điều luyện chuyện vua Ai Cập ra lệnh giết các trẻ nam người Hip-ri và Môsê được cứu thoát, chuyện Bi-lơ-am và thánh vịnh số 2 để làm khung cho chúng ta đọc chuyện thánh gia trốn sang Ai Cập. Bi-lơ-am thấy trong tương lai, còn xa. Các nhà chiêm tinh

(cùng nghề, cùng quê với Bi-lơ-am) “*thấy ngôi sao của Người xuất hiện*”. Tương lai trong thị kiến của Bi-lơ-am đã trở thành hiện tại. Điều Thiên Chúa dùng Bi-lơ-am loan báo đã được thực hiện.

Thiên Chúa đã cứu Môsê và dùng ông để đưa dòng dõi Ap-ra-ham ra khỏi ách nô lệ Ai Cập.

Thiên Chúa đã sai Bi-lơ-am loan báo về một vị vua tương lai như một ngôi sao xuất hiện từ Gia-cop. Ngôn sứ Mi-kha loan báo “*Belem là nơi vị thủ lĩnh chăn dắt It-ra-en dân Ta sẽ ra đời*”. Tất cả kết hợp tuyệt vời nơi hài nhi Giêsu.

Mt còn cho thấy việc trốn sang Ai-cập nhắc lại cuộc lưu đầy Ba-by-lon khi trích dẫn ngôn sứ Giê-rê-mi-a: “*Ở Ra-ma vắng nghe tiếng khóc than rên rĩ*” và ngôn sứ Hô-sê: “*Ta đã gọi con Ta ra khỏi Ai-cập*”. Câu trích dẫn cuối cùng là tổng hợp “các ngôn sứ” nên chẳng ai có thể nói chắc là tìm thấy ở đâu.

Phương pháp “*dạy giáo lý*” của Mt là cho thấy tất cả những gì xảy ra liên quan tới hài nhi Giêsu đều nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa đã được loan báo từ thời Ap-ra-ham và suốt lịch sử dòng dõi Ap-ra-ham. Nhưng sự thực hiện vượt quá những gì người ta có thể mừng tượng, vì nơi hài nhi Giêsu Thiên Chúa đã đem vào lịch sử một yếu tố hoàn toàn mới:

- Hài nhi Giêsu xuất thân từ dòng dõi Đa-vid và Ap-ra-ham, nhưng lại sinh ra từ lòng trinh nữ Maria, bởi quyền năng Thánh Thần.

- chính Thiên Chúa đặt tên cho hài nhi là Giêsu, “*vì Người sẽ cứu dân mình khỏi tội*”. Môsê được Thiên Chúa sai đi giải thoát dân của Thiên Chúa: “*Dân của Ta, Con của Ta*”, khỏi ách nô lệ Ai-Cập. Hài nhi Giêsu sẽ cứu “*dân mình*” “*khỏi tội*”.

- Hài nhi Giêsu là “*Con Ta*” theo một nghĩa hoàn toàn mới, vì

- Người là *Em-ma-nu-en*, “*Thiên Chúa ở cùng chúng ta*”. Người cứu chúng ta không phải bằng cách từ trời thò tay xuống kéo ta lên, nhưng đi vào lịch sử, chung thân phận con người, ném đủ mận nhạt chua cay của cuộc sống và cái chết như chúng ta, để đem lại cho chính cuộc sống và cái chết ý nghĩa mới. Người không giải thoát chúng ta khỏi đau khổ, khỏi chết, nhưng biến đổi đau khổ và cái chết cũng như cả kiếp người từ bên trong: “*Thiên Chúa ở cùng chúng ta*” trong mọi hoàn cảnh, mọi giây phút. Tổ tiên chúng ta đã muốn đi đường tắt để nên bằng Thiên Chúa, nên như Thiên Chúa. Thiên Chúa đến ở cùng chúng ta để cho thấy kiếp người thật cao cả và đáng sống, vì nó là con đường để lớn lên mà nên giống như Thiên Chúa.

- Tội phá hủy tất cả. Cứu dân mình khỏi tội, Đức Giêsu Kitô tái tạo tất cả. (xin coi bài “*Ngài đến đây làm gì?*”)

- Thánh Phao lô sẽ tổng hợp giáo lý này trong hai bài thánh ca *Ep 1,3-14* và *Ci 1,15-20*: Thiên Chúa đã thực hiện kế hoạch khi tới hồi viên mãn, “*đó là quy tụ muôn loài trên trời dưới đất dưới quyền một thủ lĩnh là Đức Kitô*”.

Giêrusalem, lễ Thánh Gia 2014.

L.M. Giuse Nguyễn Công Doan, S.J.

Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh Gierusalem

email: ncongdoansj@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

Ở GA 1,21 GIO-AN TẨY GIẢ KHÔNG PHẢI LÀ Ê-LI-A, NHƯNG Ở MT 17,13 GIO-AN LÀ Ê-LI-A. MÂU THUẦN HAY BỔ SUNG LẦN NHAU?

Tác giả: Giu-se LÊ MINH THÔNG, O.P.

Blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 26 tháng 12 năm 2013.

xin chia sẻ bài viết: veut partager sa réflexion:

- Ga 1,21. [Ở Ga 1,21 Gio-an Tẩy Giả không phải là Ê-li-a, nhưng ở Mt 17,13 Gio-an là Ê-li-a, mâu thuẫn hay bổ sung lẫn nhau?](#)

- Jn 1,21. [En Jn 1,21 Jean le Baptiste n'est pas Élie, pourtant en Mt 17,13 il est Élie, contradiction ou complémentarité?](#)

Nội dung

I. Dẫn nhập

II. Đức Giê-su, Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a

- 1) Trong Tin Mừng Nhất Lãm
 - a) Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a
 - b) Đức Giê-su và ngôn sứ Ê-li-a
- 2) Trong Cựu Ước
 - a) Ngôn sứ Ê-li-a được đưa lên trời (2V 2,9-12)
 - b) Ê-li-a sẽ lại xuất hiện (MI 3,23-24)
- 3) Đồng hoá: “Gio-an Tẩy Giả – Ê-li-a”, “Đức Giê-su – Ê-li-a”
 - a) Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a.
 - b) Đức Giê-su và Ê-li-a

III. Gio-an Tẩy Giả trong Tin Mừng Gio-an

- 1) Gio-an Tẩy Giả không phải là Ê-li-a
- 2) Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng (5,35)
 - a) Logos (Lời) là ánh sáng, đến trong thế gian
 - b) Đức Giê-su là ánh sáng cho thế gian
 - c) Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng

IV. Kết luận

I. Dẫn nhập

Trong Tin Mừng Gio-an, tên gọi ngôn sứ Ê-li-a chỉ xuất hiện hai lần (Ga 1,21.25) trong bối cảnh Gio-an Tẩy Giả làm chứng trước những người được gửi đến từ Giê-ru-sa-lem. Khi các tư tế và các Lê-vi hỏi Gio-an Tẩy Giả: “Ông là Ê-li-a phải không?”, Ông ấy trả lời: “Không phải tôi” (1,21a). Vậy tại sao trong Mt 11,13-14; 17,13, Gio-an Tẩy Giả lại được đồng hoá với ngôn sứ Ê-li-a? Chúng tôi trả lời câu hỏi này qua hai bước:

Bước thứ nhất sẽ quan sát ngôn sứ Ê-li-a trong Tin Mừng Nhất Lãm và trong Cựu Ước. Trong Tin Mừng Nhất Lãm không chỉ có sự đồng hoá giữa Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a mà còn có đồng hoá giữa Đức Giê-su và Ê-li-a nữa (Mc 8,27-29 // Mt 16,13-16 // Lc 9,18-20).

Bước thứ hai sẽ phân tích nhân vật Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a trong Tin Mừng Gio-an. Tin Mừng này đã trình bày nhân vật Gio-an Tẩy Giả như thế nào trong tương quan với Đức Giê-su? Hình như trong Tin Mừng Gio-an, thay vì Đức Giê-su đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a, Người đã đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với “ánh sáng”.

II. Đức Giê-su, Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a

Phần này sẽ bàn đến (1) tương quan giữa Đức Giê-su, Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a được trình bày trong Tin Mừng Nhất Lãm. (2) Kế đến đọc Cựu Ước xem cuộc đời ngôn sứ Ê-li-a kết thúc như thế nào và ai loan báo về việc Ê-li-a sẽ trở lại. (3) Cuối cùng, sẽ là phần giải thích hai đồng hoá: “Gio-an Tẩy Giả – Ê-li-a” và “Đức Giê-su – Ê-li-a” trong Tin Mừng Nhất Lãm.

1) Trong Tin Mừng Nhất Lãm

Ngôn sứ Ê-li-a trong Tin Mừng Nhất Lãm được đồng hoá với (a) Gio-an Tẩy Giả và (b) Đức Giê-su.

a) Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a

Sự đồng hoá giữa Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a tìm thấy ở Mt 11,13-14. Đức Giê-su nói với đám đông về Gio-an Tẩy Giả như sau: “13 Cho đến ông Gio-an, tất cả các ngôn sứ cũng như Lê Luật đều đã nói tiên tri. 14 Và nếu anh em chịu tin lời tôi, thì ông Gio-an chính là Ê-li-a, người phải đến” (Mt 11,13-14). (Các trích dẫn Tin Mừng Nhất Lãm và Cựu Ước lấy trong bản dịch NPD/CGKPV).

Một chỗ khác trong Tin Mừng Mát-thêu, sau trình thuật Đức Giê-su biến hình trên núi (Mt 17,1-8), Gio-an Tẩy Giả được đồng hoá với Ê-li-a. Trong trình thuật này, Mô-sê và Ê-li-a hiện ra đàm đạo với Đức Giê-su. Khi Thầy trò xuống núi, các môn đệ hỏi Đức Giê-su rằng: “Vậy sao các kinh sư lại nói Ê-li-a phải đến trước?” (Mt 17,10). Đức Giê-su trả lời: “Ông Ê-li-a phải đến để chỉnh đốn mọi sự. 12 Nhưng Thầy nói cho anh em biết: ông Ê-li-a đã đến rồi mà họ không nhận ra, lại còn xử với ông theo ý họ muốn. Con Người cũng sẽ phải đau khổ vì họ như thế” (Mt 17,11-12). Người thuật chuyện cho biết: “Bấy giờ các môn đệ hiểu Người có ý nói về ông Gio-an Tẩy Giả” (Mt 17,13).

Tin Mừng Lu-ca tường thuật biến cố Đức Giê-su biến hình (Lc 9,28-36), nhưng không có trao đổi giữa Đức Giê-su và các môn đệ khi xuống núi. Còn Tin Mừng Mác-cô, có phần trao đổi giữa Đức Giê-su và các môn đệ như trong Tin Mừng Mát-thêu nhưng lại không có lời giải thích của người thuật chuyện như ở Mt 17,13. Theo Tin Mừng Mác-cô, khi xuống núi, các môn đệ hỏi Đức Giê-su: “Tại sao các kinh sư lại nói ông Ê-li-a phải đến trước?” (Mc 9,11). Đức Giê-su trả lời họ: “12 Đúng thế, ông Ê-li-a đến trước để chỉnh đốn mọi sự. Vậy sao có lời chép rằng Con Người phải chịu nhiều đau khổ và bị khinh chê? 13 Nhưng Thầy nói cho anh em biết: Ông Ê-li-a đã đến, và họ đã xử với ông theo ý họ muốn, như Sách Thánh đã chép về ông” (Mc 9,12-13). Câu chuyện kết thúc ở đây. Như thế Đức Giê-su mặc nhiên đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a và nói đến thân phận của chính Người qua nhân vật bí ẩn “Con Người”.

b) Đức Giê-su và ngôn sứ Ê-li-a

Trong Tin Mừng Nhất Lãm, dân chúng đồng hoá Đức Giê-su với ngôn sứ Ê-li-a. Người thuật chuyện cho biết điều này ở Mc 8,27-29 // Mt 16,13-16 // Lc 9,18-20.

Mc 8,27-29: “27 Đức Giê-su và các môn đệ của Người đi tới các làng xã vùng Xê-da-rê Phi-líp-phê. Dọc đường, Người hỏi các môn đệ: ‘Người ta nói Thầy là ai?’ 28 Các ông đáp: ‘Họ bảo Thầy là ông Gio-an Tẩy Giả, có kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, kẻ khác lại cho là một ngôn sứ nào đó.’ 29 Người lại hỏi các ông: ‘Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?’ Ông Phê-rô trả lời: ‘Thầy là Đấng Ki-tô.’”

Mt 16,13-16: “13 Khi Đức Giê-su đến vùng kế cận thành Xê-da-rê Phi-líp-phê, Người hỏi các môn đệ rằng: ‘Người ta nói Con Người là ai?’ 14 Các ông thưa: ‘Kẻ thì nói là ông Gio-an Tẩy Giả, kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, có người lại cho là ông Giê-rê-mi-a hay một trong các vị ngôn sứ.’ 15 Đức Giê-su lại hỏi: ‘Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?’ 16 Ông Si-môn Phê-rô thưa: ‘Thầy là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống.’”

Lc 9,18-20: “18 Hôm ấy, Đức Giê-su cầu nguyện một mình. Các môn đệ cũng ở đó với Người, và Người hỏi các ông rằng: ‘Dân chúng nói Thầy là ai?’ 19 Các ông thưa: ‘Họ bảo Thầy là ông Gio-an Tẩy Giả, nhưng có kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, kẻ khác lại cho là một trong các ngôn sứ thời xưa đã sống lại.’ 20 Người lại hỏi: ‘Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?’ Ông Phê-rô thưa: ‘Thầy là Đấng Ki-tô của Thiên Chúa.’”

Trong Tin Mừng Nhất Lãm chỉ có Tin Mừng Lu-ca thuật lại câu chuyện về Tiểu vương Hê-rô-đê ở Lc 9,7-9. Khi Hê-rô-đê nghe biết về hoạt động của Đức Giê-su và các môn đệ (rao giảng Nước Thiên Chúa và chữa lành người đau yếu), người thuật chuyện cho biết: “7 Tiểu vương Hê-rô-đê nghe biết tất cả những gì đã xảy ra, thì phân vân lắm. Thật vậy, có kẻ nói: ‘Đó là ông Gio-an từ cõi chết trỗi dậy.’ 8 Kẻ khác nói: ‘Ông Ê-li-a xuất hiện đấy!’ Kẻ khác nữa lại nói: ‘Đó là một ngôn sứ thời xưa sống lại.’ 9 Còn vua Hê-rô-đê thì nói: ‘Ông Gio-an, chính ta đã chém đầu rồi! Vậy thì ông này là ai mà ta nghe đồn những chuyện như thế?’ Rồi vua tìm cách gặp Đức Giê-su” (Lc 9,7-9).

Những trích dẫn trên đây cho thấy dân chúng cho rằng Đức Giê-su là Gio-an Tẩy Giả (Mc 8,28a; Mt 16,14a; Lc 9,7b.19a), là Ê-li-a (Mc 8,28b; Mt 16,14b; Lc 9,8a.19b), là Giê-rê-mi-a (Mt 16,14c), hay là một trong các ngôn sứ (Mc 8,28c; Mt 16,14d; Lc 9,8b.19c). Tất cả những đồng hoá này không chính xác. Si-môn Phê-rô có câu trả lời đúng: “Thầy là Đấng Ki-tô” (Mc 8,29), “Thầy là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16,16), “Thầy là Đấng Ki-tô của Thiên Chúa” (Lc 9,20), nhưng hiểu nội dung những tước hiệu này như thế nào thì còn phải xem lại. Phần sau sẽ cho thấy Phê-rô đã không hiểu những gì mình nói.

2) Trong Cựu Ước

Có hai nơi trong Cựu Ước liên quan đến đề tài: (a) Sự ra đi lạ lùng của ngôn sứ Ê-li-a (2V 2,9-12) và lời ngôn sứ Ma-la-khi về việc Ê-li-a sẽ trở lại (Ml 3,23-24).

a) Ngôn sứ Ê-li-a được đưa lên trời (2V 2,9-12)

Trong Cựu Ước, ngôn sứ Ê-li-a không chết vào cuối đời nhưng ông được đưa lên trời một cách lạ lùng. Sách Các Vua quyển thứ hai thuật lại câu chuyện ông Ê-li-a và Ê-li-sa ở 2V, 2,9-12: “9 Ông Ê-li-a nói với ông Ê-li-sa: ‘Anh cứ xin đi: thầy có thể làm gì cho anh trước khi thầy được đem đi, rời xa anh?’ Ông Ê-li-sa nói: ‘Xin cho con được hai phần thần khí của thầy!’ 10 Ông Ê-li-a đáp: ‘Anh xin một điều khó đấy! Nếu anh thấy thầy khi thầy được đem đi, rời xa anh, thì sẽ được như thế; bằng không, thì không được.’ 11 Các ông còn đang vừa đi vừa nói, thì này một cỗ xe đờ như lửa và những con ngựa đờ như lửa tách hai người ra. Và ông Ê-li-a lên trời trong cơn gió lốc. 12 Thấy thế, ông Ê-li-sa kêu lên: ‘Cha ơi! Cha ơi! Hỡi chiến xa và chiến mã của Ít-ra-en!’ Rồi ông không thấy thầy mình nữa. Ông túm lấy áo mình và xé ra làm hai mảnh.”

b) Ê-li-a sẽ lại xuất hiện (Ml 3,23-24)

Ngôn sứ Ma-la-khi loan báo Ê-li-a sẽ trở lại vào cuối sách Ma-la-khi. Lời ĐỨC CHÚA PHÁN ở MI 3,23-24: “23 Nay Ta sai ngôn sứ Ê-li-a đến với các ngươi, trước khi Ngày của ĐỨC CHÚA đến, ngày trọng đại và kinh hoàng. 24 Nó sẽ đưa tâm hồn cha ông trở lại với con cháu và đưa tâm hồn con cháu trở lại với cha ông, kéo khi Ta đến, Ta sẽ đánh phạt xứ sở đã bị án tru diệt.”

Truyền thống Ki-tô giáo nhìn nhận lời loan báo của ngôn sứ Ma-la-khi được nên trọn nơi nhân vật Gio-an Tẩy Giả và được Tin Mừng Lu-ca thuật lại ở Lc 1,13-17.

3) Đồng hoá: “Gio-an Tẩy Giả – Ê-li-a”, “Đức Giê-su – Ê-li-a”

a) Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a

Truyền thống Tin Mừng Lu-ca nối kết lời tuyên sấm của ngôn sứ Ma-la-khi (MI 3,23-24) trong biến cố truyền tin cho ông Da-ca-ri-a (Lc 1,5-23). Thiên sứ của Chúa nói với ông Da-ca-ri-a trong Cung Thánh của Đền Thờ như sau: “13 Nay ông Da-ca-ri-a, đừng sợ, vì Thiên Chúa đã nhận lời ông cầu xin: Bà Ê-li-sa-bét vợ ông sẽ sinh cho ông một đứa con trai, và ông phải đặt tên cho con là Gio-an. 14 Ông sẽ được vui mừng hơn hở, và nhiều người cũng được hỷ hoan ngày con trẻ chào đời. 15 Vì em bé sẽ nên cao cả trước mặt Chúa. Rượu lạt rượu nồng em sẽ đều không uống. Và ngay khi còn trong lòng mẹ, em đã đầy Thánh Thần. 16 Em sẽ đưa nhiều con cái Ít-ra-en về với Đức Chúa là Thiên Chúa của họ. 17 Được đầy thần khí và quyền năng của ngôn sứ Ê-li-a, em sẽ đi trước mặt Chúa, để làm cho lòng cha ông quay về với con cháu, để làm cho tâm tư kẻ ngỗ nghịch lại hướng về nẻo chính đường ngay, và chuẩn bị một dân sẵn sàng đón Chúa” (Lc 1,13-17).

Lc 1,17a nói đến “thần khí và quyền năng của Ê-li-a” mà Ê-li-sa đã xin Ê-li-a ở 2V 2,9b: “Xin cho con được hai phần thần khí của thầy!” Ở Lc 1,17b, rõ ràng Lu-ca gọi đến MI 3,24b: “Nó sẽ đưa tâm hồn cha ông trở lại với con cháu.” Như thế Gio-an Tẩy Giả đã thực hiện vai trò của Ê-li-a.

Liên hệ giữa Gio-an Tẩy Giả và Ê-li-a được loan báo ngay trong biến cố truyền tin cho ông Da-ca-ri-a cho thấy truyền thống Ki-tô giáo đã đồng hoá vai trò tiền hô của Gio-an Tẩy Giả với loan báo việc Ê-li-a trở lại (MI 3,23-24). Truyền thống Do Thái giáo dựa vào lời tuyên sấm của Ma-la-khi để khẳng định rằng: “Tại sao các kinh sư lại nói ông Ê-li-a phải đến trước?” (Mc 9,11; Mt 17,10). Đức Giê-su xác nhận điều này khi nói: “Đúng thế, ông Ê-li-a đến trước để chỉnh đốn mọi sự” (Mc 9,12a; Mt 17,11). Đối với Đức Giê-su, người ta đã không nhận ra sự xuất hiện của Gio-an Tẩy Giả được đồng hoá với sự xuất hiện của Ê-li-a. Người nói: “Nhưng Thầy nói cho anh em biết: Ông Ê-li-a đã đến, và họ đã xử với ông theo ý họ muốn, như Sách Thánh đã chép về ông” (Mc 9,13 // Mt 17,11). Đức Giê-su đã đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a nhằm đề cao vai trò dọn đường cho Đấng Mê-si-a và Gio-an Tẩy Giả đã làm trọn lời loan báo của ngôn sứ Ma-la-khi về sứ vụ của Ê-li-a.

b) Đức Giê-su và Ê-li-a

Trong sứ vụ công khai của Đức Giê-su, dân chúng đã đồng hoá Đức Giê-su với Gio-an Tẩy Giả, Ê-li-a, Giê-rê-mi-a, hay một trong các ngôn sứ (Mc 8,28; Mt 16,14; Lc 9,8.19). Việc đồng hoá Đức Giê-su với Gio-an Tẩy Giả cho thấy Gio-an có ảnh hưởng rộng lớn trong dân chúng thời đó. Vì thế ở Lc 9,7 người ta cho rằng Đức Giê-su chính là Gio-an Tẩy Giả từ cõi chết trở dậy (cf. Lc 9,7). Gio-an Tẩy Giả được biết đến như là một ngôn sứ và Đức Giê-su xác nhận Gio-an là “ngôn sứ” và “còn hơn cả ngôn sứ” (Mt 11,9).

Xu hướng đồng hoá Đức Giê-su với một trong các ngôn sứ phù hợp với lòng mong đợi của dân Ít-ra-en về vị ngôn sứ mà Đức Chúa sẽ ban cho dân. Mô-sê nói với dân Ít-ra-en ở Đnl 18,15: “Từ giữa anh (em), trong số các anh em của anh (em), ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như tôi để giúp anh (em); anh (em) hãy nghe vị ấy.”

Lời này được Mô-sê xác nhận là Đức Chúa đã nói với ông ở Đnl 18,17-18: “17 Bấy giờ ĐỨC CHÚA phán với tôi: ‘Chúng tôi phải. 18 Từ giữa anh em của chúng, Ta sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như người để giúp chúng, Ta sẽ đặt những lời của Ta trong miệng người ấy, và người ấy sẽ nói với chúng tất cả những gì Ta truyền cho người ấy.’”

Trong Tin Mừng Gio-an, sau dấu lạ bánh hoá nhiều (Ga 6,1-13), người thuật chuyện kể ở Ga 6,14-15: “14 Khi thấy dấu lạ Người [Đức Giê-su] làm, người ta nói: ‘Ông này thực sự là vị ngôn sứ, Đáng phải đến thế gian.’ 15 Đức Giê-su biết họ sắp đến và bắt lấy Người để tôn làm vua. Một lần nữa, Người đi lên núi một mình.” (Trích dẫn Tin Mừng Gio-an lấy trong Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THƯ, Hy Lạp – Việt). Đám đông gán cho Đức Giê-su một tước hiệu quan trọng: “Vị ngôn sứ, Đáng phải đến thế gian”, nhưng đám đông chưa thực sự biết Đức Giê-su là ai. Họ đã hiểu lầm về Người nên Người đã đi lên núi một mình (cf. 6,15). Đức Giê-su là vị ngôn sứ nhưng không theo kiểu ngôn sứ như dân chúng nghĩ.

Như đã trình bày, trong Tin Mừng Nhất Lãm, dân chúng thời của Đức Giê-su cho rằng Người là Gio-an Tẩy Giả, Ê-li-a hay một ngôn sứ nào đó. Những điều này không đúng. Ngay cả câu trả lời đúng của Si-môn Phê-rô: “Thầy là Đấng Ki-tô” (Mc 8,29) cũng cho thấy rằng Phê-rô chưa hiểu đúng về tước hiệu “Ki-tô” của Đức Giê-su. Mác-cô cho biết điều này ở Mc 8,31-33: “31 Rồi Người bắt đầu dạy cho các ông biết Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại. 32 Người nói rõ điều đó, không úp mở. Ông Phê-rô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người. 33 Nhưng khi Đức Giê-su quay lại, nhìn thấy các môn đệ, Người trách ông Phê-rô: ‘Xa-tan! lui lại đằng sau Thầy! Vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người.’”

Các bản văn Tin Mừng trích dẫn trên đây cho độc giả thấy rằng: Nói đúng về Đức Giê-su vẫn chưa đủ, điều quan trọng là hiểu đúng nội dung tước hiệu đó. Trong thực tế, vào thời Đức Giê-su, có nhiều xu hướng chính trị và tôn giáo khác nhau đằng sau các tước hiệu “ngôn sứ” và “Ki-tô (Mê-si-a)” dành cho Đức Giê-su.

III. Gio-an Tẩy Giả trong Tin Mừng Gio-an

Trong Tin Mừng Gio-an có hai điều cần ghi nhận liên quan đến đề tài đang bàn: (1) Gio-an Tẩy Giả khẳng định ông không phải là Ê-li-a trong bối cảnh đặc thù. (2) Đức Giê-su, Đấng là ánh sáng, đã đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với ánh sáng.

1) Gio-an Tẩy Giả không phải là Ê-li-a

Gio-an Tẩy Giả khẳng định ông không phải là ngôn sứ Ê-li-a trong bối cảnh ông làm chứng trước những người được gửi đến từ Giê-ru-sa-lem. Người thuật chuyện kể ở Ga 1,19-28:

19 Và đây là lời chứng của Gio-an, khi những người Do Thái từ Giê-ru-sa-lem cử các tư tế và các Lê-vi đến [với ông ấy] để họ hỏi ông ấy: “Ông là ai?” 20 Ông ấy tuyên xưng chứ không chối, Ông ấy tuyên xưng rằng: “Chính tôi không phải là Đấng Ki-tô.” 21 Họ hỏi ông ấy: “Vậy thì sao? Ông là Ê-li-a phải không?” Ông ấy nói: “Không phải tôi.” – “Ông có phải là vị ngôn sứ chăng?” Ông ấy đáp: “Không.” 22 Vậy họ nói với ông ấy: “Ông là ai, để chúng tôi trả lời cho những người đã cử chúng tôi? Ông nói gì về chính mình?” 23 Ông ấy khẳng định: “Tôi là tiếng kêu trong hoang mạc, hãy làm cho thẳng con đường của Chúa, như ngôn sứ I-sai-a đã nói.” 24 Những người được sai đến thì thuộc nhóm Pha-ri-sêu. 25 Họ hỏi ông ấy và nói với ông: “Vậy tại sao ông làm phép rửa, nếu chính ông không phải là Đấng Ki-tô, cũng không phải là Ê-li-a hay vị ngôn sứ?” 26 Gio-an trả lời họ rằng: “Chính tôi làm phép rửa trong nước. Người đang đứng giữa các ông mà các ông không biết, 27 Người đến sau tôi và [chính tôi] không xứng đáng cúi quai dép của Người.” 28 Những điều đó đã xảy ra tại Bê-ta-ni-a, bên kia Gio-đan, nơi Gio-an làm phép rửa.

Trong Tin Mừng Nhất Lãm Gio-an Tẩy Giả không nói ông ấy là ngôn sứ Ê-li-a, ông cũng không phủ nhận điều đó. Chính Đức Giê-su đã đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a để nói rằng Gio-an đã làm trọn lời ngôn sứ Ma-la-khi loan báo về việc Ê-li-a trở lại để chuẩn bị cho ngày của ĐỨC CHÚA (MI 3,23-24).

Trong Tin Mừng Gio-an, với tư cách là người đến để “làm chứng về ánh sáng” (Ga 1,7), Gio-an Tẩy Giả nói ông không phải là Đấng Ki-tô, không phải là Ê-li-a, không phải là vị ngôn sứ (Ga 1,20-21) để chuẩn bị giới thiệu Đấng quyền năng sẽ đến sau ông, Đấng mà ông tự nhận là “không xứng đáng cỡi quai dép của Người” (Ga 1,27b). Gio-an Tẩy Giả đã thực hiện châm ngôn sống, khi ông nói với các môn đệ của mình: “Đấng ấy [Đức Giê-su] phải lớn lên, còn thầy phải suy giảm” (Ga 3,30). Gio-an Tẩy Giả không là Đấng Ki-tô, không là vị ngôn sứ vì những tước hiệu này dành cho Đức Giê-su. Thật vậy, trong Tin Mừng Gio-an, nhiều lần người ta nói về Đức Giê-su với tước hiệu “Ki-tô (Mê-si-a)” (Ga 1,17.41; 4,25.29; 7,26.27.31.41.42; 9,22; 10,24; 11,27; 12,34; 17,3; 20,31) và “ngôn sứ” (Ga 4,19; 4,44; 6,14; 7,40.52; 9,17).

Tin Mừng Gio-an không nói đến sự đồng hoá giữa Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a, nhưng trình bày một đặc điểm khác. Ông được đồng hoá với “ánh sáng” (Ga 5,35).

2) Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng (5,35)

Tin Mừng Gio-an đặt song song giữa (a) Logos (Lời) là ánh sáng (Ga 1,9); (b) Đức Giê-su là ánh sáng (8,12; 9,5; 12,46), (c) và Gio-an Tẩy Giả cũng là ánh sáng (5,35).

a) Logos (Lời) là ánh sáng, đến trong thế gian

Lời tựa sách Tin Mừng Gio-an (1,1-18) khẳng định rằng Logos là ánh sáng: “Người [Logos] là ánh sáng thật, ánh sáng chiếu soi mọi người, đến trong thế gian” (1,9). Vai trò của Gio-an Tẩy Giả được mô tả ở Ga 1,6-8: “6 Có một người được sai đến từ Thiên Chúa, tên ông là Gio-an. 7 Ông ấy đến làm chứng. Ông làm chứng về ánh sáng, để mọi người tin nhờ ông ấy. 8 Ông ấy không phải là ánh sáng, nhưng làm chứng về ánh sáng.”

Tác giả khẳng định Gio-an Tẩy Giả “không phải là ánh sáng” vì ánh sáng là chính Đức Giê-su, Lời đã trở thành người phàm (1,14). Tuy nhiên theo nghĩa khác và trong bối cảnh khác Đức Giê-su tuyên bố rằng Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng (5,35). Điều này sẽ được nói đến sau.

b) Đức Giê-su là ánh sáng cho thế gian

Ba lần trong Tin Mừng Gio-an, Đức Giê-su tuyên bố Người là ánh sáng (8,12; 9,5; 12,46). Ở 8,12, Đức Giê-su nói với những người Pha-ri-sêu trong bối cảnh tranh luận: “Chính Tôi là ánh sáng của thế gian. Người theo Tôi, chắc chắn sẽ không bước đi trong bóng tối, nhưng sẽ có ánh sáng của sự sống” (8,12). Ở 9,5, Đức Giê-su nói với các môn đệ trước khi chữa lành anh mù từ thuở mới sinh: “Bao lâu Thầy còn ở trong thế gian, Thầy là ánh sáng của thế gian” (9,5). Cuối sứ vụ công khai của Đức Giê-su, Người tuyên bố lần cuối cùng trước khi bước vào cuộc Thương Khó: “Tôi là ánh sáng đến trong thế gian, để bất cứ ai tin vào Tôi thì không ở lại trong bóng tối” (12,46). Điều thú vị trong Tin Mừng Gio-an là Gio-an Tẩy Giả cũng là ánh sáng (5,35).

c) Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng

Trong bối cảnh những người Do Thái đang bách hại Đức Giê-su và tìm cách để giết Người (5,18), Đức Giê-su nói với họ diễn từ về “những việc của người Con (l'oeuvres du Fils)” (5,19-29), phần sau của diễn từ là một chuỗi lời chứng về Đức Giê-su (5,30-47). Trong phần nói về các lời chứng này, Đức Giê-su nói đến lời chứng của Gio-an Tẩy Giả với những người Do Thái ở 5,33-35: “33 Chính các ông đã cử người đến với Gio-an, và ông ấy đã làm chứng cho sự thật. 34 Phần Tôi, Tôi không nhận lời chứng do người phàm, nhưng Tôi nói những điều này để

chính các ông được cứu. 35 Ông ấy là ngọn đèn được thắp lên và toả sáng, chính các ông đã muốn hoan hỷ một thời gian trong ánh sáng của ông ấy.”

Ở 5,35a, Đức Giê-su nói về Gio-an Tẩy Giả rằng: “Ông ấy là ngọn đèn được thắp lên và toả sáng” (5,35a). Động từ “phainô” có nghĩa là “toả sáng”, “chiếu sáng” chỉ xuất hiện hai lần trong Tin Mừng Gio-an (1,5; 5,33). Lần thứ nhất nói về Logos (Lời) là “ánh sáng chiếu soi trong bóng tối, và bóng tối đã không lấn át được ánh sáng” (1,5). Lần thứ hai nói về Gio-an Tẩy Giả, ông là “ngọn đèn được thắp lên và toả sáng” (5,35a).

Ở 5,35b, Đức Giê-su nói tiếp với những người Do Thái về Gio-an Tẩy Giả: “Chính các ông đã muốn hoan hỷ một thời gian trong ánh sáng của ông ấy” (5,35b). Động từ “hoan hỷ” (agalliaô) diễn tả sự kính trọng và sự đóng góp to lớn của Gio-an Tẩy Giả cho dân Ít-ra-en. Còn về danh từ “phôs” (ánh sáng), Đức Giê-su dùng danh từ này để tuyên bố Người là ánh sáng của thế gian (8,12; 9,5; 12,46). Như thế, Đức Giê-su đề cao vai trò của Gio-an Tẩy Giả bằng cách dùng biểu tượng “ánh sáng” để nói về sứ vụ của Gio-an như là “ngọn đèn được thắp lên và toả sáng” (5,35a). Gio-an Tẩy Giả là “ánh sáng” để làm chứng cho “ánh sáng đích thực” là Đức Giê-su.

Sự đồng hoá giữa Logos, Đức Giê-su và Gio-an Tẩy Giả với “ánh sáng” không được nói tới trong Tin Mừng Nhất Lãm. Đây là những đề tài độc đáo và đặc thù của Tin Mừng Gio-an. Tin Mừng này đã có những đóng góp độc đáo vào nền thần học chung các sách Tin Mừng và của toàn bộ Tân Ước.

IV. Kết luận

Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a là hai nhân vật khác nhau. Nhưng truyền thống Tin Mừng Nhất Lãm đã đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với ngôn sứ Ê-li-a theo nghĩa tương tự (analogue). Trong Tin Mừng Lu-ca, Gio-an Tẩy Giả được đầy thần khí và quyền năng của Ê-li-a (cf. Lc 1,17). Như thế Gio-an Tẩy Giả đã làm trọn lời tiên báo của ngôn sứ Ma-la-khi (Ml 3,23-24) về việc Ê-li-a lại đến. Một cách minh nhiên, Đức Giê-su đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với Ê-li-a ở Mt 11,13-14; 17,13.

Truyền thống Tin Mừng Gio-an xây dựng nhân vật Gio-an Tẩy Giả khác với truyền thống Nhất Lãm. Trong bối cảnh của vụ kiện giữa “ánh sáng” và “bóng tối”, giữa “Đức Giê-su” và “những kẻ chống đối”, Gio-an Tẩy Giả khẳng định ông không phải là Đấng Ki-tô, không phải là Ê-li-a hay vị ngôn sứ (1,20-21) để làm chứng về ánh sáng là Đức Giê-su. Chính người là “Đấng Ki-tô” và là “vị ngôn sứ” toàn dân đang mong đợi. Đức Giê-su đề cao sứ vụ của Gio-an Tẩy Giả bằng cách so sánh Gio-an Tẩy Giả với “ánh sáng”. Gio-an Tẩy Giả là “ngọn đèn được thắp lên và toả sáng” (5,35a), vì thế Gio-an Tẩy Giả dự phần vào ánh sáng đích thực là Đức Giê-su. Đức Giê-su là ánh sáng mặt trời chiếu soi toàn thế giới. Gio-an Tẩy Giả là ánh sáng của ngọn đèn được thắp lên và toả sáng, làm hoan hỷ dân Ít-ra-en.

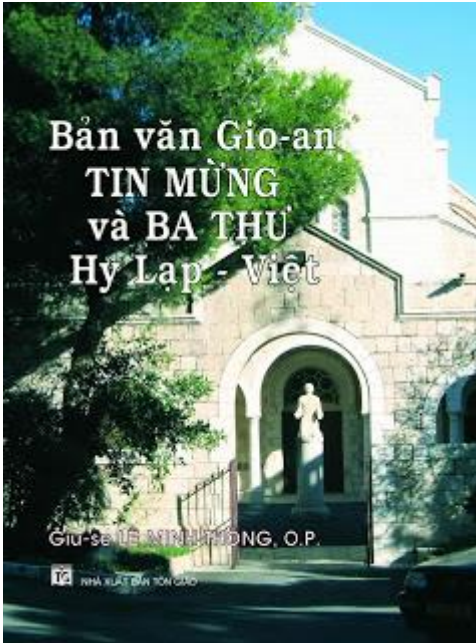
Gio-an Tẩy Giả trong Tin Mừng Nhất Lãm không tự cho mình là ngôn sứ Ê-li-a, còn trong Tin Mừng Gio-an, Gio-an Tẩy Giả khẳng định ông không phải là Ê-li-a. Trong Tin Mừng Mát-thêu, Đức Giê-su đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với ngôn sứ Ê-li-a. Còn trong Tin Mừng Gio-an, Đức Giê-su đồng hoá Gio-an Tẩy Giả với ánh sáng. Vì thế không có sự mâu thuẫn giữa Tin Mừng Mát-thêu (Mt 11,13-14; 17,13) với Tin Mừng Gio-an (Ga 1,21) về tương quan giữa Gio-an Tẩy Giả và ngôn sứ Ê-li-a. Đó là hai cách trình bày khác nhau về Gio-an Tẩy Giả trong tương quan với sứ vụ của Đức Giê-su. Thay vì nghĩ rằng có mâu thuẫn (contradiction), tốt hơn nên nhận ra sự đóng góp quý báu của thần học Gio-an và sự bổ sung lẫn nhau (complémentarité) giữa Tin Mừng Gio-an và Tin Mừng Nhất Lãm./.

Source: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2013/12/o-ga-121-gio-tay-gia-khong-phai-la-e-li.html>

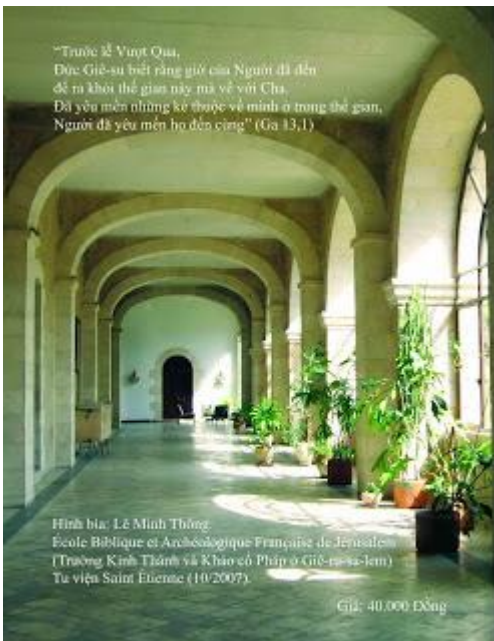
Xin hân hạnh giới thiệu Tác phẩm "Bản văn Gioan Tin Mừng và Ba Thư" được trình bày song ngữ Hy Lạp - Việt hết sức công phu và giá trị cho tất cả những ai yêu mến Lời Chúa và muốn được no say với Lời Hằng Sống. Sách có bán tại các nhà sách Công Giáo.

Xin chân thành cảm ơn tác giả Lm. Giuse Lê Minh Thông, OP. Tiến sĩ Thần học Kinh Thánh đã công hiến cho độc giả CGVN những tác phẩm vô cùng quý báu cho việc học hỏi Thánh Kinh tại VN ngày thêm phong phú.

BBT CGVN



Bìa trước: Nhà Thờ thánh Tô-pha-nô, tu viện anh em Đa Minh.



Bìa sau: Hành lang chính tu viện thánh Tô-pha-nô, dòng Đa Minh.

VỀ MỤC LỤC

ĐI TÌM SỰ THẬT VÀ NIỀM VUI

LỄ HIỂN LINH

(Is 60:1-6; Ep 3:2-3a, 5-6; Mt 2:1-12)

Nguyễn Tiến Cảnh



Từ “Hiển Linh” là dịch từ tiếng “Epiphany” có nghĩa là “*tỏ lộ ra phía trước*”, ám chỉ một biến cố có tính cách riêng tư cá nhân, nhưng nó cũng gây chú ý nơi công chúng. Nếu đem phân tích chi tiết thì sẽ có nhiều phức tạp. Theo thiên ý, từ Hiển Linh rất hay ví nó nói lên được ý nghĩa của ngày lễ hơn là từ Ba Vua đã được dùng từ trước. Thực ra chẳng có danh từ nào là hoàn toàn đúng và được mọi người ưa thích. Đa số chúng ta thường bảo thủ coi những cảm nghiệm của mình là đúng và giữ lấy riêng cho mình. Nhưng ai tin được điều đó? hiểu được việc đó? Điều khôi hài là lễ hiển linh được thiết lập là để chia sẻ với mọi người những ý kiến riêng cũng như chung, dù khó có thể được đã thông một cách trọn vẹn.

GIESU LÀ ĐÁNG THIÊN SAI, LÀ THIÊN CHÚA TỪ KHỜ THỦY

Đây là ý nghĩa câu chuyện Phúc Âm của lễ Hiển Linh hôm nay, đức Giesu Kito chúa chúng ta, tỏ mình một cách tuyệt hảo Người là đáng thiên sai, Con Thiên Chúa và là đáng Cứu Thế. Giáo Hội mừng lễ Chúa Giesu tỏ mình cho những nhà đạo sĩ thờ lạy đến từ phương Đông, đồng thời cũng để ghi nhớ hai biến cố quan trọng khác của chúa Giesu công khai xuất hiện trước thế giới qua bí tích Thanh Tẩy tại sông Jordan và tiệc cưới Cana ở Galilee.

Toàn thể câu chuyện ba nhà đạo sĩ hoàn toàn đượm màu sắc Kito giáo. Họ là những người ngoại quốc và dân ngoại đã làm nổi bật tính phổ quát của tin mừng của “Vua dân Do Thái”. Họ là những người đầy thiện ý, luôn luôn cởi mở với Chúa, sẵn sàng lắng nghe và theo tiếng Chúa gọi. Họ là những người biết đi theo ánh sao trời chỉ đường dẫn đi bất cứ nơi nào. Mắt chăm chú nhìn, họ là những người đơn sơ, không mưu sĩ, dễ dàng bị mê hoặc bởi những vị tư tế chỉ biết tư lợi và các ông vua ác độc chuyên giết người. Họ là hình ảnh con người lãng mạng, đáng yêu, theo đuổi sự thật và tìm kiếm niềm vui đích thực và vĩnh cửu mà người trần không thể có mà cho.

CÂU CHUYỆN NGƯỜI LỚN ĐẦY BI THÂM

Nếu đọc cẩn thận Tin Mừng Mathieu, chúng ta sẽ thấy câu chuyện một trẻ sơ sinh lại trở thành câu chuyện người lớn đầy bi thảm. Mathieu cho chúng ta thấy ngay từ lúc bắt đầu câu chuyện, mọi người dù là dân thường hay thủ lãnh của Israel thì cũng phải vui cái vui chung của mọi người, nhưng lại có người hốt hoảng sợ hãi vì những nỗi niềm riêng tư. Giống như tình trạng sau này, dân Israel chối bỏ Chúa Giesu, nhưng dân ngoại lại đón chào Chúa, đã được Mathieu diễn tả dưới hình thức chuyện kể.

Mathieu bắt đầu câu chuyện ba nhà đạo sĩ như sau: “Vào *thời vua Herod*... (Mt 2:1). Herod trị vì từ năm 37 đến 4 BC. Các nhà đạo sĩ nguồn gốc thuộc giai cấp tư tế ở nước Ba Tư. Danh xưng đạo sĩ sau này cũng được dùng để chỉ những người có kiến thức hiểu biết hơn người. Theo Mathieu thì họ là những nhà thiên văn chuyên nghiên cứu những bí ẩn trên trời thể hiện qua những dấu hiệu mới lạ của sao trời.

Mathieu đã lấy câu chuyện của Balaam trong Cựu Ước, nói về một vì sao sẽ xuất hiện từ nhà Jacob (Ds 24:17). Ngôi sao ở đây không phải là ngôi sao bình thường ở trên trời cao thẳm mà là ám chỉ một vị vua. Không giống như những mục đồng nghèo hèn, các nhà đạo sĩ là những người giàu sang, trí thức, có địa vị cao trong xã hội, đã phải làm một cuộc hành trình dài, phải đối đầu với biết bao nghịch cảnh để mong đạt được mục đích. Đây không phải là cuộc hành hương bình thường mà là một cuộc hành hương có tính lãng mạng đầy áp tình cảm như chúng ta thấy khi ngắm nhìn quang cảnh máng cỏ của chúng ta được thiết lập mỗi năm tại nhà thờ hay tại tư gia của chúng ta vào dịp Giáng Sinh.

Các nhà đạo sĩ tới Bethlehem là để tỏ lòng tôn kính vua dân Do Thái mà họ đang tìm kiếm ở Israel, dưới ánh sáng sao nhà David. “Sao” này sẽ là vua muôn dân. Sự xuất hiện của đức Giesu có nghĩa là dân ngoại có thể nhận ra Người và thờ lạy Người là Con Thiên Chúa và là đấng cứu chuộc nhân loại khi họ trở về cùng với người Do Thái và chấp nhận lời hứa thiên sứ đã ghi trong Cựu Ước.

CÂU CHUYỆN GIÁNG SINH VÀ CHÚNG TA

Biến cố Giáng Sinh của chúa Giesu đã gây xáo trộn cuộc sống của mẹ Maria, của ông Giuse, các nhà đạo sĩ, vua Herod, toàn thể dân thành Jerusalem và tất cả những trẻ sơ sinh lúc đó ở Bethlehem, phải chăng khi đức Kito lớn lên cũng sẽ lôi kéo chúng ta vào cùng cảnh ngộ như vậy sao? Quan sát những mục đồng và quang cảnh thiên thần ca hát, chúng ta lại muốn biết làm sao Chúa có thể xâm nhập vào cuộc sống của chúng ta như vậy. Để nhớ lại và sống với các thiên thần trong ngày đức Giesu sinh ra, bức màn vô hình ngăn cách chúng ta với thế giới thiêng liêng cần phải hủy bỏ. Nhìn hành động của các nhà đạo sĩ, chúng ta thấy là những ai cố công đi tìm sự thật dù cho gặp nhiều gian khổ thì cuối cùng rồi cũng sẽ được toại nguyện, vì có Chúa là sao trời hướng dẫn, nhưng phải thay đổi phương thức làm việc như các nhà đạo sĩ đã thay đổi đường trở về quê hương. Họ không bao giờ đi theo đường cũ để trở về. Khi chúng ta bắt gặp được đức Kito và biết Người là ai thì chúng ta sẽ không bao giờ còn là con người cũ nữa và lúc đó, chúng ta chỉ có ước vọng và bắt đầu thực hiện sứ mệnh của mình là chia sẻ với mọi người những gì đã học hỏi được.

NIỀM VUI ĐÍCH THỰC

Niềm vui thì không bút mực nào có thể diễn tả đầy đủ và trọn vẹn, nhất là niềm vui linh thiêng, niềm vui Thiên Chúa. C.S.Lewis, là một nhà văn Kito giáo đã vận động mọi khả năng, phối hợp mọi văn từ để diễn tả hai chữ ‘Niềm Vui’. Ông rất thích dùng tiếng này, nhất là khi diễn tả cảm nghĩ của ông về Thiên Chúa vĩnh cửu và lòng ao ước Thiên Chúa. Câu chuyện ba nhà đạo sĩ và ánh sao chiếu sáng trên trời cho chúng ta khá nhiều cảm nghĩ, nhưng thực tế còn có biết bao dấu hiệu lạ kỳ khác cũng ở trên trời, nên đôi khi nó cũng mất đi phần nào ý nghĩa của nó. Chính ngôi sao mà chúng ta chiêm ngưỡng nơi máng cỏ lại nhắc nhở chúng ta, ở thời đại ngày nay, một cái gì cần phải suy nghĩ. Cuộc hành trình của ba nhà đạo sĩ và

ngôi sao trên trời cũng biểu hiện nền văn hóa trần thế của chúng ta; nó buộc chúng ta phải tỉnh thức và nhớ lại những điều kiện cần phải có cho cuộc hành hương của chúng ta đi tìm sự thật và niềm vui vĩnh cửu.

Nói về niềm vui, chúng ta nên đọc đoạn #123 trong tông huấn Lời Chúa / Verbum Domini của Biển Đức XVI nói về “Lời và Niềm Vui”.

“-Trong Lời Chúa, chúng ta cũng nghe, cũng nhìn và chạm vào Lời sự sống. Nhờ hồng ân Thiên Chúa, chúng ta tuyên xưng Lời hằng sống đã tỏ lộ, vậy chúng ta đến để cùng nhau nhận biết chúng ta là bạn với nhau, với những người đã ra đi trước chúng ta có in dấu ấn niềm tin, và với tất cả mọi người trên khắp địa cầu này đã nghe được lời Chúa, thờ kính Mình Thánh Chúa và là chứng nhân bác ái suốt đời mình. Lời tuyên bố này đã được chia sẻ với chúng ta –như thánh Gioan tông đồ đã từng nhắc nhở chúng ta- đến độ niềm vui của chúng ta đã được trọn vẹn” (1Ga 1:4).

“-Thượng Hội Đồng đã giúp chúng ta cảm nghiệm được tất cả những điều mà thánh Gioan đã nói tới: Sự tuyên xưng lời đã tạo nên sự hiệp thông và mang lại niềm vui. Đây là một niềm vui sâu xa đã bắt nguồn từ chính trái tim của đời sống Thiên Chúa Ba Ngôi và hiệp thông với chúng ta trong con một của người. Niềm vui này là một tặng vật khôn tả xiết mà trần thế không thể có mà cho được. Mừng lễ thì có thể tổ chức được, nhưng niềm vui thì không. Theo kinh thánh, niềm vui là hoa trái của Chúa Thánh Thần (Gl 5:22) khả dĩ đưa chúng ta đi vào lời và đưa lời thiên chúa đi vào chúng ta để sinh hoa trái cho đời sống vĩnh cửu. Nhờ tuyên xưng Lời Chúa trong quyền năng của chúa Thánh Thần, chúng ta cũng ước mong chia sẻ suối nguồn niềm vui thật, không phải niềm vui hời hợt bề ngoài và chóng qua, mà là niềm vui sinh ra do ý thức được chỉ một mình Chúa Giesu mới có lời của đời sống vĩnh cửu (Ga 6:68).”

ĐÔI LỜI KẾT: LỜI THỰC VÀ NIỀM VUI GIÁNG SINH

Cuối cùng, ba nhà đạo sĩ theo đường riêng của mình để về nhà. Vì họ không muốn bị mê hoặc bởi mưu kế bất chính của Herod, vì họ quá đỗi ngạc nhiên bởi niềm vui vĩ đại họ có được, nên ngôi sao đã dẫn đường cho họ lúc đầu giờ này lại xuất hiện. Ở đây không phải chỉ nói về thời gian lúc chúa Giesu sinh ra mà còn muốn nói tới thời đại chúng ta. Khi chúng ta đã tìm ra được niềm vui vĩnh cửu ở giữa cái vòng tròn lẫn lộn quần đầy bóng đêm sâu muện, đa nghi, thất vọng, vô cảm, dửng dưng và vô nghĩa thì chỉ có một điều duy nhất phải làm là quì gối và thờ lạy như những nhà đạo sĩ ngoại quốc và ngoại giáo đã làm ở Bethlehem hơn 2000 năm trước.

Nếu chúng ta thực sự khôn ngoan thì chúng ta hãy làm những điều mà những nhà đạo sĩ, những nhà thiên văn đã làm. Khi chúng ta nghe biết ông vua già đã chết cùng với nỗi sợ hãi, đa nghi thì hãy can đảm đi theo con đường riêng của mình là con đường VUI MỪNG/NIỀM VUI. Ngôi sao trời và cuộc di hành sẽ dẫn chúng ta hướng về phía trước, bằng lối đi mới, tới trước sự hiện diện của Hải Nhi Thiên Chúa, đức Giesu Kito, Hoàng Tử của Hòa Bình, đáng đã hoàn thành niềm hy vọng và ước nguyện sâu xa nhất của loài người về ánh sáng, công lý, tình thương, bác ái và hòa bình.

Hôm nay, tất cả chúng ta có quyền tuyên xưng với niềm vui sâu thẳm và bất giệt: *Lạy đức Giesu Kito là Thiên Chúa, mọi quốc gia trên mặt đất này sẽ quì gối thờ lạy Chúa.*

Bài thơ dưới đây lấy từ The Skaker tradition. Tôi thấy tuy đơn giản nhưng mang đầy đủ ý nghĩa Lễ Giáng Sinh, nên xin trích ra đây để chúng ta cùng suy nghĩ :

When the song of the angels is stilled,
When the star in the sky is gone,

When the kings are back home,
When the shepherds are once more with their flocks,
When Simeon and Anna have gone to their Master in peace,
Then the work of Christmas begins:
To find the lost, to heal the broken,
To release the prisoners, to rebuild nations,
To bring peace to all people,
To make music in the heart. Amen

Tạm dịch như sau:

Khi tiếng hát thiên thần mờ nhạt...

Sao trên trời biến mất

Các vua chúa trở lại quê nhà

Mục đồng về với chiên cừu

Simeon và Anna ra đi an bình về với Thầy mình

Từ đây công tác Giáng Sinh khởi đầu:

Tìm kẻ thất lạc

Chữa lành kẻ yếu đuối bệnh hoạn

Giải phóng kẻ tù tội

Xây dựng lại quê hương

Mang lại hòa bình cho muôn dân

Cất vang tiếng hát trong mọi tâm hồn. Amen

Fleming Island, Florida

Jan 2, 2014

***TB-** Đây là bài suy niệm của một giáo dân bình thường dựa vào những điều đã được học hỏi nơi Giáo Hội, trong Kinh Thánh/Tin Mừng, những lớp giảng huấn dành cho giáo dân người lớn và những nghiên cứu riêng tư cùng kinh nghiệm sống đạo trong xứ, trong cộng đồng và bạn bè v.v.... Dĩ nhiên có nhiều thiếu sót và có thể sai lỗi, xin quý độc giả và nhất là các đáng bậc góp ý sửa chữa. Rất đa tạ.*

Fxavvy@aol.com

NTC

[VỀ MỤC LỤC](#)

Ý NIỆM « SỐNG LẠI » TRONG TƯ TƯỞNG THÁNH AMBRÔSIÔ

Gs. Trần Văn Toàn

Ân tình với Chúa bỏ đi

Bất tử làm gì, gánh nặng đó thôi

Inmortalitas oneri potius quam usui

nisi adspiret gratia

(*De excessu fratris*, II, 47)

0 - Đi vào đề tài

Có một vài lý do làm cho tôi đặc biệt chú ý đến quan niệm « sống lại » của đạo Chúa Giê-su, trong tư tưởng thánh Ambrôsiô (340-397), sau khi tôi đã có dịp tìm hiểu quan niệm của một số triết gia về cái chết[1].

Một là : nếu các giáo phụ trước đó có suy tư về sự « sống lại », thì cũng chỉ làm việc đó một cách lý thuyết trừu tượng, như là người vô can, còn Ambrôsiô thì đã làm việc đó trong một hoàn cảnh cụ thể, mà ông là người trong cuộc : nhân dịp có người em bị thất lạc, ông đã giảng luận hai bài dài về niềm tin và về niềm hi vọng « sống lại » của đạo Chúa mà ông cũng mới theo.

Hai là vì, khi bàn về cái chết, các triết gia ngoại đạo thường chỉ chú trọng vào vận mệnh riêng của cá nhân, như : chết là hết hay là còn, mà nếu là còn, thì lại tái sinh trong luân hồi hay là đi đâu, v.v. ; trái lại Ambrôsiô khi đưa ra giải pháp « sống lại » thì đã nhấn mạnh vào lập trường căn bản của đạo Chúa, là : « sống lại » sẽ không là gì hết, nếu không phải là được ân nghĩa thân tình với Thiên Chúa – như ông nói trong câu trung dẫn đầu bài này.

Ba là vì chính trong lúc đưa ra quan niệm căn bản đó, ông phải trả lời cho những người bình dân, thường có quan niệm nhị nguyên (coi hồn và xác như là hai thực thể có thể sống biệt lập), lại hay quan niệm sự sống lại như là lại sống trong một kiếp sau cũng có tính cách vật chất như kiếp này. Ngày nay vẫn còn nhiều người nghĩ như thế, cho nên thiết tưởng những câu trả lời của thánh Ambrôsiô vẫn còn là thức thời.

Bốn là vì Ambrôsiô là một người uyên thâm văn hóa la-tinh cổ điển, lại là vị giáo phụ La-tinh cuối cùng ở miền Tây đế quốc Rôma thông thạo tiếng Hi-lạp. Vào thời đó đa số các giáo phụ là người ở miền Đông đế quốc Rôma, sử dụng tiếng Hi-lạp để suy tư về các chân lý đạo Chúa[2]. Với cái học rộng của mình, không những ông có thể tham khảo tư tưởng của các triết gia ngoại đạo để so sánh với tư tưởng đạo Chúa, mà hơn nữa, trong phạm vi đạo Chúa, ông theo dõi được tư tưởng thần học của cả hai miền Đông Tây. Chính vì thế mà khi đọc Ambrôsiô, ta thấy : 1) ông đưa ra một quan niệm về con người, sau khi đã phê bình các nhân sinh quan khác ; 2) và ông giải thích : với con người theo quan niệm đó, thì sự « sống lại » có ý nghĩa gì, có đem thêm lại cho con người được những gì.

Đó là hai phần sẽ trình bày sau đây.

1 – Quan niệm về con người của Ambrôsiô

Quan niệm về vận mệnh con người bao giờ cũng đối chiếu và có liên quan mật thiết với quan niệm về thực tại con người bấy giờ. Nói thế khác, có chấp nhận sẵn trước một quan niệm về con người thì mới có thể tìm hay đề nghị cho con người như thế một vận mệnh thích hợp. Coi sự « sống lại » là vận mệnh con người, tức là coi nó là giải pháp thích hợp với một quan niệm nào đó về con người. Vì thế cho nên trước khi xem Ambrôsiô bàn đến sự « sống lại », cần phải xem ông quan niệm thế nào về con người.

10 – Nhân sinh quan của Ambrôsiô từ đâu mà ra ?

Ambrôsiô^[3] là một người trí thức sinh ra trong miền Tây đế quốc Rô-ma, được học hành để đi ra làm quan, và ông đã là trấn thủ thành Milanô, trước khi theo đạo Chúa Giê-su và được chọn làm giám mục tại thành đó.

Nhân sinh quan của ông có hai nguồn : một là tư tưởng và văn hóa Hi-lạp và La-tinh thời Thượng cổ, hai là tư tưởng tôn giáo của đạo Thiên Chúa thuộc hai ngành là đạo Do-thái và đạo Chúa Giê-su.

Về các nguồn ngoài tôn giáo thì học giả giáo sư Goulven Madec^[4] đã nghiên cứu tỉ mỉ về ảnh hưởng các triết gia thời Thượng Cổ vào nhân sinh quan của Ambrôsiô. Kết quả đại khái như sau đây.

Trước hết, Ambrôsiô đã lấy lại mấy đề tài của Platôn, ví dụ như : quan niệm linh hồn chia ra làm ba phần, thân xác là như cái nhà tù hay là cái mộ của linh hồn, cỗ xe của linh hồn. Nhưng khững ý kiến đó thường không lấy thẳng từ tác phẩm của Platôn, mà là do đọc các tác giả khác mà biết, như : O-ri-ghe-nê, Cicêrô, Plôtin, Porphyrios.

Riêng về Aristoteles và học phái duy-lạc của Epicuros, thì ông khước từ quan niệm của họ, vì họ cho rằng thần linh hay là Thiên Chúa hoàn toàn vô tình đối với loài người. Quan niệm khắc kỷ của học phái Stoa, thời ấy rất thịnh hành trong tư tưởng các giáo phụ, thì ông biết được qua sách vở của Cicêrô là nhà văn người La-tinh.

Goulven Madec kết luận tóm tắt : « Nói rằng về đạo đức học (morale) , Ambrôsiô đã lấy lại được cái phần tinh túy của học phái khắc kỷ và của các nhà đạo đức học ngoại giáo, thì tôi nghĩ là không đúng lắm ; vì lẽ rằng những yếu tố mà ông lấy lại, thì ông lại cho chúng một ý nghĩa mới, làm mất hẳn cái nội dung căn bản (mà tác giả đưa ra). Tôi lại càng không tin rằng Ambrôsiô đã làm được một cái tổng hợp giữa đạo Chúa Giê-su và học phái khắc kỷ Stoa, hay là đã liên kết được hai nền văn hóa và hai nền đạo đức học »^[5].

Có thể nói : các tác giả ngoại giáo không ảnh hưởng vào tư tưởng của Ambrôsiô là bao nhiêu. Cũng như những người có học thức thời đó, ông biết nhiều ý kiến được các nhà tư tưởng đem ra tranh luận, nhưng thường không đọc sách vở của họ. Trong tư tưởng Hi-lạp thì ông biết nhiều hơn cả về học phái Platôn và tân học Platôn, lúc đó đang thịnh hành trong giới thần học từ O-ri-ghe-nê trở đi. Cũng nên nói thêm rằng ông đã tùy theo niềm tin của đạo Thiên Chúa mà lựa chọn tư tưởng triết học. Ông dành phần ưu tiên cho học phái Platôn là vì có tính cách duy linh, khác hẳn khuynh hướng duy vật và duy lạc của Epicuros.

Có điều đáng chú ý là : khi nhận thấy rằng triết học duy linh và đạo Thiên Chúa rất gần nhau, thì ông lại giải thích rằng triết học đó là con đẻ của đạo Thiên Chúa, vì lý do là ông Mô-sê (hay là Mai-sen) đã có trước các nhà hiền triết Hi-lạp. Goulven Madec viết : « Ambrôsiô có niềm thâm tín rằng Sách Thánh là do Thiên Chúa mặc khải, cho nên hoàn toàn là chân lý. Vì thế ông

cho rằng tất cả những điều phải lẽ trong triết học đều là mượn lại của Thánh-Kinh. Học thuyết của các nhà hiền triết trên thế giới đều là lấy từ Thánh-Kinh ra cả ; nếu không có Lề Luật Chúa cho biết thì các khoa học của con người không làm gì có thể sinh ra các học thuyết như thế[6]. Cho nên khi người có đạo mượn lại tư tưởng của các nhà hiền triết thì chẳng qua chỉ là lấy lại cái mà người ta đã mượn của mình trước : những cái có trong sách vở của các nhà hiền triết thực là của chúng ta vậy[7]. Ambrôsiô thường nhắc đi nhắc lại rằng các nhà hiền triết đã mượn hay là lấy trộm đề tài này hay đề tài khác của Thánh-Kinh, như thế tỏ ra rằng ông không có đầu óc rộng rãi như Justinô : ông này cho rằng nhà hiền triết Socrates đã theo đạo Chúa Giê-su trước khi đạo đó xuất hiện »[8].

Với một lập trường như thế Ambrôsiô sử dụng các quan niệm của các nhà hiền triết một cách hoàn toàn tự do, muốn lấy cái gì thì lấy, bất kể đến xuất xứ, cũng không xét có mạch lạc thứ tự hay không. Đã thế, theo như nhận xét của Madec, « hình như Ambrôsiô còn có cái tài đặc biệt là mỗi khi lấy lại một câu nói hay một kiểu nói thì ông bỏ hẳn ý nghĩa tác giả đưa ra, rồi cho nó một ý nghĩa mới mà ông cho là đúng. Đó không phải là làm tổng hợp tư tưởng, nhưng là lấy tư tưởng này thay vào tư tưởng khác »[9].

Nếu Ambrôsiô coi thường triết học như thế thì là vì nhân sinh quan của ông có nguồn gốc khác. Nguồn gốc đó là đạo Thiên Chúa, mà ông biết được qua Thánh-Kinh, qua sách vở của nhà tư tưởng Do-thái là Philôn (20-54) người thành Alexandria, và qua các tác giả tin tưởng vào Chúa Giê-su . Vì thế vấn đề tìm nguồn gốc tư tưởng triết học của Ambrôsiô không cần thiết mà cũng không quan trọng, vì đối với ông, tư tưởng của các nhà hiền triết là như một nhà kho, chứa những đồ phụ tùng, ông cần cái gì thì lấy cái ấy. Có thể thôi.

Nói tóm lại : có thể nghiên cứu về nhân sinh quan của Ambrôsiô mà không cần để ý đến những quan niệm triết học mà tùy hứng ông thu lượm đó đây.

11 – Con người đích thực, đó là linh hồn

Nhân sinh quan của Ambrôsiô là nhân sinh quan tôn giáo, mà căn bản là niềm tin rằng con người đã do Thiên Chúa tác tạo, theo như hình ảnh của Ngài. Trong sách *Exameron* giải nghĩa về việc tạo thiên lập địa (trong Sách *Sáng Thế*, chương 1), ông viết : « *Thiên Chúa phán : Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta.* Thế thì ai nói như thế ? Phải chăng là Đức Chúa, là vị đã làm ra con người ? Nhưng Đức Chúa là gì ? Là thân xác hay là tinh thần ? Dĩ nhiên Ngài không phải là thân xác, nhưng là tinh thần. Thân xác không thể giống như tinh thần được, vì tinh thần thì không có thân xác và cũng không ai trông thấy được, mà thân xác thì ta cầm lấy, ta xem thấy được »[10].

Vì được tác tạo theo một mẫu như Thiên Chúa, cho nên con người là tinh thần chứ không phải là thân xác, là linh hồn chứ không phải là thân thể. Vì lẽ rằng cái thân xác, có thịt có xương, là cái chung cho loài vật và loài người, nó không phải là hình ảnh Thiên Chúa. Linh hồn mới thực là hình ảnh Thiên Chúa, mới thực là cái làm cho loài người có thể cai quản loài vật[11].

Trong bài *Về việc hoàng đế Theodosius băng hà* , Ambrôsiô cũng đưa ra quan niệm như thế, nhưng ông đưa thêm ra một vài hậu quả. Hồn và xác là do hai nguồn gốc khác nhau, cho nên sẽ đi theo hai vận mệnh khác nhau : xác thì đã bởi đất mà ra cho nên sẽ trở về đất, còn hồn thì đã được tác tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa, cho nên sẽ được an nghỉ ở thế giới bên trên »[12].

Xem như thế thì có vẻ rất gần nhân sinh quan của Platôn (429-347 trước TLKN) hay là Plôtin (204-270). Nhưng vì có niềm tin Thiên Chúa tạo thiên lập địa, cho nên Ambrôsiô rất khác hai triết gia kia : linh hồn dù có được tác tạo theo như hình ảnh Thiên Chúa, nhưng vẫn là vật thụ tạo, cho nên linh hồn không phải là thần linh, như Platôn và Plotinos nghĩ[13].

Về quan niệm nhị nguyên, thì có một vài bản văn của Ambrôsiô rất gần tư tưởng của Platôn. Ví dụ như trong sách *Về điều tốt của cái chết*, ông viết : « Kẻ thù địch của anh, chính là thân thể (corpus) của anh đó : nó chống lại tinh thần của anh và công việc của nó là gây ra thù nghịch, bất hòa, kiêu tưng và làm rối trật tự. Anh đừng pha trộn linh hồn anh với nó kéo rồi lẫn lộn cả hai. Thực vậy, vì pha trộn như thế cho nên xác thịt (caro) trước đây ở bên dưới thì bây giờ nó thành ra tốt hơn linh hồn là cái ở bên trên : linh hồn truyền sự sống cho thân thể (corpus), còn thân xác (caro) thì truyền sự chết cho linh hồn »[14]. Còn nhiều bản văn khác cũng đưa ra ý kiến như thế.

Có điều đáng chú ý là Ambrôsiô dùng lẫn lộn hai từ ngữ « thân thể » (corpus) và « xác thịt » (caro), cho nên ý nghĩa chữ này lẫn với ý nghĩa chữ kia. Thực ra hai từ ngữ được dùng trong hai phạm vi khác nhau : « thân thể » (corpus/corps) là ý niệm trong *nhân sinh quan*, nó đối lại với « linh hồn » (anima/âme), còn « xác thịt » (caro/chair) là ý niệm trong *thần học*, nó đối lại với « tinh thần » (spiritus/esprit), và trong Thánh-Kinh người ta dùng nó để nói về thế giới tội lỗi, thế giới đối nghịch với Thiên Chúa[15]. Vì không phân biệt hai phạm vi cho nên nhân sinh quan của Ambrôsiô chuyển sang hướng bi quan, coi thân thể cũng là xác thịt, nghĩa là không tốt, và đó cũng là quan niệm của Platôn.

Ngược lại, vì Ambrôsiô cho rằng sự đối chọi giữa « xác thịt » và « tinh thần » và sự đối chọi giữa « thân thể » và « linh hồn » thì cũng là một, cho nên nhân sinh quan của Platôn cũng được giải thích theo như thế. Ví dụ trong sách *Về Isaac*, ông viết : « Linh hồn là một cỗ xe ngựa, có người giỏi cầm dây cương. Cũng như các cỗ xe, linh hồn có ngựa tốt và ngựa xấu. Ngựa tốt là những nhân đức của linh hồn, còn ngựa xấu là những đam mê của thân xác. Người cầm dây cương phải trị được ngựa xấu, bắt chúng phải vào kỷ luật, đồng thời phải biết khuyến khích ngựa tốt. Có bốn con ngựa tốt là : *khôn ngoan, điều độ, dũng cảm* và *công bình*. Các ngựa xấu là : *giận dữ, dục vọng, sợ hãi, và bất công*[16]. Sau đây ta xét xem tư tưởng của Ambrôsiô đã chuyển hướng như thế nào.

Nên chú ý là thường thì các triết gia không theo một tiêu chuẩn để phân biệt ra các nhân đức. Nếu thầy Khổng nói đến ngũ thường, là : *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, thì Platôn phân biệt ra bốn nhân đức, vì ông chia thân thể người ta ra làm ba phần : *đầu* là trú sở của lý trí, sinh ra sự *khôn ngoan*, *ngực* là trú sở của sức mạnh, sinh ra sự *dũng cảm*, và *hạ bộ* (từ hoành cách mô trở xuống) là trú sở của *dục vọng*, mà dục vọng là con ngựa xấu cần phải lấy *điều độ* mà chế ngự[17]; ngoài ba nhân đức ấy thì có nhân đức thứ bốn là *công bình*, có công tác là điều hòa ba nhân đức kia cho con người có thăng bằng. Trái lại với bốn nhân đức ấy thì, như vừa kể ra trên đây, linh hồn có bốn nét xấu phải tránh : *giận dữ, sợ hãi, dục vọng* và *bất công*.

Đến đây ta thấy rõ là Ambrôsiô lấy lại hệ thống các nhân đức và các nét xấu của Platôn, nhưng ông lại thay đổi hẳn lối phân chia : ông cho rằng các nhân đức thì thuộc về linh hồn, còn các nét xấu thì thuộc về thân xác, hiểu theo nghĩa thần học là xác thịt. Quan niệm bi quan về thân xác như thế, không phải là của chính Platôn, nhưng là do ảnh hưởng của phái tân học Platôn do Plôtin cầm đầu. Triết gia này chủ trương rằng linh hồn trước đây tự nó ở trong lý giới, nhưng vì bị vật chất lôi cuốn, nên ngã rơi xuống thế giới vật chất, hợp với thân xác mà thành con người. Có điều là theo như Plôtin thì các nét xấu không phải là của thân xác, nhưng là do sự linh hồn đan díu với thân xác mà ra. Cho nên nói cho cùng thì Ambrôsiô cũng không lấy lại hẳn quan niệm của Plôtin. Ông dùng hai triết gia Platôn và Plôtin, nhưng lại ghép họ vào quan niệm của ông là đồng hóa *thân thể* với *xác thịt*, đồng hóa *xác thịt* với *vật chất*[18], nghĩa là : cái thân thể trong nhân sinh quan, vốn tự nó không tốt, cũng không xấu, thì ông lại cho rằng nó cũng là cái *xác thịt* mà quan niệm thần học coi là tội lỗi.

Trong bài giảng *Về cái chết của người em*, tác giả viết : « Nếu xác thịt của chúng ta muốn tránh tù ngục, nếu nó ghét tất cả những cái gì ngăn trở không cho nó đi lại thông dong, thì linh hồn của chúng ta lại càng muốn thoát ra khỏi cái nhà tù là thân xác chúng ta »[19]. Đó thực là đúng tư tưởng của Platôn. Phải, Platôn thường coi thân xác (sôma) như là cái mộ (sêma), như

là cái nhà tù[20], hay là như cái hang tối tăm làm cho ta không trông thấy thực chất của sự vật[21]. Trong bài đối thoại *Phaidros* (*Phèdre*, 246c-248c), Platôn giải thích là linh hồn sa đọa xuống thế giới hình sắc này. Tuy vậy nhân sinh quan của Platôn trong bài đối thoại *Timaios* (*Timée*, 30b, 33a, 34a, 35c và 92b) không đến nỗi bi quan như thế về thân xác và về sự linh hồn rơi từ trên xuống thân xác, vì ở đây Platôn cho rằng linh hồn là món quà mà vị tạo hóa (demiourgos/démiurge) đã cho, để đem lý trí vào trong vũ trụ này. Chính quan niệm này đã được Plôtin (thuộc phái tân học Platôn) chú giải trong sách *Ennéades*, như sau : khi nói rằng linh hồn rơi xuống thân xác, thì chỉ là nói về cái phần dưới của linh hồn mà thôi, còn phần trên của linh hồn thì vẫn ở trong lý giới. Hơn nữa, khi đi xuống thân xác như thế, thì linh hồn có cái công tác là đem ảnh hưởng của lý giới vào trong các sự vật hữu hình hữu sắc. Như thế có nghĩa là thế giới hữu hình và lý giới không còn phải là hai thế giới hoàn toàn đối nghịch nhau, và vì thế ta không có lý do gì để coi thường thế giới vật chất hữu hình này nữa. Tuy vậy cả Plôtin lẫn Platôn đều cho rằng con người đích thực chỉ là linh hồn mà thôi.

Xem như thế thì ta thấy, về mặt nhân sinh quan, Ambrôsiô đi theo hướng nhị nguyên của Platôn, mà vẫn tưởng là hợp với quan niệm trong Thánh-Kinh. Lý do là vì Thánh-Kinh thường dùng chữ « linh hồn » để nói về cả con người. Ví dụ trong Thánh Vịnh 103 (102) có câu : « Chúc tụng Chúa đi, hồn tôi hỡi ! ». « Hồn tôi » có nghĩa là « chính tôi »[22]. Thực ra ở đây có một chút hiểu lầm, vì nhân sinh quan trong Thánh-Kinh không có tính cách nhị nguyên : người Do-thái coi con người là một đơn vị, có thể gọi là « linh hồn » (nefes) hay gọi là « xác thịt » (basar) cũng được cả, mỗi cách gọi chỉ có ý nhấn mạnh vào một khía cạnh của cùng một con người mà thôi. Rõ ràng là khi đọc Thánh-Kinh thì Ambrôsiô đem quan niệm nhị nguyên của mình mà gán cho nhân sinh quan người Do-thái. Cũng chỉ vì cứ tưởng Thánh-Kinh và các triết gia theo học phái Platôn cùng dùng chữ « linh hồn » theo một nghĩa như nhau[23].

Đưa quan niệm nhị nguyên vào tôn giáo như thế có hai hiệu quả : một là cách phân biệt trong tôn giáo giữa « xác thịt » và « tinh thần », giữa « lòng thú » với « lòng thần » đã làm cho nhân sinh quan triết học đượm màu bi quan, coi rẻ thân xác, và trọng linh hồn. Hai là quan niệm Thiên Chúa tác tạo con người theo như hình ảnh của Ngài, đã làm cho Ambrôsiô kết luận rằng : vì con người chỉ là linh hồn, cho nên linh hồn là vô chất, mà người công giáo gọi nó là có tính « thiêng liêng »[24], như Thiên Chúa vậy. Trong khi đó thì các triết gia đương thời theo học phái khác kỷ Stoa vẫn coi linh hồn là vật chất, tuy là vật chất rất nhẹ nhàng tế nhị. Quan niệm linh hồn là vô chất sẽ có ảnh hưởng đến tư tưởng của thánh Augustinô sau này[25].

Với quan niệm nhị nguyên về con người, thì sự cứu độ, cứu rỗi, sẽ chỉ được hiểu một cách lệch lạc, như thế là chỉ cần cứu lấy linh hồn mà thôi mà không xét gì đến thân xác. Nhiều người lầm tưởng như thế. Thực ra con người là đơn vị thống nhất, theo như Thánh-Kinh thì gọi là linh hồn, tinh thần, hay gọi là thân xác cũng được cả. Vậy nếu không cứu rỗi được thân xác thì tức là chưa cứu rỗi tất cả con người. Đây là vấn đề mà Ambrôsiô phải giải quyết, và nếu ông giải quyết được một cách thỏa đáng, thì không phải là vì lấy lại quan niệm nhị nguyên của học phái Platôn, nhưng là vì giữ được niềm tin của đạo Chúa, với những ý niệm như « bởi trong kẻ chết mà sống lại », « thân thể có thần khí », v.v.

12 – Con người sống động là một đơn vị có thống nhất

Trong đời sống thường nhật thì ai cũng biết mình là một đơn vị có thống nhất. Tiếng Việt ta có kiểu nói rất thần tình – mà có lẽ không tiếng nào có – là cùng một chữ « mình » dùng để chỉ « mình mấy » của ta, đồng thời lại có nghĩa là « chính mình » ta[26]. Khi mình mấy của ta đụng chạm vào sự vật hay là xê dịch đồ vật, thì cũng là chính ta đụng chạm, xê dịch. Khi người khác đụng chạm đến mình mấy ta thì cũng là đụng chạm đến ta.

Tuy « mình mấy » của ta cũng là chính mình ta, nhưng ai cũng biết rằng có những trường hợp mình mấy ta gây ra tai nạn, nhưng không phải là chính ta gây ra. Ví dụ khi ta vấp ngã, làm rơi chậu hoa từ trên lầu xuống đường phố, gây ra tử thương, thì ai nấy đều nhận đó là ngộ sát,

chứ không phải là cố sát. Ngoài ra, ta có thể ngồi ở xó nhà trong một làng Việt Nam, mà nghĩ đến những biến cố lịch sử thời Chiến Quốc bên Tàu, hay là ngồi trong nhà lâu ở thủ đô Hoa-Kỳ mà suy tính về tương lai đất nước, hay là ở miền Tây phương cực lạc trong kiếp sau. Xưa kia có người sống chật vật với đời sống vật chất, nằm mơ được giàu sang, khi tỉnh dậy thì « chưa chín một nồi kê ». Cũng như những người đạo mạo đoan trang có thể trong giấc mơ thấy mình làm những việc không đứng đắn, v.v.

Những kinh nghiệm như thế cho ta thấy rằng mình mấy ta cũng là chính ta, nhưng chính mình ta thì lại không hạn hẹp vào mình mấy của ta. Từ đó người ta nghĩ đến cái « hồn », cái « linh hồn », để phân biệt với cái xác. Cái hồn hay linh hồn cũng là chính ta, tuy nó không thuộc về thế giới hình sắc vật chất như thân xác ta. Nếu như thế thì phải quan niệm con người thống nhất như thế nào ?

Đó là vấn đề mà Ambrôsiô phải giải quyết, nhưng khốn một nỗi là ông đã trót quan niệm rằng linh hồn mới thực là chính ta. Cho nên giải pháp ông đưa ra đã tựa vào hai hình ảnh quen thuộc : thân xác là *dụng cụ* và là *y phục* của linh hồn. Đại ý là thế này : linh hồn là chính ta, tự nó vốn là vô hình, cho nên không ai thấy được, nhưng cứ trông vào thân xác là *đồ dùng* của nó thì biết nó làm gì, còn thân xác là *áo quần* của nó thì làm cho nó có hình hài, trông thấy được. Từ đó ông đưa ra hai ý niệm để phân biệt đồng thời thống nhất con người : linh hồn là cái « ta » (tiếng La-tinh là : « nos »), cái « tôi », còn thân xác là dụng cụ và là y phục « của ta » (La-tinh : « nostrum »), hay « của tôi ».

Sau đây xin trưng dẫn một vài đoạn văn trình bày ý kiến đó.

Trong tác phẩm *Về điều tốt của cái chết*, Ambrôsiô giải thích rằng linh hồn đóng vai chủ động trong việc sử dụng và điều khiển thân xác như là một dụng cụ để nó hầu hạ mình[27]. Trong cuốn *Bàn về Isaac*, ông ví thân xác người ta như là áo quần của linh hồn. Ông viết : « Ở người, người thử xét xem người là ai, xem người săn sóc cho mạng sống cuộc đời của người được thoải mái, từ đó người xét xem con người là gì. Phải chăng con người là linh hồn, hay là xác thịt, hay là do hai cái hợp lại ? Thực ra « ta » là một cái, nhưng cái « của ta » lại là một cái khác, rồi kẻ mặc quần áo là một cái, mà quần áo lại là một cái khác nữa. (...) Ta là linh hồn, còn những cái của ta thì là các chi thể (hay là y phục). Người ta phải săn sóc cho áo quần để cho nó đừng rách, đừng cũ đi, nhưng kẻ dùng quần áo lại càng phải càng phải săn sóc cho mình, và bảo vệ mình hơn nữa »[28].

Cái lối phân biệt như thế giữa cái « ta » và cái « của ta », chắc là Ambrôsiô đã lấy lại của Plôtin trong sách *Ennéades, quyển IV* : « Tôi có ý nói cái « ta » (Hi-lạp là : « hêmin ») là phần còn lại của linh hồn, mà thân xác thì không xa lạ gì với cái phần ấy, vì thân xác là « của ta » (Hi-lạp : « hêmôn ») : chính vì nó là của ta cho nên ta lo lắng, ta săn sóc cho nó. Thân xác không phải là chính ta, nhưng nó bám vào ta, nó gắn liền vào ta, mà ta không thoát được. Còn chính ta, thì là cái phần cốt yếu của thực tại của ta, thế nhưng cái thân xác cũng vẫn là của ta »[29].

Trong đoạn văn này, ta thấy cách phân tích của Plôtin đã khá tinh vi, và quan niệm của ông đã không còn tính cách nhị nguyên như Platôn : ông lưỡng lự, không muốn coi cái thân xác như chỉ là một cái « ngoại thân chi vật », một đồ vật mà ta chiếm hữu, vì ông công nhận là thân xác gắn liền với ta và không xa lạ đối với ta. Ambrôsiô cũng nhận định ra như thế, cho nên ông nói thêm rằng thân xác của ta là « chi thể » của ta. Nhưng khi ông lại nói thêm rằng thân xác là « y phục », tức là cái « ngoại thân chi vật », thì tức là lại rơi vào quan điểm nhị nguyên của Platôn vậy.

Về sau này thì người ta vẫn thường duy trì quan niệm nhị nguyên như Platôn. René Descartes (1596-1650) vẫn chủ trương nhị nguyên : ông đi xa hơn Platôn, nhưng chưa vượt quá Plôtin. Trong thời triết học duy tâm (thế kỷ XVIII và XIX) thì người ta phân biệt : một bên là chủ thể, tức là cái « tôi », cái « (bản) ngã », còn bên kia là khách thể, tức là cái « phi-ngã », mà

không xét đến cái thân thể. Phải chờ cho đến khi hiện tượng học xuất hiện ở thế kỷ XX thì ta mới thấy những triết gia như Maurice Merleau-Ponty (1908-1961) phân tích và mô tả liên quan giữa chủ thể và thân xác một cách khá đầy đủ. Từ đây người ta nói đến cái chủ thể nhập thể (sujet incarné), nghĩa là chủ thể con người ta chỉ có thể hiện hữu dưới hình thức một thân xác, vì thể thân xác vừa đứng về phía chủ thể, vừa đứng về phía khách thể[30].

Theo đó mà xét thì lỗi phân biệt của Ambrôsiô giữa cái « ta » hay cái « tôi », và cái « của ta » hay « của tôi », vẫn còn là quá thô sơ. Vì lẽ rằng những cái « của tôi » (hay « của ta »), như các dụng cụ, thì có nhiều loại rất khác nhau. Vẫn biết là chúng ta quen nói một loạt : *tai tôi, mắt tôi, tay tôi, áo tôi, quần tôi, bút tôi, v.v.*, và như vậy ta biết tất cả các thứ đó đều là dụng cụ : tôi dùng tai để nghe, dùng mắt để xem, dùng áo để che thân, dùng bút để viết. Nhưng *tai, mắt* và *tay* thì khác *áo, quần, bút*, ở mấy điểm quan trọng : một là : *tai, mắt, tay*, và nói chung *thân thể* của ta thì bao giờ cũng đi kèm ta, cũng gắn liền với ta, như Plôtin đã nói, còn các dụng cụ khác thì có thể không đi kèm ta mãi ; hai là : các dụng cụ này thì người khác cũng có thể dùng được và lấy làm của họ, nhưng không ai có thể nghe bằng tai của tôi, xem bằng mắt của tôi được ; ba là : ta không thể dùng được áo, quần, bút, v.v. nếu ta không có thân thể, không có các chi thể. Cho nên thân thể của ta rất khác những cái « ngoại thân chi vật ». Ai động đến thân thể của ta, tức là động đến ta ; nhưng khi động đến các dụng cụ khác, như *áo, quần, bút, v.v.* thì không phải là động đến ta. Trong truyện « Dự Nhượng đã long bào », thì thực sự Dự Nhượng không đánh được vào vua, nhưng chỉ đánh được vào áo của vua, gọi là đánh vua một cách tượng trưng mà thôi.

Bây giờ ta trở về tư tưởng của Ambrôsiô. Ta vừa nói là Ambrôsiô đã phân biệt ra cái « ta » và cái « của ta », nhưng trong tác phẩm *Giải nghĩa việc tạo thiên lập địa trong sáu ngày*, thì ông đưa thêm ra một loại thứ ba nữa, ông gọi đó là những cái « chung quanh ta » (circa nos). Như thế là ông thấy cần phải tách rời thân thể « của ta » ra khỏi các dụng cụ chỉ ở « chung quanh ta », chứ không phải là thân thể của ta. Ông viết : « Ta, chính là linh hồn, là tinh thần ; những cái của ta là các chi thể và các giác quan của thân thể ; còn những cái chung quanh ta thì là các của cải, các kẻ hầu người hạ, các đồ dùng trong đời sống hằng ngày. Vì thế cho nên anh phải để ý đến chính anh, anh phải tìm biết chính mình anh. Vấn đề không phải là xem anh có bấp bệ như thế nào, có sức mạnh ra sao, có những của cải nào, có quyền hành làm sao ; vấn đề là xem cái phẩm chất của linh hồn và tinh thần anh. Vì lẽ rằng linh hồn là khởi điểm của tất cả các quyết định, và các kết quả của công việc anh làm đều qui tụ về linh hồn cả »[31].

Theo như đoạn văn này thì rõ ràng là không thể duy trì quan niệm của Platôn coi thân xác là như cái mộ hay là nhà tù của linh hồn được nữa. Ngoài ra Ambrôsiô còn giải thích rõ là ông hiểu linh hồn là gì, và hiểu chính ta là gì. Thực vậy, linh hồn không phải chỉ là cái thực tại vô hình mà người ta chỉ trông thấy y phục của nó. Linh hồn là « khởi điểm của tất cả các quyết định » và là nơi qui tụ của các kết quả của các công việc ta làm. Nói thế khác, linh hồn là chính cái trung tâm của cá nhân ta, của nhân vị ta, nó tự xưng là « tôi » và là vai chủ động nhận lấy trách nhiệm về mình và về các việc mình làm. Còn thân xác là do tứ đại[32] cấu tạo nên, nó biến chuyển luôn, vì thế nó không phải là cái làm cho ta trước sau vẫn là một, và cũng vì thế thân xác « của tôi » không phải là chính tôi.

Vào thời đó, cũng như trong tư tưởng bình dân bây giờ, người ta chỉ có những ý niệm trong khuôn khổ tư tưởng nhị nguyên, cho nên không thể mô tả một cách chính xác hơn cái vị trí của thân xác trong con người thống nhất. Plôtin coi thân thể như là dụng cụ của linh hồn, Ambrôsiô coi thân xác là dụng cụ hay là y phục. Tuy rằng như thế cũng chưa chính xác lắm, nhưng vẫn còn là hơn Platôn coi thân xác như là cái mộ hay là cái nhà tù của linh hồn.

Riêng Ambrôsiô thì tuy bị hạn chế vì những ý niệm nhị nguyên, không giải thích được đầy đủ – vì *lực bất tòng tâm* – nhưng ông vẫn có niềm thâm tín rằng con người có thống nhất. Niềm thâm tín đó là do đạo Thiên Chúa đem lại. Thực vậy, một khi đã tin rằng toàn thể con người sẽ sống lại, và ai nấy chịu trách nhiệm về hành động của mình trong cuộc phán xét chung, thì tất

nhiên cũng tin rằng thân xác người ta sẽ sống lại để chịu phán xét, vì xác và hồn cùng chịu trách nhiệm về các việc thiện hay việc ác đã làm[33].

Như thế có nghĩa là cái liên quan giữa thân xác và linh hồn thì rất là mật thiết, chứ không phải là như liên quan bên ngoài giữa đồ dùng và người dùng nó, cũng không phải là như liên quan ngẫu nhiên giữa hai người đồng lứa. Ambrôsiô nhận định, theo như sách *Sáng Thế*, rằng tổ phụ A-đam đã được Thiên Chúa tạo nên thành một linh hồn sống động : linh hồn làm cho thân xác sống động và điều khiển thân xác. Quan niệm như thế, nếu đào sâu hơn một chút, sẽ có thể đưa tới quan niệm « chất hình hợp nhất » (hylémorphisme) của Aristôtêlês. Nhưng Ambrôsiô đã không đi tới đó. Ông vẫn một mực đối chọi linh hồn hay tinh thần với thân thể hay xác thịt. Cho nên, nói chung thì nhân sinh quan của Ambrôsiô vẫn là lấy lại nhân sinh quan của Platôn.

13 – Con người và tính bất tử

Trước khi xem Ambrôsiô xác định các đặc tính của con người, thiết tưởng nên ghi nhận rằng trong Thánh-Kinh, khi nói về con người thì có thể dùng hai kiểu nói : « nefes » là « linh hồn », hay « basar » là « xác thịt », kiểu nào cũng dùng để chỉ toàn thể con người. Nhưng khi đọc sách *Sáng Thế*, chương 2, câu 7, nói đến việc Thiên Chúa tạo dựng con người thành một « sinh vật », tiếng Híp-ri (Do-thái) là « nefes khayyah », nghĩa đen là « linh hồn sống động », thì Ambrôsiô lại căn cứ vào chương 1 (nói rằng Thiên Chúa dựng nên con người theo như hình ảnh của Ngài) và hiểu theo quan niệm nhị nguyên của Platôn rằng đây là linh hồn vô chất, cũng như Thiên Chúa là tinh thần thuần túy vô chất, khác hẳn thân xác là vật chất.

Trong sách *Bàn về Isaac*, ông viết thêm về linh hồn sống động như sau : « Linh hồn không phải là máu, vì máu thuộc về xác thịt (carnis). Linh hồn cũng không phải là sự hòa hảo (harmonia), vì sự hòa hảo cũng thuộc về xác thịt. Linh hồn không phải là không khí (aer), vì hơi khí di động (flatilis spiritus) là một cái, mà linh hồn lại là một cái khác. Linh hồn không phải là lửa, không phải là trạng thái hiện thực (entelechia). Không, linh hồn là cái sống động (sed anima est uiuens) »[34].

Đoạn văn này khó hiểu vì viết vắn tắt kiểu « nhát gừng », thực ra nó tóm tắt những lập luận khá dài của Plôtin trong sách *Ennéades quyển IV*. Ông nói rằng linh hồn « không phải là một sự vật có hình sắc, cũng không phải là cái làm cho các sự vật ấy hòa hảo hay là hiện thực » (*Ennéades*, IV, 2, 1). Tiếp theo đó thì ông trình bày liên quan giữa các linh hồn của các cá nhân và cái linh hồn phổ thông (IV, 3, 1-8), liên quan giữa linh hồn và thân xác (IV, 3, 8 cho đến IV, 5, 8). Về điểm này, ông nhất định không chấp nhận cho linh hồn có một vị trí nào trong không gian cả, mà chỉ dùng kiểu nói bóng : linh hồn là như ánh sáng soi cho thân xác. Người đương thời thường đưa ra cái hình ảnh linh hồn ở trong thân xác cũng như người hoa tiêu ở trong chiếc thuyền, nhưng Plôtin cũng gạt đi, vì lẽ người hoa tiêu chỉ ở một chỗ trên chiếc thuyền, chứ không có mặt trong tất cả chiếc thuyền (IV, 3, 21).

Còn các chi tiết đã đưa tới kết luận của Ambrôsiô thì Plôtin trình bày trong sách *Ennéades*, quyển IV, chương 8 : đó là chỗ bàn về linh hồn bất tử.

Trong phần tiêu cực thì Plotinos phi bác một vài lập trường triết học đương thời. Để bác bỏ lập trường duy vật thì ông dùng chứng lý của Aristôtêlês : linh hồn không có thể là một cái gì vật chất đơn sơ, cũng không phải là do sự chấp nối những cái đơn sơ ấy mà ra. Từ đó ông kết luận rằng đặc tính của linh hồn là sống động (*Ennéades* IV, 7, 2).

Triết gia Pythagoras (570-496 trước TLKN) đã xướng xuất ra quan niệm linh hồn là sự hòa hảo của thân xác, và quan niệm đó đã được Platôn (trong bài đối thoại *Phaidôn*, 85e – 86d) và Aristôtêlês (trong sách *Bàn về cái hồn*, *De Anima*, I, 4) đem ra bàn luận. Plôtinô viết : « Thiên hạ đã đưa ra nhiều chứng lý để phi bác quan niệm ấy, cho rằng không thể như thế được, vì lẽ

linh hồn phải có trước đã rồi sau đó mới có sự hòa hảo ; thêm vào đó thì linh hồn ra lệnh cho thân xác, thống trị nó và đôi khi còn chống lại nó, vậy nếu linh hồn là sự hòa hảo thì tất nhiên là không làm như thế » (*Ennéades* IV, 7, 8/4).

Riêng về quan niệm của Aristôtêlês, cho rằng linh hồn là cái *entelekheia*, làm cho thân xác hiện thực, thì Plôtin đưa ra chứng mười chứng lý để phi bác (*Ennéades*, IV, 7, 8/5), nhưng không có giá trị lắm. Chính vì bỏ Aristôtêlês để theo Plôtin cho nên lập trường của Ambrôsiô trở lại quan niệm nhị nguyên của Platôn.

Ngoài ra Ambrôsiô cũng không chấp nhận quan niệm trong Thánh-Kinh chủ trương máu là linh hồn (*Sách Lêvi* 17,11 và *Đệ Nhị Luật* 12, 23)[35].

Một khi đã bỏ các câu trả lời trên đây thì chỉ còn một giải pháp là coi linh hồn là thuộc về phạm vi vô chất. Người công giáo Việt Nam từ mấy thế kỷ nay đã đặt ra từ ngữ « thiêng liêng », như ta học trong sách Bỏn : « linh hồn là tính thiêng liêng », cũng như Đức Chúa Trời vậy. Nói cho rõ hơn : linh hồn khác hẳn thân xác, vì nó có những hoạt động vượt ra ngoài giới hạn không gian và thời gian. Tư tưởng chúng ta có thể vượt ra ngoài thực tế hiện tại để đạt tới những sự việc không xảy ra trước mắt ta bây giờ, những việc xảy ra trong thời dĩ vãng cũng như trong tương lai. Ambrôsiô đưa ra ví dụ : ta ở trong xứ Italia, thế mà ta xét được đến những việc xảy ra ở Đông, ở Tây, ở ngoài Italia[36].

Từ đó Ambrôsiô thể kết luận, như Platôn và Plôtin, rằng linh hồn là bất tử. Trong sách *Về điều tốt của cái chết*, ông viết : « Ai nhận được linh hồn thì cũng nhận được sự sống, linh hồn bỏ ai thì sự sống cũng bỏ người ấy. Vậy linh hồn là sự sống[37]. (...) Linh hồn là cái làm ra sự sống, cho nên nó không thể chết được »[38].

Như vậy phải chăng là Ambrôsiô lấy lại tư tưởng Platôn ? Nhìn thoáng qua thì thực là như thế. Nhưng ta nên nhớ rằng Ambrôsiô vẫn đinh ninh rằng chính các triết gia ngoại giáo đã đi vay mượn những tư tưởng đã có trước trong Thánh-Kinh. Nhìn sâu hơn một chút ta lại thấy rằng ông không quan niệm tính bất tử của linh hồn theo một kiểu như các triết gia.

Thực vậy, đối với người theo đạo Thiên Chúa như Ambrôsiô, thì bản tính con người ta không phải là bản tính Thiên Chúa, con người cũng không phải là một mảnh hay một ánh lửa của thần linh, vì con người đã được Thiên Chúa ban cho hơi thở để thành nên một linh hồn sống động. Trong sách *Bản về đức tin (De Fide)*, ông giải thích rằng chỉ có một mình Thiên Chúa là bất tử, còn con người ta, nếu có bất tử, thì là vì được Thiên Chúa cho như thế mà thôi. Cho nên đó là hai thứ bất tử khác nhau[39].

Có một vài vị giáo phụ như Thêôphilê người thành Antiôchia và Irênêô giám mục thành Lyon, chủ trương rằng con người xét theo bản tính nó thì không bất tử, và đó là điểm bị biệt giữa Thiên Chúa và các tạo vật. Tư tưởng của Ambrôsiô thì tế nhị hơn : ông cho rằng linh hồn ngay từ đầu đã được Chúa cho bản tính bất tử, nhưng linh hồn có thể chết được nếu chẳng may mà phạm tội.

14 – Theo như hình ảnh Thiên Chúa

Về điểm này, ta đã thấy Ambrôsiô giải thích rằng con người được tác tạo theo như hình ảnh Thiên Chúa, như thế có nghĩa là con người là một linh hồn có đặc tính là vô chất, « thiêng liêng ». Nếu trước đây, trong Thánh-Kinh Cựu Ước, không ai thấy được Thiên Chúa, mà chỉ nhận ra được đại sự Người làm trong trời đất và trong lịch sử dân Chúa, thì nay ta có thể căn cứ vào Thánh-Kinh Tân Ước, mà nhận ra Đức Giê-su chính là Thiên Chúa nhập thể, tức cũng là hiện thân, là hình ảnh trông thấy được của Thiên Chúa. Theo đó Ambrôsiô hiểu thêm là con người được tác tạo theo như hình ảnh Thiên Chúa, cũng tức là theo hình ảnh Chúa Giê-su

xuống thế làm người như ta. Vì thế khi sống phải theo gương mẫu, phải bắt chước Đức Giê-su để cũng được « sống lại » như ngài và với ngài vậy.

Đây là điểm cốt yếu trong nhân sinh quan của đạo Chúa Giê-su Cứu Thế. Cũng nên nói ra cho rõ là phương hướng và ý nghĩa của đời người không còn phải là do định mệnh (destin), do thần linh tự tiện quyết định, hay là do các yếu tố vô ngã ngoại lai định hình một cách ngẫu nhiên. Cái phương hướng và ý nghĩa[40] đó là vận mệnh (destinée) mà con người có thể tự do lựa chọn. Nói tóm lại là : khi tác tạo ra con người thì Thiên Chúa đã cho thấy một hướng đi, để đi tới tình thân với Ngài, và như sẽ giải thích sau này, đây là ý nghĩa hai chữ « sống lại » : không phải chỉ là trường sinh hay thường sinh (survie), nhưng là sống ở cấp trên (supervie).

15 – Cái chết và vận mệnh con người

Chính vì quan niệm rằng con người có một vận mệnh, cho nên cái chết mới thành một vấn đề quan trọng phải giải quyết. Chứ nếu con người chỉ là do các yếu tố ngoại lai trong cõi vô thường, vô ngã, tụ hợp chốc lát mà thành, thì cái chết không thành vấn đề cho ai cả, hơn nữa, có ai đâu – vì tất cả đều là vô ngã ! – mà thành vấn đề ?

Đối với người theo đạo Thiên Chúa, cũng như đối với những ai chấp nhận cái bản ngã và tin có vận mệnh của cá nhân, thì cái chết là một vấn đề cần phải hiểu cho rõ để sống cho có ý nghĩa.

Riêng đối với Ambrôsiô, thì bài giảng *Về cái chết của người em (De excessu fratris)*, đọc trước mộ một tuần lễ sau khi an táng, là một áng văn rất quan trọng, vì đó là một cơ hội để trình bày hai điểm : một là *quan niệm triết học* của người đương thời về cái chết và những lý do dùng để ủy lạo thân nhân, hai là *quan niệm đạo Thiên Chúa* với cái niềm thâm tín đã làm xoay chiều hẳn cái quan niệm triết học cổ điển đó.

Tám năm sau khi đọc bài giảng đó, Ambrôsiô đã lấy lại phần triết học để quảng diễn ra trong sách *Về điều tốt của cái chết (De bono mortis)* : ông giải thích chết là làm sao và vì sao cái chết là điều tốt. Sách này lại là sách viết nối tiếp cuốn sách *Bàn về Isaac hay là về linh hồn*. Như thế có nghĩa là : quan niệm của người ta về cái chết thì hoàn toàn tùy thuộc vào quan niệm về con người sống động. Vì thế quan niệm của Ambrôsiô tùy thuộc vào nhân sinh quan của các triết gia và vào niềm tin tôn giáo – tin Thiên Chúa tạo thiên lập địa và tin con người sẽ được « sống lại » – đã làm cho nhân sinh quan đó thay hình đổi dạng.

Vậy chết là làm sao ? Thừa rằng cái chết là cái trái ngược hẳn lại sự sống. Nếu sống là hấp thụ và hưởng thụ được những cái tốt, thì chết là hết thở và hết không còn có cái gì tốt nữa[41].

Nên chú ý là những từ ngữ dùng để nói về cái chết đều là lấy ra từ nhân sinh quan nhị nguyên, như *segregatio, secessio, solutio, absolutio, separatio, v.v*[42]. Đại ý là « ly tán », không tụ họp nữa, như ta đọc trong sách Bôn : « chết là linh hồn ra khỏi xác »[43].

Quan niệm nhị nguyên ấy, Ambrôsiô cho rằng nó cũng là quan niệm trong Thánh-Kinh[44]. Thực vậy, nếu con người được tác tạo theo như hình ảnh của Thiên Chúa thì tất nhiên nó là tinh thần thuần túy, bất tử, cho nên xác có chết đi thì linh hồn vẫn tồn tại. Nếu thân xác là y phục hay là dụng cụ của linh hồn, thì khi áo quần rách đi, đồ dùng hư hỏng, thì người dùng nó vẫn còn đó. và – về điểm này thì ông theo đúng quan niệm Platôn – nếu coi thân xác như nhà tù của linh hồn, thì khi thân xác mai một đi thì linh hồn được giải thoát. Ông viết : « (Chết) là linh hồn ly khai ra khỏi thân xác : linh hồn thì được giải thoát, thân xác thì tiêu tan đi. Được giải thoát, linh hồn lấy làm thỏa thích, thân xác tiêu tan đi trong lòng đất thì không còn cảm xúc được gì nữa, mà đã không cảm xúc được gì nữa thì nó không còn liên hệ gì với ta nữa »[45].

Như vậy ta thấy là Ambrôsiô có hai cái nhìn về cái chết : 1) cái chết chỉ là sự ly khai giữa các thành phần trước đây tụ họp, cho nên nó không tốt mà cũng không xấu ; 2) xét rằng cái chết làm cho linh hồn thoát được các thứ xiềng xích vật chất và khỏi phải lo lắng về đời sống hằng ngày, thì phải coi cái chết là điều tốt

Về cái chết thì Ambrôsiô theo như lời nhìn của Ô-ri-ghe-nê mà phân biệt ra làm ba thứ. Ông viết trong bài giảng *Về cái chết của người em* : « Theo như Thánh-Kinh thì ta công nhận là cái chết có ba loại. Thứ nhất là khi ta chết cho tội lỗi và sống cho Chúa. Chết như thế là có phúc, vì nó làm cho ta tránh được tội lỗi để hiến thân cho Chúa, nó làm cho ta ra xa những cái hay hư nát và lại gần những cái bất hủ. Thứ hai là khi ta ra khỏi đời sống này : các tổ phụ như Abraham và Đavít đều đã chết như thế và đã được an táng với các bậc tiền bối ; chết như thế có nghĩa là linh hồn đã cắt đứt các dây liên lạc với thân xác. Thứ ba là khi Thánh-Kinh nói : « Hãy để những người chết mai táng những người chết của họ ». Cái chết này không phải chỉ là thân xác phải chết mà là linh hồn phải chết nữa, vì lẽ rằng : « linh hồn nào phạm tội thì linh hồn ấy sẽ phải chết »[46].

Tóm lại : xét về mặt thần học thì có hai cái chết : cái chết cho tội lỗi, là sống cho Chúa, cho nên đó là cái chết tốt lành, còn cái chết vì tội lỗi là cái chết không tốt. Xét về cái chết sinh lý thì tự nó không tốt mà cũng không xấu.

Người Hi-lạp và người La-tinh đương thời với Ambrôsiô thường quen dùng một thể văn, gọi là « consolatio », tức là loại văn viết ra hay đọc lên để ủy lạo thân nhân những người vong mạng. Lập luận thì thường là minh chứng hai điểm : một là cái chết không phải là tốt, cũng không phải là xấu, hai là cái chết lại có phần tốt nữa, vì nó giải thoát cho linh hồn bất tử. Ambrôsiô đã dùng thể văn quen thuộc đó trong bài *Về cái chết của người em* và trong sách *Về điều tốt của cái chết*, để làm tiêu tan cảm tình sợ chết.

Ngoài ra những người không phải là hiền nhân lại thường cho rằng người ta sợ chết là vì hai lý do khác. Một là vì người ta nghĩ rằng chết là tiêu diệt hết. Ambrôsiô trả lời : Con người chết đi không phải là tiêu diệt hết, vì linh hồn vẫn còn sống sau khi thân xác chết đi, hơn nữa thân xác người ta sau này sẽ sống lại. Lý do thứ hai là vì người ta đã nghe các thi sĩ kể nhiều truyện ghê sợ về thế giới bên kia, cho nên sinh ra sợ bị trừng phạt. Ambrôsiô công nhận là sau khi chết thì có thường có phạt, nhưng cái chết tự nó chỉ là sự linh hồn ra khỏi xác ; nếu ra khỏi xác để được sống với Chúa Cứu Thế thì thật là điều tốt, cho nên không có gì mà phải sợ[47].

Cho đến đây thì Ambrôsiô dùng lập luận của các triết gia, nhưng xem chừng quan niệm linh hồn bất tử thấy cũng không có sức thuyết phục cho lắm, cho nên ông đưa thêm ra cái viễn tượng sống lại, và như trong bài *Về cái chết của người em*, ông đưa ra một nhận xét vắn tắt, câu nói kiểu « nhất gừng » đã được trưng dẫn ở đầu thiên khảo luận này :

Ân tình với Chúa bỏ đi,

Bất tử làm gì, gánh nặng đó thôi.

Trong câu đó ông cho thấy rằng sự « sống lại » mà Thiên Chúa hứa cho người ta thì không phải chỉ là được bất tử, như thiên hạ thường mong ước, nhưng còn là hơn thế rất nhiều.

(Còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: VỀ SỰ TIỀN ĐỊNH CỦA THIÊN CHÚA VÀ VỀ TỘI LỖI CỦA CON NGƯỜI - VẤN ĐỀ 20A VÀ 20B

VẤN ĐỀ 20 A:

Tin có Thiên Chúa sẽ làm cho con người trở nên ý nại, chấp nhận hoàn cảnh hiện tại vì tin mọi sự xảy ra đều do Chúa định, mà không cố gắng vượt qua số phận để đạt tới một cuộc sống ấm no hạnh phúc hơn.

GIẢI ĐÁP :

1. Ý nghĩa của hai chữ “Chúa định” là gì ? :

Người Công Giáo thường nói: “Mọi sự đều do Chúa định”. Vậy phải chăng con người không có tự do quyết định vận mệnh của mình ? Phải chăng con người sẽ trở thành nô lệ cho một vị Thiên Chúa độc đoán, và họ chỉ còn biết ý nại vào sự định đoạt của Thiên Chúa, mà không có thể vượt qua số phận bất hạnh gặp phải, hầu đạt tới một cuộc sống ấm no hạnh phúc hơn ?

1) Thế nào là “Chúa định”: Chúa định không đồng nghĩa với **tất định** như có người lầm tưởng, mà chỉ có nghĩa là **biết trước, thấy trước** những gì xảy ra.

Nếu thực sự Thiên Chúa định đoạt tất cả mọi việc lớn nhỏ trong vũ trụ thiên nhiên, định đoạt số phận của nhân loại và cá nhân mỗi người... mà dù muốn dù không chúng ta buộc phải chấp nhận, thì khi ấy con người không khác chi một cái máy vô hồn, hoặc như thú vật hoạt động hoàn toàn theo bản năng hay như một trẻ thơ ấu trĩ chỉ biết hoàn toàn cậy nhờ vào sự bao bọc của cha mẹ... đúng như có người đã chỉ trích nói trên.

Nhưng trong thực tế, ai trong chúng ta cũng đều ý thức về sự tự do của mình: tự do làm hay không làm một việc nào đó, tự do quyết định làm một việc tốt hay làm điều xấu. Ai cũng cảm thấy mình có khả năng làm chủ vận mệnh cuộc đời của mình chứ không phó mặc hoàn toàn cho số phận may rủi. Vậy hai chữ “Chúa định” chỉ có nghĩa là sự quan phòng của Thiên Chúa. Ngài tạo dựng nên muôn loài muôn vật và hằng quan tâm săn sóc để chúng tồn tại và tiến hóa theo các định luật thiên nhiên như Ngài đã an bài. Thiên Chúa là Đấng sáng tạo ra không gian và thời gian trong vũ trụ, nên Ngài không ở trong không gian và thời gian, cũng không bị lệ thuộc vào không gian thời gian ấy. Nơi Thiên Chúa **không có quá khứ hay tương lai, nhưng luôn là hiện tại**. Thiên Chúa nhìn thấu suốt mọi sự đã xảy ra trong quá khứ, đang xảy ra trong hiện tại và sắp xảy ra trong tương lai trong một cái nhìn “hic et nunc” (ở đây và bây giờ). Ngài nhìn thấu suốt vận mệnh của nhân loại nói chung và cá nhân mỗi người chúng ta trong một cái nhìn. Ngài hằng quan tâm săn sóc, ban ơn giúp đỡ như một người cha yêu thương con cái để ban ơn cứu độ cho họ như thánh Phao-lô đã viết trong thư Ti-mô-thê: Trước hết tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu xin khẩn nguyện nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người, cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền, để chúng ta được an cư lạc nghiệp, mà sống thật đạo đức và nghiêm chỉnh. Đó là điều tốt và đẹp lòng Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta, **Đấng muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý**” (1 Tm 2,4). Tuy nhiên, dù muốn cứu độ hết mọi người nhưng Thiên Chúa cũng tôn trọng tự do quyết định làm hay không làm, làm điều tốt hay điều xấu, nên họ phải chịu trách nhiệm về việc làm của họ. Cho nên thánh Au-gút-ti-nô đã nói: “Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta mà không cần sự cộng tác của chúng ta; nhưng **Ngài không thể cứu chuộc chúng ta, nếu chúng ta không cộng tác với Ngài**”.

2) Thiên Chúa quan phòng tiền định theo sách Tin mừng:

Trong Tin mừng, Đức Giê-su nhiều lần nhắc đi nhắc lại việc Chúa Cha hằng quan tâm săn sóc tất cả mọi tạo vật nhất là loài người là dưỡng tử của Ngài:

a) Thiên Chúa yêu thương săn sóc mọi loài:

-“Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho. Thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao ? Hỏi có ai trong anh em có thể nhờ lo lắng mà kéo dài đời mình thêm được, dù chỉ một gang không ? Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì ? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: Chúng không làm lụng, không kéo sợi. Thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: Ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn mai đã quăng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em. Ôi những kẻ kém tin !” (Mt 6, 26 - 30).

-“Hai con chim sẻ chỉ bán được một xu phải không ? Thế mà, không một con nào rơi xuống đất ngoài ý của Cha anh em” (Mt 10,29).

-Đức Giê-su đáp: “Cho đến nay, Cha tôi vẫn làm việc, thì tôi cũng làm việc” (Ga 5,17).

b) Thiên Chúa đặc biệt săn sóc loài người:

-“Thì đối với anh em cũng vậy, ngay đến tóc trên đầu anh em, Người cũng đếm cả rồi. Vậy anh em đừng sợ, anh em còn quý giá hơn muôn vàn chim sẻ” (Mt 10,30-31).

-“Như vậy anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính” (Mt 5,45).

Như vậy, người tín hữu tin “Chúa định” cũng là tin “Chúa biết trước”: Ngài hằng săn sóc mọi loài mọi vật do Ngài đã dựng nên, đặc biệt là loài người chúng ta. Một khi tin chắc vào sự quan phòng của Thiên Chúa, người tín hữu sẽ thêm lòng tin cậy mến, thể hiện qua thái độ năng tạ ơn Chúa và cầu xin Ngài ban ơn để được cứu độ.

Tuy nhiên, có người lại đặt vấn đề: Phải chăng tin có Thiên Chúa tiền định, quan phòng biết trước như thế sẽ làm cho con người trở thành ỷ nại, không muốn làm việc để làm chủ thiên nhiên, vượt qua vận mệnh của mình để đạt tới một đời sống ấm no hạnh phúc hơn ?

2. Đức tin không tiêu diệt sự làm việc và ý chí tự do của con người:

Tin vào sự quan phòng, biết trước của Thiên Chúa không những không làm cho con người ỷ nại vào sự sắp xếp của Thiên Chúa, nhưng trái lại, còn thúc đẩy con người cố gắng làm việc nhiều hơn để làm chủ thiên nhiên và làm chủ vận mệnh của mình như sau:

a) Dựa vào Lời Chúa trong Thánh Kinh:

- **Con người được tạo dựng khác hẳn mọi loài khác:** Mở sách Sáng thế, ta đọc thấy: Thiên Chúa đã ưu đãi con người, chỉ tạo nên con người sau khi đã chuẩn bị sẵn sàng mọi sự: Dựng nên vũ trụ để làm chỗ cho con người trú ẩn; Dựng nên các sinh vật như thảo mộc hoa màu để làm thức ăn nuôi sống và dựng nên muôn thú vật để làm bạn với con người; Vũ trụ và muôn vật phải tuân theo định luật hay bản năng thiên nhiên (Stk chương 1 và 2), đang khi con người được phú cho linh hồn thiêng liêng với hai tài năng là trí khôn suy nghĩ và ý chí tự do vượt trội mọi loài vật khác: “Chúa phán: Người được ăn mọi thứ cây trong vườn, nhưng cây biết lành biết dữ thì đừng ăn, vì ngày nào người ăn vào thì người sẽ phải chết” (Stk 2,7; 2,16). Con người có trí khôn hiểu biết sự lành sự dữ, đồng thời còn có ý chí tự do quyết định: làm hay không làm, chọn làm lành để được phúc và chọn làm ác sẽ phải chết.

-**Các khả năng khác:** Ngoài trí khôn và ý muốn nói trên, con người còn được Thiên Chúa ban cho có tay chân với khả năng làm việc hữu hiệu dưới sự điều động của trí khôn hơn mọi loài. Ngài cũng trao cho con người quyền làm bá chủ vũ trụ vạn vật như sách Sáng Thế ghi lại: “Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: ‘Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò

trên mặt đất'. Thiên Chúa phán: "Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liền có như vậy" (St 1,28-30).

Qua đó, Thiên Chúa đã sáng tạo vũ trụ vạn vật và đặc biệt ưu đãi đối với con người. Ngài ban cho họ có tay chân và hai tài năng siêu việt là lý trí suy luận và ý chí tự do là nhằm khuyến khích họ hãy làm việc, chứ không khoanh tay ngồi chờ, ỷ nại vào Thiên Chúa, giống như loài thú vật hoạt động theo bản năng, hoặc như vũ trụ vô tri vô giác, hoàn toàn tuân theo các định luật thiên nhiên cách máy móc.

b) Dựa vào sự hợp lý:

Một tín hữu tin có Thiên Chúa, tin rằng sau cuộc sống trần gian hôm nay vẫn còn một cuộc sống khác tồn tại vĩnh hằng... thì chắc chắn ngay từ cuộc sống hiện tại đã phải cố gắng làm việc, phải ăn ở lương thiện hơn những người bất tín, không chấp nhận có Đấng Tạo Hóa sẽ phán xét công minh, cũng không tin có sự thưởng phạt thiên đàng hỏa ngục đời sau... Vì người tin vào sự hiện hữu của Thiên Chúa sẽ có động lực thúc đẩy hăng hái làm việc, có lòng mến yêu và sự ao ước được về với Thiên Chúa sau khi chết, đang khi người vô tín sống không có lý tưởng, hoặc nếu có thì chỉ nhắm những mục đích mang tính vụ lợi ích kỷ... họ chỉ biết làm ra nhiều tiền, rồi lại dùng tiền ấy để thỏa mãn những đam mê lạc thú tầm thường mà thôi.

TÓM LẠI: Tin có Thiên Chúa không những không làm cho con người lười biếng, ỷ nại vào một quyền lực siêu phàm bên ngoài, mà trái lại, chính niềm tin ấy lại là động lực thúc đẩy người tín hữu làm việc nhiều hơn để làm chủ thiên nhiên, và cố gắng sống lương thiện ăn ngay ở lành để hy vọng sẽ được hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa trên thiên đàng đời sau. Trái lại, những người không tin có Thiên Chúa sẽ chỉ biết hưởng thụ, chỉ đi tìm lợi lộc vật chất cho mình dù phải sử dụng phương thế bất nhân thất đức. Họ sẽ trở thành những kẻ nguy hiểm cho xã hội, vì không tin có sự thưởng phạt đời sau. Na-pô-lê-ông Đại Đế cũng nói tương tự: "Một dân tộc không có niềm tin tôn giáo sẽ phải được cai trị bằng súng đạn, nhà tù và bạo lực!"

PHÚT HỒI TÂM:

-LỜI CHÚA:

Đức Giê-su nói: "Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho. Thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao? Hỏi có ai trong anh em có thể nhờ lo lắng mà kéo dài đời mình thêm được, dù chỉ một gang không? Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: Chúng không làm lụng, không kéo sợi. Thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: Ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em. Ôi những kẻ kém tin!" (Mt 6,26-30).

-LỜI CẦU:

Lạy Thiên Chúa Cha giàu lòng từ bi thương xót. Cha đã dựng nên muôn vật muôn loài để chuẩn bị trước khi dựng nên loài người chúng con. Cha lại còn an bài để mọi tạo vật có thể tồn tại trong trật tự và ngày một tiến hóa theo thánh ý Cha. Đặc biệt Cha đã thương yêu săn sóc loài người là dưỡng tử của Cha và trao quyền làm chủ mọi loài. Rồi khi nguyên tổ phạm tội phải chịu án chết, Cha lại hứa ban Đấng Cứu Thế là Giê-su Ki-tô. Xin giúp chúng con tin vào Con Cha là Đức Giê-su và noi gương Người sống tình con thảo với Cha và tình huynh đệ với nhau, đồng thời quyết tâm theo con đường "Qua đau khổ vào trong vinh quang" của Người, hầu sau này được về thiên đàng hưởng hạnh phúc đời đời với Người. A-MEN.

VẤN ĐỀ 20 B:

Không có tội lỗi theo nghĩa tôn giáo. Chỉ có những lỗi lầm đối với xã hội như lừa dối, hèn nhát, ích kỷ... mà thôi.

GIẢI ĐÁP :

1. Thế nào là tội lỗi theo nghĩa tôn giáo ?

Giáo lý Công giáo dạy rằng: Tội là khi cố tình lỗi giới răn của Thiên Chúa, hay lỗi các điều răn Hội Thánh dạy biểu lộ thánh ý của Thiên Chúa.

Lỗi giới răn Thiên Chúa là tội thực sự vì:

- Là một hành động phản nghịch: một người cố ý không tuân giữ luật lệ của quốc gia có tội với quốc gia thế nào, thì một người cố tình lỗi giới răn Thiên Chúa cũng có tội với Ngài như vậy, vì chống lại thánh ý của Ngài.

- Là một hành vi bất hiếu: cũng như con cái không vâng lời cha mẹ dạy dỗ... là một đứa con bất hiếu thế nào, thì một người cố tình không tuân giữ các giới răn của Thiên Chúa cũng là đứa con bất hiếu với Ngài như vậy.

2. Những hành vi nào là có tội?

Đức Giê-su đã thu tóm tất cả mọi giới răn của Thiên Chúa trong hai điều này: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn lớn nhất và điều răn đứng đầu. Còn điều răn thứ hai cũng giống điều răn ấy, là: Người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả Luật Mô-sê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy” (Mt 22,37-40).

Do đó, tất cả những hành vi nào cố tình lỗi hai giới răn mến Chúa yêu người nói trên đều có tội: Những lỗi lầm đối với xã hội như: lừa dối, hèn nhát, ích kỷ, gian dối bất công... là những tội lỗi giới răn “yêu người thân cận như chính mình”, nên đều có tội và đáng bị trừng phạt. Tuy nhiên, cả những tội bất hiếu với Thiên Chúa, cố tình nhắm mắt bịt tai để khỏi nhận biết những kỳ công của Ngài mà tin thờ Ngài cũng là tội bất hiếu nặng nề nữa. Đến ngày tận thế, khi mọi người được sống lại và chịu phán xét chung, những người cố tình không tin sẽ không tránh khỏi hình phạt cân xứng với tội cứng lòng của họ như lời Đức Giê-su nói với các người Pha-risêu trong Đền thờ rằng: “Các ông chớ ngạc nhiên về điều này vì “Giờ” đã đến. “Giờ” mọi kẻ ở trong mồ sẽ nghe tiếng người Con và sẽ ra khỏi đó. Ai đã làm điều lành thì sẽ sống lại để được sống. Ai đã làm điều dữ, thì sẽ sống lại để bị kết án” (Ga 5,28-29).

Đức Giê-su cũng cảnh báo về các hình phạt những kẻ cứng lòng tin sẽ phải chịu như sau: “Tôi đã nói với các ông là: các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết. Thật vậy, nếu các ông không tin là Tôi Hằng Hữu, các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết” (Ga 8,24). Chết ở đây là cái chết do bị mất ơn cứu độ và phải chịu hình phạt đời đời trong hỏa ngục, chung số phận với ma quỷ như Đức Giê-su sẽ phán với những kẻ ở bên trái rằng: “Quân bị nguyên rửa kia, đi đi cho khuất mắt Ta, mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Ác Quỷ và các sứ thần của nó” (Mt 25,41).

PHÚT HỒI TÂM:

LỜI CHÚA:

Chúa Giê-su nói: “Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái. Vì không có Thầy anh em chẳng làm gì được. Ai không ở lại trong Thầy, thì bị quăng ra ngoài như cành nho, và sẽ khô héo. Người ta nhặt lấy, quăng vào lửa cho nó cháy đi” (Ga 15,5-6).

LỜI CẦU:

Lạy Chúa Giê-su, Chúa đã nói rằng: "Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy, để niềm vui của Thầy ở trong anh em, và niềm vui của anh em được nên trọn vẹn". Xin mở lượng hải hà xoá bỏ các tội của con. Xin tạo cho con quả tim trong sạch và gìn giữ con đừng cố tình phạm tội, để tâm hồn con luôn thanh sạch, hầu xứng đáng là đền thờ của Thiên Chúa và luôn được ở trong tình thương của Ngài. Chúa là Đấng hằng sống và hiển trị muôn đời. A-MEN.

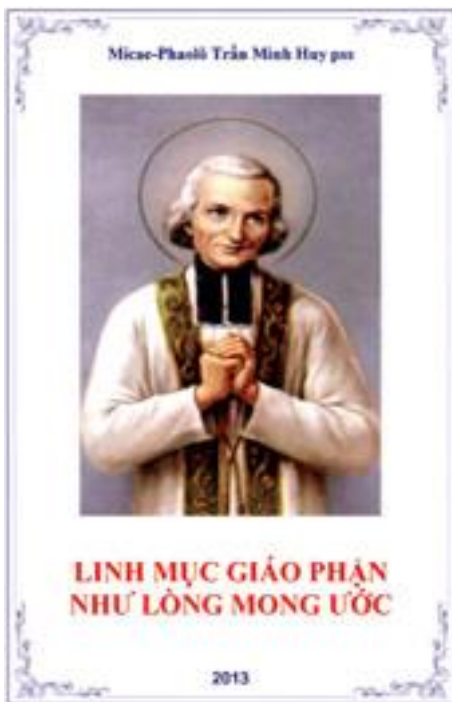
LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ TƯ: DẦN DẦN BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CUỘC SỐNG

Giới thiệu tác phẩm: LINH MỤC GIÁO PHẬN NHƯ LÒNG MONG ƯỚC

Trọng kính Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Độc Giả CGVN.



Trong niềm tri ân cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội Công Giáo một Vị Mục Tử Như Lòng Mong Ước Là Đức Thánh Cha Phanxico - Đứng dịp Đại Lễ Phục Sinh Năm Thánh Đức Tin 2013 - Nhà Sách Đức Mẹ (email: nsachdcct@gmail.com) thuộc Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam đã phát hành tác phẩm Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước do Linh mục Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss. biên soạn.

Tập sách rất vinh hạnh vì đã được ưu ái cấp IMPRIMATUR: bởi Đức Cha Pet. NGUYỄN VĂN ĐỆ, SDB. Giám mục Giáo phận Thái Bình. Quý Đức Tổng Phero Nguyễn Văn Nhơn, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt, Đức Cha Anton Vũ Huy Chương vui mừng viết Lời Giới thiệu.

Sách được phục vụ tại các nhà sách Công Giáo.

Nguyện xin THIÊN CHÚA chúc phúc và trả công bội hậu cho hết thảy những ai đang nỗ lực "chắp cánh" cho Quê hương và Giáo Hội Việt Nam bay lên!

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

BBT CGVN

TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ TƯ: DẦN DẦN BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH CUỘC SỐNG

(tĩnh tâm ĐCV Huế 2013)

Cái gì cũng có thời gian của nó, không dễ gì mà một sớm một chiều đã đạt được. Vì thế trong tiến trình tu – sửa phải được khởi sự ngay, không chậm trễ, nhưng cần dần dần biến đổi và điều chỉnh cuộc sống mình cho phù hợp với đời sống tu trì nói chung, và nhất là phù hợp với đặc sủng và linh đạo riêng biệt mình muốn dẫn thân vào. Ở đây là linh đạo linh mục giáo phận mà tôi đã cố gắng trình bày trong cuốn sách *Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước* mà Chứng viện đã biểu tặng anh em. Mỗi người cần ý thức rõ nhiều động lực đang có mặt nơi mình, đồng thời cũng thấy được sự xung khắc giữa các động lực ấy và giải quyết chúng. Động lực nào phù hợp với đời tu sẽ được vun trồng thăng tiến. Động lực nào không phù hợp với đời tu thì phải loại bỏ hay biến đổi.

Chúng ta đọc thấy: *“Ông Anrê dẫn em mình đến gặp Chúa Giêsu. Chúa Giêsu nhìn ông Simon và nói: “Anh là Simon, con ông Gioan, anh sẽ được gọi là Kêpha” nghĩa là Phêrô.”*[1] Đổi tên là đổi con người, đổi cách sống, cách làm việc, cách suy nghĩ, cách đối xử và yêu thương. Cuộc sống của chúng ta sẽ phải từ từ được biến đổi: từ từ sống khác đi, không còn như cuộc sống như đã từng sống trước đây nữa. Con người trần tục sẽ dần dần chết đi, để con người thiêng liêng không ngừng được triển nở và lớn lên trong chúng ta, như Gioan Tẩy Giả tuyên bố: *“Ngài phải lớn lên còn tôi phải nhỏ lại”*. Ngày 4/10/2013 vừa qua, tại căn phòng Thánh Phanxicô Khó Khăn, khoảng 800 năm trước đây, đã cởi bỏ y phục của mình và đặt dưới chân thân phụ, từ bỏ đời sống sang giàu và gia tài của mình để hiến thân cho Thiên Chúa, ĐTC Phanxicô kêu gọi mọi thành phần Hội Thánh trút bỏ tinh thần thế tục đang làm hại chúng ta, đang tiêu diệt Hội Thánh.[2] Nói như thánh Phaolô là phải cởi bỏ con người cũ và mặc lấy con người mới, ngày càng trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, đến độ *“tôi sống, nhưng không phải tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi”*.

Biến đổi là chia cắt với cái đi trước, nghĩa là chúng ta từ bỏ một cách sống, một cách hiểu biết đối với Thiên Chúa, với vũ trụ, với chính mình và tha nhân, tức là con người trần thế bấy lâu nay của mình. Thánh Phaolô khuyên *“quên hẳn đằng sau, nhắm phía trước mà chạy tới.”* Mờ ra với những gì đang đến, nghĩa là một hiện hữu mới, một ý nghĩa độc đáo và bất ngờ đối với cái đi trước. Như thế, sự trở thành ứng sinh linh mục mở đường vào cuộc sống mới là một sự xé rách, một thứ cái chết, nhưng rách để lành, chết để sống; đó là một thứ biến đổi căn để, một mất một còn trong ý nghĩa một cuộc tái sinh.

Dường như có một đồ vỡ giữa cuộc sống người thanh niên bình thường và cuộc sống ứng sinh linh mục. Thật thế, khi chúng ta bước vào đời ứng sinh linh mục, chúng ta dường như không còn sống như một thanh niên bình thường nữa, mà sống như một con người thiêng liêng thuộc về Thiên Chúa, dù vẫn còn có con người trần tục trong chính mình. Tính lưỡng diện này vẫn tồn tại lâu dài, có khi suốt cả cuộc đời nữa, trải qua những chiến đấu, dòn mỏng... với thành công và thất bại như Nguyễn Bá Học nói: *“Ai từng chiến thắng mà không hề chiến bại? Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần? Nhưng đây chưa phải trận sau cùng chiến đấu!”* Vì thế người ta thường nói “thất bại là mẹ thành công.” Quả thế, chính từ khi thú nhận thất bại trong việc đánh cá suốt đêm không bắt được con nào, nhưng rồi vâng lời Chúa Giêsu mà thả lưới, Phêrô bắt được mẻ cá lạ lùng khiến ông tin tưởng theo Chúa, trở nên vị tông đồ cả của Chúa.

Ta có thể nhìn kinh nghiệm đồ vỡ này qua hình ảnh Abraham vâng lời Thiên Chúa ra đi, cắt đứt mọi mối quan hệ cộng đồng và yêu thương với gia đình, với đồng bào và thiên nhiên, rời bỏ quê hương để đi đến một quê hương mới Thiên Chúa sẽ chỉ cho, hầu được triển nở thành thủ lãnh và cha một dân tộc đông đảo như sao trên trời, như cát ngoài bãi biển của những kẻ tin. Như thế, hành trình theo ơn gọi bề gãy tính thuận nhất của những gì đã nhận lãnh trong cuộc đời, ghi khắc một đồ vỡ và thay đổi các giá trị vốn có. Thánh Phaolô chia sẻ: *“Những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay vì Đức Ki-tô tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi so với mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Ki-tô Giê-su, Chúa của tôi. Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Ki-tô và được kết hợp với Người”*[3].

Chúng ta không sợ nói lên kinh nghiệm bản thân, nhất là với vị linh hướng, để mô tả thứ thanh tẩy cần thiết hầu đi vào hành trình thiêng liêng, hướng tới chức linh mục. Muốn thế, cần có tín nhiệm lẫn nhau thực sự trong việc linh hướng, một tương quan tay ba khếp kín giữa Chúa Thánh Thần, người thụ hưởng và vị linh hướng. Cái quan trọng là có nơi mỗi người một biến cố lịch sử đánh dấu thời khắc trở thành ứng sinh linh mục, và thời khắc đó được sống thường xuyên trong tất cả công cuộc tìm kiếm và thực thi thánh ý Chúa, như Biến cố ngã ngựa của Saolô chẳng hạn.

Sự kiện người đi tu xem ra hiện hữu tách biệt với người đời khiến người ta than phiền đi tu là cắt khỏi cuộc sống (xuất thế, vào sống trong Chung viện). Nhưng một cách nào đó đời tu sẽ đòi lại sự chia tách này (nhập thế, đi làm mục vụ trong thế gian) và khoảng cách giữa tu và không tu là một dữ kiện có một ý nghĩa hữu lý, là sống một cách khác hợp với chọn lựa của đời mình: *“Chính anh em xưa kia cũng ăn ở như thế, khi anh em còn sống giữa những người ấy. Nhưng nay, cả anh em nữa, hãy từ bỏ tất cả những cái đó: nào là giận dữ, nóng nảy, độc ác, nào là thoá mạ, ăn nói thô tục”*[4]. Đổ vỡ này đánh dấu sự khởi đầu của tất cả mọi cuộc đời. Và phải chăng tu và không tu có mâu thuẫn và loại trừ lẫn nhau, và mỗi tương quan được định nghĩa bằng cái chết? Có thể nói đây là một bạo lực ngọt ngào: giết chết cái chất trần tục trong con người mình, để cuối cùng được sinh ra trong con người tu: *“Anh em hãy mặc lấy con người mới đã được Chúa Kitô Phục Sinh biến đổi.”* *“Phàm ai ở trong Chúa Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua đi và cái mới đã có đây rồi”*[5]. Thánh Basiliô Cả Giám Mục cũng đã biện giải: *“Trước khi bắt đầu đời sống mới, bạn phải chấm dứt đời sống cũ. Cũng như những người đã chạy hết quãng đường mà muốn quay trở lại phải dừng chân và nghỉ ngơi cách nào đó trước khi chuyển hướng ngược lại, thì trong việc đổi đời cũng vậy, xem ra cần phải chết cách nào đó giữa đời sống trước và đời sống sau, vừa chấm dứt những gì thuộc về trước vừa bắt đầu những gì thuộc về sau.”*[6]

Trong sự thay đổi đó, tinh thần theo Chúa Kitô là chủ đạo: thay đổi con tim, tâm thức, lối sống và cuộc sống. Luật của sự sống và sinh trưởng là thay đổi, và mỗi chặng đường sinh trưởng của con người đều được ghi dấu bằng những thay đổi quyết định. Đó là tiến trình lâu dài của một công cuộc hợp tác đào tạo và tự đào tạo, vừa thần linh vừa nhân loại, dưới tác động của Chúa Thánh Thần. Và ai cũng nhận thấy rằng tự thay đổi bản thân thì dễ hơn là thay đổi người khác, đồng thời nên thay đổi trước khi bị bó buộc phải thay đổi, kẻo không còn kịp nữa mà muộn mất rồi: một khi đã bị người ta, nhất là bề trên, định kiến in trí thì thật vô phương cứu chữa! Vậy phải xin ơn cương quyết thay đổi cái có thể thay đổi, can đảm chấp nhận cái không thể thay đổi và ơn khôn ngoan để biết phân biệt cái có thể thay đổi và cái không thể thay đổi. Muốn cho việc hướng tới đời sống mới này thành công, ứng sinh phải đặt mình trong tay Chúa, như cây viết chì tron tay nghệ sĩ, vì *“không có Thấy các con chẳng làm được gì hết”* và *“với Thiên Chúa, mọi sự đều có thể.”*

ĐTC Phanxicô nói đến cái nhìn của Chúa Giêsu làm biến đổi cuộc đời của ông thu thuế Lêvi, và của chúng ta nữa, nếu chúng ta chịu để cho Ngài nhìn chúng ta và được tự do làm công việc của Ngài. Ngài nói: *“Khi Chúa Giêsu nhìn Matthêu, cái nhìn đó đã chiếm lấy ông hoàn toàn và đã thay đổi cuộc sống của ông. Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn luôn làm cho ta trở nên xứng đáng, trao ban cho ta phẩm giá. Đó là một cái nhìn rộng lượng”*. Ngài giải thích rằng cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu cho ta lòng can đảm để theo Ngài. Cái nhìn của Chúa Giêsu luôn nâng ta lên. Đó là một cái nhìn luôn luôn nâng dậy, không bao giờ để ta lại tại chỗ của mình, không bao giờ hạ ta xuống, không bao giờ làm nhục. Nó mời gọi ta đứng dậy, một cái nhìn làm ta lớn lên, tiến về phía trước, một cái nhìn khích lệ ta. Cái nhìn của Chúa Giêsu mạnh mẽ không thể tưởng được, nhưng không phải là “ma thuật”. Và Ngài hóm hỉnh: Chúa Giêsu không phải là một chuyên gia thôi miên. Đúng hơn, cái nhìn của Chúa Kitô làm cho ta cảm thấy rằng Ngài yêu ta. Đó là tình yêu Thiên Chúa mà “những người thu thuế và tội lỗi” như Matthêu đã trải nghiệm. *“Họ cảm thấy rằng Chúa Giêsu đã nhìn họ và cái nhìn của Chúa Giêsu trên họ giống như một hơi thở trên than hồng, và họ cảm thấy như có lửa trong bụng, và một lần nữa rằng Chúa Giêsu làm cho họ đứng lên, trả lại cho họ phẩm giá. Mặc dù một số kẻ chế nhạo Chúa Giêsu ăn uống*

với những người bị xã hội chối bỏ, Ngài biết lòng của họ. Bên dưới bùn đất đó có than hồng khao khát Thiên Chúa, than hồng của hình ảnh Thiên Chúa muốn một ai đó có thể giúp họ được cháy nóng trở lại. Đó là những gì cái nhìn của Chúa Giêsu thực hiện. Chúng ta tiến lên phía trước trong cuộc sống, trong niềm xác tín rằng Ngài nhìn chúng ta. Tuy nhiên, Ngài cũng chờ đợi chúng ta, để nhìn chúng ta cách dứt khoát - và cái nhìn cuối cùng của Chúa Giêsu trên cuộc đời chúng ta sẽ là mãi mãi, sẽ là đời đời"[7]. Chớ gì tất cả chúng ta đều được cái nhìn biến đổi đó của Chúa Giêsu. Và xin anh em cùng lắng nghe bài hát "Ánh Mắt Giêsu".

Thưa anh em,

Mỗi người sống cuộc đời mình như thể viết một bài luận văn. Điều khó nhất và cần thiết nhất trong phần mở đầu là nêu cho được chủ đề và các ý tưởng căn bản. Phần thân bài gồm nhiều đoạn khai triển các ý tưởng liên quan để trình bày và củng cố chủ đề. Phần kết luận nói lại chủ đề nhưng mở ra một viễn tượng mới. Cách chung ai cũng có khả năng để viết đầy đủ và hoàn tất các phần của bài luận văn ấy. Nhưng thực tế có người mới chào đời đã đột ngột chết đi, chưa viết được chủ đề đời mình. Có người khi tới tuổi thành niên, đáng lẽ phải viết được chủ đề đời mình, nhưng lại loay hoay mãi vẫn không viết ra được chủ đề, thậm chí đến già đời vẫn không tìm thấy chủ đề hay mục đích của đời mình. Sống cuộc đời không có lý tưởng và mục đích rõ ràng là bài luận văn không có chủ đề, viết lung tung. Có người viết được chủ đề rất sớm, nhưng không khai triển được, ôm mộng mà chết, bài luận văn đành dang dở. Có người viết một lúc hai, ba chủ đề nên khai triển theo nhiều hướng khác nhau, chẳng có thể đi tới phần kết luận được, bị lạc đề. Có người viết được chủ đề rất tốt và rõ ràng, nhưng khi khai triển gặp phải khó khăn thử thách nghịch cảnh nên chán nản quay lại xoá bỏ chủ đề ấy đi và loay hoay tìm một chủ đề khác, song thời gian không còn đủ cho họ, viết chưa xong đã phải nộp, chưa có phần kết. Có người viết được chủ đề, nhưng phần khai triển không ăn khớp, các ý tưởng lộn xộn không phù hợp với chủ đề, không logic.

Chúng ta sống ơn gọi của mình cũng giống như viết một bài luận văn. Lý tưởng và đời sống linh mục có thực sự là chủ đề cuộc đời chúng ta chưa? Chúng ta đang viết nghiêm túc hay đang viết lung tung, sống qua ngày đoạ thán, tới đâu hay đó? Có người theo ơn gọi rất sớm, nhưng ơn gọi đó không lớn lên theo năm tháng, mà lại nhạt nhoà dần dần vì những sức hấp dẫn và tiếng gọi mời khác. Chúng ta có thực sự dốc toàn tâm toàn lực theo ơn gọi, hoàn toàn phó thác cho Chúa, hay đang do dự suy tính tìm cách chuẩn bị phương án II cho đời mình, để nếu không được chịu chức linh mục thì ra đời được chủ động, sợ giữa đường đứt gánh hai bàn tay trắng, nên vừa học ở chủng viện vừa trần trở tìm học thêm một cái gì đó hoặc tìm nguồn bảo đảm kinh tế cho tương lai? Đó là bài luận văn lạc đề đấy. Làm thế là chân trong chân ngoài, bắt cá hai tay, đi hai chân, không thể nào đi vững tới đích được! Làm như thế, cuộc đời sẽ thêm xáo trộn, bất an... Chúa không muốn, và cuối cùng sẽ mất cả chì lẫn chài! Hãy xin Chúa giúp chúng ta viết bài luận văn cuộc đời ơn gọi chúng ta. Trong bài giảng lễ ngày 7/10/2013 tại Nhà Matta, ĐTC Phanxicô nói: "*Tôi tự hỏi bản thân mình, và tôi muốn hỏi tất cả anh chị em: Chúng ta có để cho Thiên Chúa viết lên cuộc sống của chúng ta không? Hay chúng ta muốn tự viết lấy? Điều này liên hệ đến tâm tình hiếu thảo với Thiên Chúa. Chúng ta có ngoan ngoãn lắng nghe Lời Ngài? Có sẵn sàng để lắng nghe và cảm nhận ra tiếng nói của Ngài không? Anh chị em có sẵn sàng tìm kiếm Lời Chúa trong cuộc sống hàng ngày không, hay chỉ có những ý tưởng của riêng của anh chị em mới có quyền quy định tất cả mọi thứ, không để cho Chúa nói gì với anh chị em?*"

Chúng ta đã theo ơn gọi đến giờ này, các suy nghĩ, hành động, cách sống và cuộc sống của chúng ta có được biến đổi và điều chỉnh phù hợp với đời sống ơn gọi không? Thích làm linh mục là một chuyện, nhưng có phù hợp với đời sống linh mục hay không lại là một chuyện khác. Những điều kiện bên ngoài (nhất là các mối tương quan khác phái), những điều kiện tự nhiên (sức khoẻ, tính tình, trí khôn, khả năng) và những điều kiện tinh thần và thiêng liêng (tinh thần

tự hiến, tinh thần trách nhiệm, tinh thần và đời sống thiêng liêng, tinh thần đức tin, tinh thần cộng tác, tinh thần vâng phục, tinh thần nghèo khó, tinh thần và khả năng sống độc thân thanh khiết, tinh thần phụng vụ, tinh thần mục vụ, tinh thần lao động chân tay) của chúng ta có phù hợp với đời sống linh mục không?

Mọi thành phần Dân Chúa, nhất là các vị hữu trách đang xem xét tính thích hợp đó của chúng ta, chúng ta liệu biến đổi và điều chỉnh sao cho phù hợp, kéo thời gian có hạn, sợ viết chưa xong bài luận văn mà đã phải nộp, không có phần kết, không đạt tới chức linh mục được chăng?! Tĩnh Tâm Năm là thời gian thuận lợi cho chúng ta bắt đầu lại đời sống ơn gọi của mình với một chủ đề, một động lực thật tốt, thật dứt khoát, để mạnh mẽ triển khai, thời gian và tiến trình đào tạo không cho phép chúng ta dễ dàng xoá chủ đề và viết lại chủ đề khác đâu. Chúng ta hãy kiên nhẫn và cẩn thận hoàn tất từng giai đoạn, đừng vội vàng đốt giai đoạn, mà cũng đừng dậm chân tại chỗ hay nản chí bỏ cuộc tháo lui. Hãy nỗ lực vận dụng tất cả để phục vụ lý tưởng ơn gọi của chúng ta bằng mọi giá, trong tin tưởng cầu nguyện. Cầu chúc mỗi người chúng ta viết thật tốt bài luận văn cuộc đời ơn gọi của mình và đạt tới kết luận mong mỏi là chức linh mục.

Anh Em thân mến,

Hãy tin tưởng vào lòng thương xót của Chúa và hãy lạc quan. Đừng quá chú trọng vào làm lỗi, nhưng hãy chú trọng đến bài học từ làm lỗi đó để rút kinh nghiệm mà không làm lỗi nữa. Chính Chúa Giêsu đã từng nói: *“Tội con đã được tha, hãy về bằng an và từ nay đừng phạm tội nữa.”* Đừng thất vọng về lỗi lầm quá khứ của mình và của anh em. Hãy xem cách xử sự của Chúa Giêsu đối với thánh Phêrô và thánh Mađalêna. Ngài tha thứ, tin tưởng vào sự biến đổi tốt đẹp trong tương lai, và vẫn tín nhiệm trao cho Phêrô trách nhiệm làm đầu Giáo Hội và cho Mađalêna làm sứ giả Tin Mừng Phục Sinh. Quả thật *“Tội thì tha, lỗi thì sửa; mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai.”*

ĐTC Phanxicô, khi suy niệm Tin Mừng Ga 21,15-19, mô tả thánh Phêrô là một tội nhân, có nhiều khuyết điểm, nhưng tự hạ mình để được Chúa Kitô dẫn dắt tiến lên phía trước. Ngài mời gọi chúng ta noi gương Thánh Phêrô, bằng cách nhận ra lỗi lầm và mở lòng ra cho Chúa, để Chúa dẫn dắt theo con đường ngay chính: *“Chúng ta hãy cầu xin Chúa cho mẫu gương của Thánh Phêrô, một người gặp Chúa thường xuyên và cũng là người được Chúa làm cho thanh sạch và trưởng thành hơn về mặt tâm linh, có thể giúp chúng ta hướng về phía trước. Xin cho điều đó làm cho chúng ta tìm kiếm Chúa và tìm gặp được Chúa, để Chúa tìm thấy chính chúng ta. Chúa luôn luôn ở đó, gần gũi chúng ta, tìm kiếm chúng ta. Nhưng đôi khi chúng ta nhìn theo hướng khác vì chúng ta không muốn nói chuyện với Chúa hoặc không muốn để cho Chúa tìm thấy chúng ta”*[8].

Mới đây, khi cha Antonio Sparado, chủ bút tạp chí *La Civiltà Cattolica* của Dòng Tên, hỏi “Jorge Mario Bergoglio là ai?” ĐTC Phanxicô im lặng nhìn thẳng cha. Cha Sparado hỏi có thể hỏi câu hỏi đó không. Ngài gật đầu và trả lời: *“Tôi không biết đâu mới là câu mô tả xứng hợp nhất... Tôi là kẻ có tội. Đây là định nghĩa chính xác nhất, không văn vẻ hoa mỹ, văn chương. Tôi là kẻ tội lỗi”*. Ngài tiếp tục tập trung suy nghĩ, như thể câu hỏi bất ngờ và ngài buộc phải suy nghĩ thêm. *“Đúng, có lẽ tôi có thể nói thế này tôi có khéo léo một chút, có thể thích ứng với hoàn cảnh, nhưng cũng đúng là tôi có hơi ngậy thơ. Đúng, nhưng điều tóm tắt hay hơn cả, điều phát xuất từ bên trong hơn cả, và là điều tôi cảm thấy đúng hơn cả là: tôi là kẻ tội lỗi mà Chúa đã đoái nhìn”*. Rồi ngài nhắc lại: *“Tôi là kẻ được Chúa đoái nhìn. Tôi luôn cảm nhận khẩu hiệu của tôi Miserando atque Eligendo [được xót thương và tuyển chọn], thật chân thực đối với tôi”*.

ĐGH. Phanxicô như thế đó, hướng gì là chúng ta. Xin Chúa Thánh Thần, là Thần Chân Lý, tiếp tục cho đến kiện toàn những gì Ngài đã thương khởi sự cho chúng ta và với chúng ta. Tôi xin mời anh em nghe và hội nhập bản thân với ý lời bài hát “Thập giá ơn biến đổi” để kết thúc bài suy niệm này.

[1] Ga 1, 40-42.

[2] Vatican Radio ngày 4/10/2013.

[3] Pl 3, 7-9.

[4] Cl 3, 7-8.

[5] 2 Cr 5,17.

[6] Trích Bài đọc 2 Kinh Sách ngày thứ ba Tuần Thánh.

[7] Bài giảng của ĐTC Phanxicô ngày 21/9/2013 tại Nhà Martha, CNA / EWTN News.

[8] Xem bài giảng lễ ngày 17/5/2013 tại Nhà trọ thánh Matta.

VỀ MỤC LỤC

Coi trọng điều gì nhất?

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : CHÂN LÝ

254. Coi trọng điều gì nhất?

Ngay sau cái chết của giáo sĩ Mokshe, giáo sĩ Mendel thành Kotyk hỏi một trong các môn đệ của ông, “Thầy các anh coi trọng điều gì nhất?”.

Suy nghĩ một lúc, người môn đệ thưa, “Bất kỳ điều gì thầy tôi đang làm trong hiện tại”.

گ

255. Chân lý là gì?

Nó được diễn tả tốt nhất trong thinh lặng...

Bodhidharma được xem là Tổ phụ Thiền đầu tiên. Ông là người đưa đạo Phật từ Ấn Độ sang Tàu vào thế kỷ thứ sáu. Khi quyết định trở lại quê nhà, ông tập trung các đồ đệ Tàu quanh mình để chọn người kế vị. Ông xét xem khả năng nhận thức của họ bằng cách hỏi mỗi người câu hỏi này, “Chân lý là gì?”.

Dofuku trả lời, “Chân lý là điều vượt ra ngoài khẳng định và phủ định”. Bodhidharma đáp: “Anh có da của ta”.

Ni cô Soji thưa, “Nó giống như nhãn quan của Anand về Đất Phật-nhìn trong tia chớp, một lần thay cho tất cả”. Bodhidharma đáp, “Con có thịt của ta”.

Doiku thưa, “Bốn nguyên tố phong, thủy, thổ và hỏa thì trống rỗng. Chân lý là hư vô”. Bodhidharma đáp, “Anh có xương của ta”.

Cuối cùng Thầy nhìn vào Eka, người đang cúi mình, cười và giữ thinh lặng. Bodhidharma đáp, “Anh có tuỷ của ta”.

گ

256. Người kế vị

Tổ phụ thứ năm của Thiền, Hung-jun, chọn Hui-neng trong số năm trăm đệ tử làm người kế vị mình. Khi người ta hỏi tại sao, ông đáp, “Bốn trăm chín mươi chín người kia tỏ ra thông thạo hoàn toàn giáo lý nhà Phật. Chỉ mình Hui-neng không hiểu biết gì. Anh ta là mẫu người mà những tiêu chuẩn thông thường sẽ không đánh giá. Vì thế chiếc áo cà sa kế thừa phải được trao cho anh ta.”

گ

257. Thảm phán cao bồi

...và đòi hỏi những thành tựu to lớn nhất của tinh thần con người - một đầu óc cởi mở...

Chuyện kể rằng, khi New Mexico trở thành một phần của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và khi phiên tòa đầu tiên được mở trong tiểu bang mới mẻ này thì ông chánh án là một cao bồi cao niên, cứng cỏi, đã từng là một chiến binh da đỏ.

Ông ngồi vào ghế và phiên tòa bắt đầu. Một người đàn ông bị tố cáo tội cắp trộm ngựa. Sau khi đọc xong bản cáo trạng, tòa chăm chú nghe lời bào chữa và các chứng nhân.

Luật sư bào chữa đứng dậy nói, “Bây giờ, thưa ngài chánh án, tôi muốn trình bày lời khai của thân chủ tôi”.

Thẩm phán bảo, “Ngồi xuống, không cần thiết. Điều đó chỉ làm bồi thẩm đoàn bối rối!”.

Nếu chỉ có một chiếc đồng hồ, bạn biết giờ giấc. Có đến hai chiếc, bạn không bao giờ chắc chắn.

گ

258. Chân lý nói trong thinh lặng

...và một tâm hồn không sợ sệt.

Có tiếng đập mạnh trong tim của một người đi tìm chân lý. “Ai đó?”, kẻ đi tìm lo sợ hỏi.

“Tôi, Chân lý đây” có tiếng trả lời.

“Đừng ngó ngẩn”, kẻ đi tìm bảo, “Chân lý nói trong thinh lặng”.

Điều đó khiến tiếng đập dừng hẳn - kẻ đi tìm thấy nhẹ nhõm.

Điều mà kẻ đi tìm không biết là tiếng đập được tạo ra bởi nhịp tim sợ hãi của anh.

Chân lý giải thoát chúng ta hầu chắc luôn luôn là Chân lý mà không ai không muốn nghe.

Vì thế khi nói điều gì đó là không đúng, thì điều mà tất cả chúng ta thường có ý nói là, “tôi không thích điều đó”.

گ

259. Trả lại bản thảo kiệt tác

Sự trong sáng của nó không cần phải mờ đi bởi lịch sự...

Một nhà xuất bản Trung Quốc trả lại bản thảo cho tác giả của nó với lời từ chối sau đây:

“Chúng tôi đã đọc kỹ bản thảo của ông với sự hứng thú đặc biệt. Tuy nhiên, nếu xuất bản tác phẩm trội vượt này thì chúng tôi sợ rằng, sẽ không bao giờ có thể cho ra đời một tác phẩm nào khác đạt đến chuẩn mực như tác phẩm của ông. Làm sao tưởng tượng để có thể có một tác phẩm sánh kịp nó trong một trăm năm tới. Vì thế, thật đáng tiếc khi chúng tôi buộc phải trả lại tác phẩm có một không hai của ông. Chúng tôi ngàn lần xin ông bỏ qua sự thiếu cặn và nhút nhát của chúng tôi”.

گ

VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI NGHÈO MÃI KHÓC

Bước chân vào cõi đời này, chẳng ai muốn mình phải rơi vào cảnh nghèo cảnh khổ cả. Thế nhưng, với thân phận, với khả năng cộng thêm phần không may mắn nên nhiều người đã rơi vào cảnh nghèo. Đứng trước cảnh nghèo đó, cái ăn cái mặc còn thiếu trước hụt sau chứ làm gì mơ đến chuyện đến trường hay đến bệnh viện để chữa bệnh cho đến nơi đến chốn.

Có lẽ, nhìn vài mảnh đất Sài Thành xem ra phồn hoa đô thị thật đấy nhưng số người nghèo, số người dân lao động, số người dân chạy ăn từng bữa và những người di dân xa quê vào thành phố chiếm phần đông dân số. Đằng sau những cao ốc, đằng sau những ngôi nhà lộng lẫy đó lại có những căn nhà nghèo nằm sâu trong hẻm nhỏ, có khi con hẻm đó chỉ lọt được vừa đủ chiếc xe gắn máy thôi, muốn qua lại phải nhường nhau từng tí. Hay là ở những quận trung tâm thành phố xem ra phồn vinh đấy nhưng những vùng ven đặc biệt là những vùng đang cư mang dân nghèo nhập cư tá túc thì cái nghèo nó cứ như muốn ôm chầm đời sống của họ.



Có những ngôi trường Âu - Á - Mỹ - Úc ... chi phí mỗi tháng bằng lương cả năm của người giúp việc hay lao động chân tay. Và rồi cũng có những ngôi trường tình thương đầu đó nằm ở xã Bình Hưng huyện Bình Chánh, Bình Hưng Hòa quận Bình Tân ... những ngôi trường tình thương đó đang cư mang hàng ngàn trẻ em nghèo không có khả năng đến trường công bình thường như bao trẻ khác. Ở những ngôi trường đó, có em sáng đi học, chiều về phụ mẹ coi em để kiếm thêm cho cuộc sống. Lại cũng có những em sáng đi học nhưng chiều cấp trên tay tập vé số để phụ giúp gia đình ...

Nghèo quá để rồi đi kiếm con chữ cũng phải đổ mồ hôi sôi con mắt. Nước mắt lưng tròng trên má những trẻ nghèo thiếu thốn.

Kinh tế phát triển, xã hội phát triển, đó là điều ai ai cũng mong ước. Đó là điều bình thường và hợp lý của con người trong đời sống hiện đại.

Và, có những bệnh viện tư hay của nước ngoài đầu tư cao sang lộng lẫy mọc lên để đáp ứng nhu cầu của những người có khả năng. Bên cạnh đó, không thiếu những bệnh viện công ngày mỗi ngày thêm xuống cấp nhưng lượng bệnh nhân ngày mỗi ngày cũng quá tải.

Những người nghèo không nơi bầu vùi dĩ nhiên phải vào những bệnh viện của nhà nước, đó là lẽ thường tình trong xã hội. Nhưng rồi, đến đó, họ cũng chẳng được yên bởi lệ viện phí ngày mỗi ngày lại leo thang tăng tốc.

Vừa qua, một tin nóng đã đến với người nghèo : Với sự tán thành của HĐND TP, kể từ ngày 1-6-2014

Cụ thể, từ ngày 1-6-2014: áp dụng viện phí tăng đối với các dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe; giá giường bệnh/ngày; các dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm (477 dịch vụ) với mức bằng 75% của khung giá do Bộ Y tế và Bộ Tài chính quy định. Giá dịch vụ của nhóm này sẽ tiếp tục tăng thêm từ ngày 1-6-2015 với mức bằng 85% của khung giá do Bộ Y tế quy định và tăng đến mức bằng 100% khung giá của bộ từ ngày 1-6-2016. Đối với nhóm các phẫu thuật, thủ thuật thực hiện lộ trình tăng: từ ngày 1-6-2014 áp dụng mức giá bằng 65%, từ ngày 1-6-2015 bằng 75% và từ ngày 1-6-2016 bằng 100% khung giá quy định của Bộ Y tế - Bộ Tài chính.

Nhiều bệnh nhân đang bị bệnh nặng, cần điều trị lâu dài đã tỏ ra lo lắng vì đời sống còn nhiều khó khăn trước thông tin tăng viện phí. Ông Q, một bệnh nhân bị ung thư vòm họng giai đoạn hai, trần trở "Đọc báo hay tin các bệnh viện tăng viện phí, bệnh của tôi phải điều trị lâu dài không biết có kham nổi chi phí không". (theo Tiền Phong)

Bà Nguyễn Thị B (phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân) thì cho rằng việc tăng viện phí là cần thiết nhưng nên tăng từ từ, không tăng một lúc lên tới 65-75%, vì dù có bảo hiểm y tế hay sự hỗ trợ từ Nhà nước nhưng viện phí tăng sẽ có nhiều dịch vụ khác do ăn theo mà tăng

lên. Một điều nữa cũng khiến nhiều bệnh nhân băn khoăn là việc tăng viện phí này có đảm bảo chất lượng dịch vụ tăng lên hay vẫn "dậm chân tại chỗ".

Mới đây, người vợ của gia đình neo đơn đã rơi vào ngõ cụt khi người chồng bệnh nằm ngày này qua tháng nọ trong bệnh viện. Neo người nên phải thuê người để phụ chăm ông. Chi phí để lo cho ông đến lúc bà không gánh nổi. Bà chỉ biết xin Chúa cho bà đủ sức để bước đi trên con đường khó khăn gian khổ này.

Người ta vẫn thường nói đùa với nhau rằng ngày còn trẻ thì bỏ sức khỏe ra để kiếm tiền, khi về già bỏ tiền ra để mua sức khỏe. Với người nghèo, bỏ sức khỏe ra thì cũng đủ sinh nhai chứ chẳng nghĩ đến chuyện gì cao xa. Khi về già, họ làm gì còn tiền để "mua" lại sức khỏe như những người có cuộc sống ổn định hay dư ăn dư để.

Mà xét cho cùng, dù dư ăn dư để đi chẳng nữa khi vào bệnh viện thì tiền ra đi như gió vào nhà trống thôi.

Dĩ nhiên, tăng viện phí để việc chữa trị tốt hơn nhưng đáng tiếc thay đồng lương và an sinh xã hội cách riêng với những người lao động nghèo chẳng thấy tăng. Và có tăng đi chẳng nữa thì vẫn tăng một cách khiêm tốn so với chi tiêu mỗi ngày của họ cũng như chi phí họ phải trả khi nằm viện.

Thử tính nhằm một lao động chân tay hay một công nhân hay hơn một tí nữa là một nhân viên y tế là y tá đi ta sẽ thấm được phần nào của cái nghèo. Lương của những người đó hiện nay trung bình trên dưới 4 triệu. Để một lần đi khám bệnh và để một lần đi nằm bệnh cũng như một lần mổ xẻ gì đó thì chi phí là bao nhiêu.

Mới đây, một người thân nằm viện vài ngày để phẫu thuật nhỏ về đường tiết niệu thôi cũng đã mất gần 10 triệu. Anh đi làm mỗi tháng hơn 4 triệu. Như thế, chi phí cho một lần mổ như thế đã chiếm khá lớn phần thu nhập mỗi tháng của anh.

Một bà cụ té gãy chân, nhập viện và mổ. Chi phí phẫu thuật và nhập viện của bà ngót nghét trên 50 triệu. Con cháu bà phải chạy vạy khắp nơi để lo cho bà. Họ đã nghèo nay phải nghèo hơn khi lâm cảnh khốn cùng.

Và như vậy, thử hỏi người nghèo có cười nổi không khi phải vào nhập viện ?

Người nghèo đã khóc nay phải khóc thêm nữa đứng trước thềm năm mới, thềm của năm tăng viện phí và tăng giá nhiều chi phí sinh hoạt khác.

Một năm cũ đang dần qua và một năm mới nhiều khó khăn đang chờ đón những người nghèo. Đã nghèo còn phải gặp nhiều khó khăn hơn nữa khi đứng trước những cơn bão giá mà họ chẳng bao giờ ngờ được.

Viện phí tăng người nghèo càng thêm khổ.

Thương thay cái phận nghèo.

Anmai, CSsR

[VỀ MỤC LỤC](#)

50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 38: CẦN XÉT LẠI NGÀY THÁNG MỪNG CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

Rồi tháng Mười Một cũng đã trôi nhanh và ngày 24-11 Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam cũng đã qua. Có ngày mừng Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam thì thật tuyệt vời, nhưng lịch mừng ngày 24-11 thì thật trớ trêu và bất lợi. Đã 25 năm rồi, chưa năm nào Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam được mừng trọng thể đúng vào chính ngày 24-11, kể cả năm 2013 này, khi ngày ấy trùng vào Chúa nhật. Chúa nhật cuối năm phụng vụ là để mừng lễ Chúa Kitô Vua, cho nên Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam buộc lòng phải cử hành sớm đi một tuần, vào Chúa Nhật 33 Quanh Năm.

Có một điều dễ bị lãng quên, là thông điệp quan trọng đặc biệt của phụng vụ Lời Chúa ngày Chúa nhật 33 Quanh Năm. Cả ba năm A, B và C Lời Chúa của ngày này luôn tập trung vào chủ đề ngày cánh chung. Quên là dễ hiểu, vì một phần tư thế kỷ rồi, người Công giáo Việt Nam không còn biết đến Chúa nhật 33 Quanh Năm nữa.

Mỗi năm 365 ngày chỉ có một ngày để nói về sự cùng tận của lịch sử nhân loại, nhưng từ 25 năm qua người Công giáo Việt Nam không còn được nghe và suy ngẫm về điều ấy, đang khi văn minh vật chất ra rả 24/24 giờ dạy họ bám lấy hạnh phúc đời này như sẽ chẳng bao giờ phải chết.

Ngày 24-11 được chọn làm lễ kính CTTĐVN là để ghi nhớ ngày thành lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, nhằm gián tiếp khẳng định lòng trung thành của giáo đoàn Việt Nam với Tòa Thánh Phêrô, thế nhưng suốt 25 năm qua có mấy ai đã nhắc đến ý nghĩa này? Ngay cả Đại Hội Dân Chúa mừng 50 năm Hàng Giáo Phẩm Việt Nam hình như cũng không quan tâm gì đến (Xem bản đề cương “Giáo Hội tại VN”). Đang khi đó ngày mừng lễ vào 24-11 hết sức bất tiện cho Dân Chúa tại Việt Nam. Hơn 25 năm đã qua, mọi người đã quá rõ là không gì lay chuyển được tấm lòng trung thành của Giáo Hội Việt Nam đối với Tòa Thánh Phêrô. Việc khẳng định sự trung thành ấy bằng ngày 24-11 có còn cần thiết không?

Năm nào, việc kính trọng thể Lễ CTTĐVN cũng lấn mất chỗ của Chúa Nhật 33 Thường Niên. Chúa Nhật này không mang tên một ngày lễ riêng nhưng có đặc điểm là các bài đọc luôn nói về màu nhiệm cánh chung. Đã 25 năm qua, giáo dân Việt Nam không còn được nghe giảng về cánh chung. Nếu chúng ta cứ tiếp tục mất cơ hội nói về cánh chung, chúng ta cũng mất mát rất nhiều trong đời sống tâm hồn của tín hữu. Cần đặt nặng câu hỏi liệu việc mừng trọng thể Lễ CTTĐVN vào Chúa Nhật 33 Thường Niên có gián tiếp gây phản tác dụng? Cần nhớ rằng những lý do đưa đến việc ban hành huấn thị Ex quo singulari năm 1742 rất nghiêm túc, không dừng lại nơi chuyện thấp nhang hay không thấp nhang nhưng chạm đến những sự thật về cánh chung học và cứu chuộc học.

Trước lễ phong thánh, Giáo Hội Việt Nam có một tháng kính CTTĐVN: Tháng 9. Sau lễ phong thánh, tháng này biến mất không kèn không trống. Nhưng phải hỏi xem, trong tâm tư một giáo dân, tháng 9 ấy và ngày lễ 24-11, bên nào có âm hưởng sâu xa hơn? Để lập lại tháng 9 ấy, cần chuyển lễ CTTĐVN về lại một Chúa nhật của tháng 9. Chúa nhật thứ nhất gần với lễ Quốc khánh, có thể gặp phải những hiểu lầm tế nhị nào đó ở một số địa phương hẻo lánh, cho nên xin được đề nghị chọn ngày lễ này sao đó để có thể mừng trọng thể vào Chúa nhật thứ hai của tháng Chín, trước lễ Suy tôn Thánh giá Chúa.

Nếu chúng ta không thể xin thay đổi ngày lễ CTTĐVN trong lịch phụng vụ toàn cầu, ít ra cần xin một biệt lệ là mừng trọng thể lễ ấy trên lãnh thổ Việt Nam vào Chúa Nhật thứ hai tháng 9.

Mừng lễ vào đầu tháng 9, không chỉ để khởi đầu năm mới của tháng 11, nhưng còn để đem lại ánh sáng phục sinh cho nỗi buồn tháng 7 âm lịch của người Việt.

50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 39: MƯỜI BÀI TÂM CA MÙA BÁO HIẾU

Tôi đã đề xuất ngày truyền thống các dòng họ để dễ gặp gỡ anh chị em lương dân và giúp họ hiểu giáo lý Đạo Chúa. Điều ấy chỉ thiết thực với những ai ở gần nhà thờ, những người ở xa xôi thật khó. Như tại giáo phận Qui Nhơn chúng tôi, tỉ lệ người Công giáo chỉ chiếm 1,8% dân số, khắp ba tỉnh chỉ có hơn 50 ngôi nhà thờ, cả những người Công giáo lắm khi cũng sống rất xa nhà thờ. Vậy thì phải làm sao đây?

Những ai trong quý độc giả thường đi xe đò, hẳn đã có lần được tặng sách báo và băng đĩa Phật giáo. Tôi đã nhiều lần thấy người ta tặng sách và đã hai lần nhận sách. Một lần có về tỉnh cò, người ngồi bên cạnh tôi đọc một quyển sách song ngữ của Hòa thượng Tịnh Không, tôi hỏi chuyện và người ấy tặng luôn quyển sách. Lần kia là một phụ nữ mặc áo lam, đem theo một giỏ xách đầy những đĩa CD và những cuốn sách mỏng. Bà lớn tiếng giới thiệu và tặng cho bất cứ ai muốn nhận. Tôi xin hai đĩa, một có tựa đề “Tại sao phải tu theo Đạo Phật” và một có nội dung bảo vệ sự sống.

Mỗi lần dạy giáo lý, tôi thường đi in bài ở quầy photocopy của một thiếu nữ khuyết tật rất vui vẻ và quảng đại. Thỉnh thoảng, khi nội dung bài giáo lý dễ đọc, tôi tặng cho cô một bản. Có lần thấy trên bàn một chồng sách mỏng hướng dẫn cách tụng kinh niệm Phật trong các dịp cúng giỗ, tôi hỏi thăm thì được cô tặng luôn một bản. Thật bất ngờ, tên người “án tống” ghi ở cuối, không ai khác hơn là chính cô ấy. “Án tống” là thuật ngữ chuyên môn có nghĩa là đóng góp để in sách Phật giáo và phát hành miễn phí.

Nhân một mùa Vu Lan, nhận được một CD thuyết pháp về “báo hiếu”, tôi đã tặng đáp lễ một CD mười bài “cầu cho cha mẹ” của nhạc sĩ Phanxicô Nguyễn Đình Diễm. Phản hồi tích cực từ người bạn Phật tử ấy khiến tôi nghĩ đến việc phát hành rộng rãi CD của anh Diễm. Mười bài ca đã khiến nhiều phụ huynh rơi lệ và đã giúp nhiều bạn trẻ quyết sống tốt lành để đáp đền nghĩa mẹ tình cha, tự nó sẽ có sức lan tỏa vượt khỏi hàng rào các giáo xứ. Tôi trao đổi với một cha phó ở miền quê, anh đề nghị nên chèn vào giữa các bài hát một vài lời ngắn về Đạo Hiếu theo quan điểm Công giáo. Tôi viết năm lời giới thiệu chèn vào CD và tặng thử. Một số giáo dân lại đề nghị phải cho thêm hình, để người ta vừa nghe nhạc vừa xem hình ảnh.

Quả là một gợi ý hết sức hay. Một CD mười bài hát cầu cho cha mẹ, có lời dẫn về Đạo Hiếu, lại kèm thêm cả hình ảnh người Công giáo đang thắp hương cúng lễ gia tiên, sẽ len lỏi vào mọi ngõ ngách để nói cho người lương hiểu giáo lý Công giáo về Đạo Hiếu. Tôi gọi cho nhạc sĩ Phanxicô. Anh đồng ý cho tôi thực hiện. Lúc ấy trên mạng Dũng Lạc đã có mấy bài được anh Xuân Minh làm thành slideshow. Tôi liên lạc với anh Minh và anh nhận lời làm thêm mấy bài. Một nhiếp ảnh gia ở giáo xứ Tân Phước, Sài Gòn, là anh Phong nhận làm giúp những bài còn lại. Sau bốn tháng, tôi đã có được DVD mong đợi với tựa đề: “Tâm ca mùa báo hiếu”. Cả bà con người giáo và người lương đều rất thích.

Hy vọng trong dịp kỷ niệm 50 năm áp dụng huấn thị về Tôn kính Tổ Tiên, nhạc sĩ Phanxicô sẽ chính thức xin lại giấy phép xuất bản đĩa nhạc này để phát hành rộng rãi trong mọi thành phần lương, giáo.

Ước gì sẽ có đông đảo anh chị em giúp án tống hoặc mua tặng cho bà con lương dân nhân dịp đám giỗ, đám tang, đám cưới, mùa Vu lan, Giáng sinh hoặc Tết Nguyên đán. Nếu các linh mục và cả giáo dân không có dịp gặp gỡ những người ở xa để hóa giải thành kiến “theo Đạo bỏ Ông bỏ Bà” thì DVD Tâm Ca Mùa Báo Hiếu sẽ làm thay. Khi mỗi gia đình Công giáo đều

quan tâm mua DVD này tặng cho những gia đình lương dân mình quen rồi chú tâm cầu nguyện cho họ thì có thể nói chương trình mỗi gia đình một tiểu tổ truyền giáo đã khởi sự cách nhẹ nhàng.

50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ kết thúc : THƯ GỬI NGƯỜI EM CHÙNG SINH: NHỮNG GÀU NƯỚC VÀ TRẬN MƯA TÀM TÃ

Tôi đã tự hỏi nên chẳng phải viết đủ 50 bài để đánh dấu cuộc kỷ niệm 50 năm? Tuy nhiên đó là một kiểu tạo thành tích không nên có, vì e rằng chẳng còn dành chỗ cho ai đóng góp ý kiến. Xin được dừng lại với bài này và mong sẽ nhận được nhiều bài tương cầu tương ứng, như bài đóng góp của tác giả Mạc Trường ở chia sẻ 27, để không chỉ đạt tới tổng số 50 mà cả tới 100 và hơn nữa. Cách riêng tôi mong nhận được phản hồi của những người em chủng sinh từ mọi ngõ ngách của Đất nước và Giáo hội.

Này em chủng sinh, tôi viết những dòng này cho em trong đêm canh thức giã từ một nhà đào tạo là cha Phêrô Đặng Xuân Thành, giám học Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội. Cha bị đột quỵ sau khi vừa tan buổi học, hôn mê mấy ngày rồi được về với Chúa hôm 27-11 và sẽ an táng vào sáng mai, 02-12-2013. Có thể em đã từng thụ giáo với cha qua các lớp học, qua các tuần tĩnh tâm hoặc qua sách vở do cha biên soạn hay dịch thuật. Vị linh mục 60 tuổi này để lại một tấm gương sống âm thầm, giản dị, vui tươi, chuyên cần cầu nguyện, hiếu học, quảng đại phục vụ, trung thực và quả cảm sống theo những gì mình giảng dạy.

Ngót 32 năm làm linh mục triều, cha chưa một ngày coi xứ, chưa làm một nhà nguyện nhỏ nào, nhưng có lẽ những đóng góp của cha cho Giáo hội Việt Nam đáng quý hơn cả trăm cả ngàn ngôi nhà thờ, bởi lẽ cha đầu tư toàn bộ đời linh mục của mình để đào tạo người cho Giáo hội.

Cũng vậy, có thể Chúa sẽ không dành cho em trách nhiệm trong một cơ sở đào tạo nhưng chắc hẳn Chúa chọn em làm linh mục không vì mục đích nào khác hơn là rao giảng Tin mừng cho đồng loại và đưa họ về với Chúa. Thánh Gioan Thánh giá quả quyết rằng chỉ một linh hồn người ta thôi đã đáng quý hơn tất cả vũ trụ này. Em hãy khắc ghi điều ấy để loại hẳn khỏi tâm trí mọi ý tưởng vờ vờ khiến em lệch khỏi lý tưởng cứu rỗi các linh hồn. Hãy ghi khắc để khi được nên người của Chúa, em sẽ không phí phạm năng lực tuổi trẻ linh mục của mình vào việc xây cất cơ sở vật chất. Ma quỷ luôn tìm cách dùng những điều tốt giả hiệu để cầm chân, khiến ta hoang phí tâm huyết vào những điều phù phiếm, không còn lắng nghe và thực hiện ý Chúa nữa. Ngay ngày đầu mùa Vọng hôm nay, Hội thánh gửi đến các linh mục và tu sĩ của mình, qua bài đọc I giờ Kinh Sách, lời cảnh cáo nghiêm khắc của sách Isaia: “Thôi, đừng đem những lễ vật vô ích đến nữa. Ta ghê tởm khói hương, Ta không chịu nổi ngày đầu tháng, ngày sa-bát, ngày đại hội, không chịu nổi những người cứ phạm tội ác rồi lại cứ lễ lạt linh đình. Ta chán ghét những ngày đầu tháng, những đại lễ của các người. Những thứ đó đã trở thành gánh nặng cho Ta, Ta không chịu nổi nữa” (Is 1,13-14). Hội Thánh muốn chúng ta đọc lại những lời ấy không phải để nghĩ về những người thời Isaia nhưng để nghĩ về chính bản thân chúng ta.

Trong bài giảng lúc 7 giờ tối nay, trước quan tài cha Phêrô Đặng Xuân Thành, Đức Cha Micae Hoàng Đức Oanh chuyển từ lời kêu gọi tỉnh thức của Mùa Vọng sang lời kêu gọi truyền giáo. Ngài nhắc lại nhận định của một viên chức nhà nước: “Người Công giáo quý vị giỏi xây cất nhà thờ nhưng không giỏi truyền giáo như người Tin lành” và nhận định khác của một số anh em Tin lành: “Người Công giáo không thật sự yêu Chúa Kitô. Họ không dám chết vì Chúa và không dám nói về Chúa. Người Công giáo chỉ lo cho người ta về cơm áo, thuốc men, còn người Tin lành cho người ta chính Chúa Giêsu”.

Những lời ấy có lẽ chỉ đúng với người Công giáo Việt Nam chứ không đúng với người Công giáo Nam Hàn. Năm 1950, tại Hàn Quốc, cả Tin lành và Công giáo cộng lại chỉ mới được 1% dân số. Năm nay người Tin lành đã lên khoảng 28% và người Công giáo khoảng 10% dân số. Năm 1950 người Công giáo Việt Nam chiếm khoảng 8% và năm 1963 khoảng 10% dân số. Hiện nay con số lạc quan nhất là 7%.

Thời Êlia, Dân Chúa vẫn chai lì sau ba năm rưỡi hạn hán, khiến vị ngôn sứ phải thốt lên: “Các người còn đi nước đôi đến bao giờ?”. Ngày nay chúng ta hứng chịu cơn hạn hán đã tròn nửa thế kỷ mà vẫn bình chân như vại. Ta vẫn còn cứ say sưa với những hình thức hào nhoáng bên ngoài. Bao giờ ta mới can đảm dứt bỏ những Baal của tự hào, khoa trương, chiếm hữu, cầu an và hưởng thụ để quay về với Thiên Chúa hằng sống, Đấng vô cùng giàu sang phú quý mà đã trở thành nghèo khó vì ta?

Giáo hội Công giáo Nam Hàn hiện đang theo đuổi kế hoạch 20-20, nghĩa là quyết tâm hành động để năm 2020 số người Công giáo sẽ đạt tới 20% dân số.

Em nghĩ liệu Giáo hội Việt Nam chúng ta còn có thể bắt kịp họ chăng? Theo tôi, nếu chúng ta dám buông bỏ những dự phóng to lớn mang tính nhân loại để chuyên tâm làm theo những gợi ý nhỏ của Thiên Chúa trong cuộc sống hằng ngày, Ngài sẽ ban chúng ta ơn ấy, nếu không ở năm 2020 thì ở năm 2033 khi chúng ta mừng kỷ niệm 500 người Việt đón nhận Tin mừng. Nếu chạy theo những kế hoạch loài người, mãi mãi ta chỉ hứng được những giọt sương, còn nếu theo đuổi gợi ý của Thiên Chúa, ta sẽ được ngập lặn trong nguồn suối dạt dào (Thánh Âu Tinh, xem bài đọc 2 Kinh Sách, Thứ Ba tuần 34 Thường niên). Chạy theo kế hoạch nhân loại, ta sẽ vất vả kéo từng gàu nước giữa cơn hạn hán. Làm theo gợi ý của Thiên Chúa trong giây phút hiện tại, ta sẽ nhận được cơn mưa tầm tã. Không phải tôi quả quyết với em điều ấy nhưng là Thánh nữ Têrêxa Avila, bậc thầy trong Hội thánh về đời sống tâm linh và đời sống hoạt động mà chúng ta sắp mừng 500 sinh nhật vào năm 2015 tới đây. Tôi thoáng thấy cơn mưa đang chờ đợi khi nhận ra rằng Việt Nam cũng có sẵn con đường để thoát khỏi cái mệt mỏi của nỗ lực truyền giáo lẻ tẻ từng người và chuyển sang cung cách hành động mới: tập thể loan Tin mừng cho tập thể. Ở Nam Hàn, người ta loan Tin mừng từ gia đình đến gia đình. Ở Việt Nam, nếu ta biết nhập cuộc kịp thời, Chúa sẽ cho ta cơ hội loan Tin mừng khởi đầu từ những người cùng dòng họ, họ nào truyền giáo cho họ nấy.

Và em biết không, để đạt mục tiêu đã đề ra, Hội thánh tại Hàn Quốc tập trung đào tạo các ngành giới trong Dân Chúa theo định hướng ấy, nhưng cách riêng là tập trung đào tạo các chủng sinh. Mục tiêu các chủng viện của họ không phải là đào tạo những chuyên viên coi xứ nhưng là đào tạo những nhà truyền giáo.

Em hãy tự đào tạo, đúng hơn, hãy để Chúa Thánh Thần đào tạo em thành nhà truyền giáo. Ngay từ hôm nay, em hãy tha thiết cầu xin Thiên Chúa Ba Ngôi ban cho một tâm hồn truyền giáo. Hãy xin, Chúa sẽ không chối từ. Hãy ngỏ lời với Mẹ Maria, Ngài sẽ ủng hộ em. Niềm ước mơ của em trên ghế chủng viện sẽ định hướng cả đời linh mục của em. Cha Thành đã như thế, tôi cũng thế và em rồi cũng thế.

Cha Phêrô Đặng Xuân Thành lên đường theo Chúa năm 1965, khi 12 tuổi (12 tuổi ta – tuổi tây là 11). Còn hết sức bé, so với em ngày nay.

Còn tôi, năm 1960, khi đã 14 tuổi. Cả bên nội và bên ngoại tôi đều đã theo Chúa từ nhiều thế hệ. Ngày tôi còn bé, toàn bộ gia tộc hai bên nội ngoại định cư ở gần trung tâm thị xã Tuy Hòa, miền Trung. Chỉ riêng có bác Thân tôi ở cách khu trung tâm 3 km về phía Bắc. Bác không theo Công giáo nhưng xuất phát từ cùng một huyện ở quê tôi và lại mang cùng họ, cho nên cha tôi và các chú tôi nhận bác làm anh. Gia đình bác là một gạch nối để tâm hồn trẻ thơ của tôi tiếp cận với thế giới người lương cách thân thương và kính trọng. Nhờ đó, ngay từ những ngày đầu vào Tiểu chủng viện (lớp Sáu ngày nay), tôi đã mơ làm sao chia sẻ Tin mừng cho đồng đạo

người lương tại xã và huyện quê nhà của tôi, cách riêng là cho những người cùng dòng họ. Khi Hội Đồng Giám Mục miền Nam Việt Nam ra thông cáo 1965, tôi mới học xong lớp Đệ Tam (lớp Mười ngày nay). Vào năm học tiếp đó, cha Phêrô Hoàng Kym, nay là Tổng đại diện Giáo phận Qui Nhơn, đã giải thích cho lớp chúng tôi nội dung thông cáo ấy.

Năm tôi học lớp dự bị của Giáo Hoàng Học Viện thì Đức Cha Kontum ngày nay đang là thầy Micae Hoàng Đức Oanh của lớp sắp ra trường. Một hôm ngài đưa cho tôi mấy trang giấy đánh máy và bảo:

- Chú đọc và sửa văn giúp anh, sao cho người lương nghe qua là hiểu ngay.

Tôi còn nhớ rõ đó là bản văn Tin mừng theo Thánh Luca kể chuyện Đức Mẹ đi thăm bà Êlisabét.

Rồi tôi được mời tham dự buổi suy tôn Lời Chúa ngoài trời của ngài dành cho bà con cả lương lẫn giáo tại khóm Đông Tĩnh, Hà Đông, Đà Lạt. Mục tiêu cử hành buổi ấy là để giúp người dân suy tư, đi từ việc tôn kính Ông Bà Tổ Tiên đến việc kính thờ Thiên Chúa. Niềm ước mơ của cậu tiểu chủng sinh kia giờ đây được Giáo hội đẩy vào một định hướng thật rõ...

Về sau tôi đọc thấy trong quyển “Bảy thói quen giúp bạn trẻ thành đạt” lời khuyên của tác giả của Sean Covey: “Hãy định rõ mục tiêu trong đầu trước khi bắt tay vào việc”. Chính gia đình, lớp giáo lý, đoàn thể thiếu nhi Công giáo rồi Tiểu chủng viện đã được Chúa Thánh Thần dùng để giúp tôi khẳng định ngay từ đầu mục tiêu đơn giản của ơn gọi là tôn vinh Danh Thiên Chúa và cứu rỗi các linh hồn. Với ý thức ấy, tôi đã háo hức suốt cuộc hành trình hơn 50 năm của đời tận hiến và ngót 50 năm được đồng hành với niềm thao thức của Hội thánh qua việc áp dụng huấn thị “Plane compertum est”.

Hôm nay tôi cũng ước mong được nhìn thấy em, người chủng sinh yêu dấu của Chúa, khắc sâu chọn lựa của mình vào tâm trí: chọn lựa Chúa Kitô cùng với nỗi khắc khoải cứu rỗi các linh hồn dù bằng con đường hẹp của Ngài, để rồi 50 năm nữa khi tổng kết hành trình ơn gọi, em nhận ra rằng một khi ta đã miệt mài tìm kiếm Chúa, Chúa sẽ làm cho cả những đóng góp vô nghĩa nhất của ta nở hoa.

Em hãy định rõ trong tâm trí điều Chúa đang mong chờ em và hãy để chính Chúa trang bị em cho công cuộc của Ngài.

*Viết xong tại nhà xứ Nam Hải, giáo phận Sài Gòn,
rạng sáng ngày 02-12-2013.*

Linh mục Trăng Thập Tự Võ Tá Khánh

VỀ MỤC LỤC

DỪNG MUỐI VỪA PHẢI

Muối ăn (*NaCl*) là những hạt màu trắng, vị mặn, tách ra từ nước biển hoặc khai thác từ mỏ di tích của biển. Đây là một chất cần thiết cho mọi sinh vật nhưng cũng có nguy cơ gây bệnh nếu dùng quá nhiều.

Muối ăn được dùng từ thuở rất sớm trong lịch sử loài người. Trước đây, vì khan hiếm, nên muối là nguồn lợi mà nhiều lãnh chúa tranh giành. Ngày nay, nhờ kỹ thuật tinh chế tân tiến, muối được sản xuất dễ dàng, nhiều hơn và rẻ hơn.

Về cấu tạo hóa chất, muối ăn gồm hai phần tử là *natri* (40%) và *chlor* (60%). *Natri* có trong nhiều thực phẩm, nhất là trong thực phẩm chế biến và các loại nước uống.

Nhiều người cho là muối biển tốt hơn nhưng thực ra muối từ biển và muối từ mỏ có cùng lượng *natri* như nhau. Có thể là ở một vài mỏ, muối ít mặn vì nước biển xưa kia cũng nhạt hơn nước biển ngày nay

Vai trò muối trong cơ thể

Trong cơ thể, muối nằm trong các dung môi lỏng (50%), dự trữ trong xương (40%) và 10% trong các tế bào.

Vai trò chính yếu của muối, nhất là *natri*, giúp giữ cân bằng dung dịch chất lỏng ra vào các tế bào. Ngoài ra, muối còn có các vai trò khác như:

- Kiểm soát khối lượng máu, điều hòa huyết áp;
- Duy trì nồng độ acid/kiềm của cơ thể;
- Dẫn truyền tín hiệu thần kinh;
- Giúp cơ thể tăng trưởng;
- Giúp hấp thụ co duỗi;
- Giúp mạch máu co bóp khi được kích thích hoặc dưới tác dụng của kích thích tố;
- Hỗ trợ việc hấp thụ đường *glucose* và các chất dinh dưỡng khác ở trong ruột.

Công dụng dinh dưỡng

-Muối tạo ra một vị mặn đặc biệt cho thực phẩm.

-Muối làm tăng mùi vị của món ăn. Chỉ với một chút muối có thể làm sự thơm ngon của miếng thịt lợn nướng chả dậy mùi. Một vài món thực phẩm ngọt mà thêm tí muối

cũng đậm đà hơn.

-Muối được dùng để cất giữ thực phẩm, chống lại tác dụng của vi khuẩn, nấm mốc. Với thịt chế biến, muối làm các thành phần của thịt kết liên với nhau. Nhờ muối mà thực phẩm có thể để dành lâu ngày cũng như chuyên trở tới các địa phương xa.

-Muối ngăn sự lên men của thực phẩm. Lên men làm thay đổi hóa chất, hương vị, hình dạng, vẻ ngoài của món ăn.

Về dinh dưỡng, muối có trong thực phẩm tự nhiên và nước uống (20-40%), được cho thêm khi nấu nướng hoặc khi ăn. Nhưng nhiều hơn cả vẫn là trong thực phẩm chế biến (40-50%). Vì thế, khi mua các loại thực phẩm chế biến, ta cần đọc kỹ nhãn hiệu thực phẩm để biết hàm lượng muối trong đó. Nước tương, nước mắm, các loại nước chấm xì dầu, mù tạt, ketchup, salad dressing... cũng có nhiều muối.

Nhu cầu

Nhu cầu muối ở người bình thường tùy thuộc vào khí hậu thời tiết, mức độ hoạt động của cơ thể. Mỗi ngày cơ thể mất đi khoảng 120 mg muối qua phân, nước tiểu, mồ hôi...

Các chuyên viên y tế dinh dưỡng đều khuyên là mỗi ngày ta không nên dùng quá 2500mg *natri*, tương đương với **một thìa cà phê muối**. Thực ra, cơ thể chỉ cần khoảng 500 mg natri là đủ để duy trì sức khỏe. Số lượng này có sẵn trong các bữa ăn đa dạng và cân bằng các chất dinh dưỡng.

Nhiều người ăn tới 5000- 6000mg *natri* một ngày. Họ không thấy ngon miệng đối với món ăn ít muối vì thế mỗi khi ăn lại phải thêm muối vào thực phẩm để tăng khẩu vị. Họ rất thích ăn thực phẩm làm sẵn như khoai mỡ chiên, đậu phộng, hạt điều rang trong đó có khá nhiều muối.

Dùng muối nhiều hay ít, mặn hay nhạt là **một thói quen**, giống như khi ta ăn các món cay, chua, ngọt. Người quen ăn nhạt, độ 250 mg muối mỗi ngày, rất nhạy cảm đối với muối, và nếu trong thức ăn có thêm một chút muối, họ cũng phân biệt được ngay. Trái lại những người quen ăn mặn, từ 10 đến 20 gr mỗi ngày, thì có cái lưỡi như chai lì với muối, và nếu thức ăn có thêm muối họ cũng không thấy mặn hơn.

Khi có thói quen ăn nhạt thì thường thức được hương vị nguyên thủy của nhiều thực phẩm không thêm muối.

Tác dụng trên sức khỏe

Mối quan tâm thứ nhất của nhiều người là sự liên hệ giữa **quá nhiều muối với cao huyết áp**. Liên hệ này thực ra đã được để ý tới từ hàng ngàn năm nay.

Người Nhật ở Miền Bắc ăn 28 g muối (khoảng 6 thìa cà phê) mỗi ngày cho nên tỷ số người mắc bệnh cao huyết áp cao hơn dân miền Nam ít ăn muối tới 38%.

Thổ dân *Alaska* ăn ít muối nên ít bị bệnh cao huyết áp.

Người Mỹ ăn từ 10 đến 15 g muối mỗi ngày, tức là gấp đôi hay gấp ba số lượng vừa phải, cho nên tỷ lệ dân chúng bị bệnh cao huyết áp lên tới 25%. **Cao huyết áp là một trong nhiều nguyên cơ đưa tới tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim và suy thận.**

Khi ăn nhiều muối thì sự thăng bằng giữa *kali* và *natri* trong cơ thể bị đảo lộn vì *natri* cao sẽ làm giảm *kali* trong các mô. Khi cho thêm muối vào các loại rau, đậu thì sự thăng bằng giữa *natri* và *kali* trong rau đậu cũng thay đổi.

Ví dụ trong 100 g đậu tươi có 300 mg *kali* và 2 mg *natri*. Khi thêm muối vào đậu để đóng hộp thì *natri* lên đến 236 mg và *kali* giảm xuống còn 160 mg.

Khi mức thăng bằng giữa *natri* và *kali* trong cơ thể bị đảo lộn thì cơ thể bị chứng phù nước. Đây là sự tích lũy bất thường của nước trong khoảng trống giữa các tế bào. Hậu quả là các mô thiếu dưỡng khí và là nguy cơ gây ra nhiều chứng bệnh trầm kha như bệnh suy tim. Đồng thời tim cũng phải làm việc mạnh hơn để đẩy máu vào mạch máu, và huyết áp lên cao.

Người nhạy cảm với muối thì chỉ ăn một phân lượng nhỏ, huyết áp cũng lên quá mức trung bình.

Để biết có nhạy cảm hay không, có thể thử bằng cách sau đây: Khi huyết áp cao, không ăn muối trong một tháng rồi đo huyết áp đều đặn. Nếu huyết áp giảm thì có nhiều phần là nhạy cảm với muối và nên giảm tiêu thụ hoặc dùng muối thay thế.

Kết quả các nghiên cứu gần đây cho thấy chỉ có chất *natri* trong muối ăn *natri chlorid* mới gây chứng cao huyết áp còn các loại natri khác như *natri bicarbonat* trong bột nướng bánh, *natri citrat* trong trái cây chua, *natri artrat* trong rượu vang đều không có liên hệ gì với bệnh cao huyết áp.

Một người Đức tên là Sebastian Kneipp, sống vào đầu thế kỷ 20, đã làm một cuộc thí nghiệm hi hữu về muối để thỏa óc tò mò.

Ông ta pha thêm muối vào thực phẩm của bò và quan sát phản ứng của con vật này. Kết quả là khi ăn nhiều muối, bò chết sớm. Khi ngưng muối thì bò sống lâu hơn, và cũng không còn đẻ non.

Gần đây có người lại thí nghiệm cho chuột ăn thêm muối. Kết quả là chuột ăn nhiều muối chết trước chuột ăn ít muối vài tháng.

Giảm muối

Thực ra ta không nên và không được loại bỏ muối khỏi món ăn vì cơ thể cần một số lượng tối thiểu. Hơn nữa, dù muốn bỏ cũng chẳng được vì muối có tự nhiên trong nhiều thực phẩm. Nếu vì lý do sức khỏe mà phải hạn chế thì sau đây là vài gợi ý để giảm muối trong thức ăn:

-Nên dùng thực phẩm tươi, giới hạn thực phẩm biến chế, đóng hộp;

-Không cho thêm muối khi ăn;

-Không cho nhiều muối khi nấu thực phẩm. Khi ăn, thấy nhạt thì dùng thêm. Cho muối khi món ăn nấu đã gần chín, như vậy nước xúp sẽ cho cảm giác mặn hơn.

-Các loại thực phẩm ướp muối cần được rửa nhiều lần với nước lã để loại bỏ bớt muối trước khi ăn;

-Không để lọ muối trên bàn ăn, tránh bị quấy rầy .

-Đừng cho muối vào rau luộc, vì muối hút nước từ rau ra, rau sẽ cứng;

Phụ nữ có thai không nên quá tiết giảm sodium để tránh phù nước, vì có thai cũng cần một số sodium có trong món ăn hàng ngày.

Các vận động viên hoặc người làm việc lao động ngoài nắng, đổ mồ hôi nhiều và mất bớt muối cũng không cần uống thêm natri, vì thực phẩm dùng sau khi vận động đều cung cấp số muối đã mất.

Một số dược phẩm bán tự do cũng có natri: thuốc làm bớt chứng khó tiêu bao tử (loại alkalizer), thuốc ho, thuốc xổ táo bón, thuốc kháng sinh... Do đó, trước khi dùng các loại thuốc này, xin coi kỹ nhãn hiệu và hỏi ý kiến bác sĩ.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên cẩn thận khi dùng những món như mù tạt, nước sốt cà chua, dầu giấm, nước chấm thịt nướng, nước tương, xì dầu, bột ngọt và ngay cả món quốc hồn quốc túy nước mắm của mình, vì chúng có khá nhiều natri. Một muỗng canh nước mắm có tới 2000 mg natri.

Kết luận

Ăn nhạt mặn là một thói quen có thể thay đổi được nếu ta muốn.

Nói như vậy không có nghĩa là ta phải ăn hoàn toàn nhạt, trừ khi có khuyến cáo của thầy thuốc. Nhưng giảm thói quen ăn mặn, chỉ dùng một lượng muối vừa phải có thể giúp ta thưởng thức thực phẩm tốt hơn, vì thực phẩm thêm nhiều muối sẽ mất đi hương vị tự nhiên của nó.

Và sức khỏe cũng được bảo đảm an toàn, không dễ dàng bị Cao Huyết Áp rồi Heart attack, Stroke...xe lăn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

<http://www.youtube.com/user/Drnguyenyduc/videos>

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA